

Viết & Đọc



Đặc San 2008

Viết & Đọc
Đặc San 2008



www.vietdoc.no

Thực hiện

Đinh Ngọc Cần, Dương Kim,
Đặng Bản, Thanh Hiệp,
Phạm Gia Lộc

Góp bài

Hoài Mỹ, Tâm Thanh, Khánh
Hà, Uyên Giang, Cổ Ngự, Đặng
Trình, Cung Vĩnh Viễn, Dương
Kim, Mạch Nha, Đoàn Mai
Tâm, Dương Kiên, Lê Nguyên,
Phạm Tín An Ninh, Bình Sa,
Nguyễn Văn Thà, Thi Hạnh,
Nguyễn Ngọc Thuận, Thạch
Thủ, Nguyễn Tiến Thành
Nguyễn Phạm Thy Hào,
Trần Thụy Minh.

Bìa: Xuân

Huỳnh Trọng Kim

liên lạc

post@vietdoc.no
bankkonto: 0539.50.49463

hoặc

Đinh Ngọc Cần
Utholtn 46E
1053 Oslo, Norway

Đặc San Viết & Đọc không
phải là tiếng nói của đoàn thể
hay bất kỳ tổ chức nào. Mọi
chi phí ấn loát do sự đóng góp
của các thân hữu và bạn đọc.

mục lục

Ngỏ	Nhóm Thực Hiện	3
Năm Tý nói chuyện... chuột!	Hoài Mỹ	4
Thơ: Sài Gòn, Huế, Hà Nội	Uyên Giang	9
Mùa Đông Giữ Lửa	Tâm Thanh	10
Chúc nhau	Thạch Thủ	13
Một Ngày Cuối Năm Buồn	Nguyễn Phạm Thy Hào	14
Tiểu Thơ	Phạm Tín An Ninh	18
Thơ: Nhớ, Một Mình	Nguyễn Tiến Thành	23
Món Quà Giáng Sinh	Đoàn Mai Tâm	24
Thơ: Rã Nhữ, Một Làn Hơi Ấm Cuối, Chợt Hiểu	Thi Hạnh	25
Hà Nội, mùa nước cạn	Cổ Ngự	26
Thơ: Tiền Chì, Một Ngày ở Skjetten, Đêm	Cung Vĩnh Viễn	32
Có Một Thời Thơ Gọi Máu	Đặng Trình	34
Thơ: Chúc mừng em sáu mươi, Quà Tặng Cho Em	Bình Sa	36
Ithinin Qamaran	Nguyễn Văn Thà	38
Rất Nhiều - Sả Mangt	Dương Kim	44
Thơ: Phố tôi ở chiều nay	Mạch Nha	46
Ngậm Ngùi Còn Đó	Dương Kiên	47
Thơ: Sea dead, Chút đông dị mộng, Hành trình độc đạo	Nguyễn Ngọc Thuận	50
Mê Lộ	Nguyễn Văn Thà	52
Thơ: Còn Tiếng Đàn, Bèo Mây	Khánh Hà	58
Lá Thư Na Uy	Lê Nguyên	59
Thơ: Mới	Cổ Ngự	60
Nhạc : Hãy Cho Nhau Nụ Cười	Trần Thụy Minh	66

Ngỏ



Bạn thân mến!

Vào những ngày cuối năm, Nhóm Thực Hiện Viết&Đọc thường nhận được những e-mail từ các bạn viết và bạn đọc khắp nơi gửi về nhắc nhở, với nội dung ngắn gọn như: Sao Viết&Đọc!; Viết&Đọc năm nay thế nào?; Viết&Đọc năm nay vẫn tiếp tục chứ?...

Những e-mail tuy ngắn, nhưng nó mang một sức mạnh. Nó làm cho Viết&Đọc, một tờ báo còn con vãn sống còn. Nó đẩy Viết&Đọc đi ngược các ý nghĩ cho rằng: báo giấy đã đến hồi cáo chung, nhường chỗ cho các tờ báo mạng; hoặc: cái thời của người viết và người đọc tiếng Việt ở Hải Ngoại đã qua rồi, lớp người trẻ không còn tha thiết nữa.

Sở dĩ những e-mail tạo sức mạnh cho Nhóm Thực Hiện Viết&Đọc đến như vậy, vì nó không phải là những lời nói suông, song kèm theo đó là những sáng tác thật giá trị. Và thậm chí còn cả sự đóng góp tài chánh cho việc ấn loát nữa. Nhóm Thực Hiện chúng tôi hết lòng cảm ơn đã được sự cộng tác của các bạn hữu và những đóng góp vật chất cũng như hỗ trợ tinh thần từ nhiều năm qua.

Lần này, Nhóm Thực Hiện hân hạnh giới thiệu đến bạn đọc Viết&Đọc 2008 với những sáng tác mới toanh của những nhà văn, nhà thơ quen thuộc trong cộng đồng người Việt của chúng ta tại Na Uy, cũng đúng dịp mọi nhà đang chuẩn bị đón mừng xuân Mậu Tý.

Chân thành cầu chúc quý vị độc giả và thân hữu xa gần cùng gia quyến vui hưởng một năm mới an khang, hạnh phúc tràn đầy.

Nhóm Thực Hiện

Năm Tý nói chuyện... chuột!



Hoài Mỹ

"Bé hạt tiêu": Trong 12 con Giáp, chuột đứng đầu. Thành tích này không do tài năng hay sức lực, nhưng chỉ nhờ mánh mung của chuột mà thôi. Số là khi muốn chọn 12 con vật để cai quản trần gian, Ngọc Hoàng đã cho mở một cuộc thi bơi qua dòng Thiên giang. Tất cả sinh vật, bất kể ác thú hay gia súc hoặc sâu bọ... đều được tham dự. 12 con nào về tới điểm hẹn trước sẽ trúng tuyển.

Biết mình nhỏ bé lại yếu ớt, chuột ranh mãnh đã lợi dụng lúc trời còn nhá nhem tối, nhảy lên nắp phía sau tai của trâu vốn to xác nhưng ngờ nghệch. Trâu khỏe nên bơi nhanh nhất. Khi trâu vào gần bờ bên kia sông, chuột phóng mình lên trước, chạy ba chân bốn cẳng đến trình diện Thiên Lôi. Rồi lần lượt mới tới trâu (Sửu), cọp (Dần), mèo (Mão), rồng (Thìn), rắn (Tỵ), ngựa (Ngọ), dê (Mùi), khỉ (Thân), gà (Dậu), chó (Tuất) và heo (Hợi). Từ đó, chuột được gán biệt danh Tý và được phong là thủ quân của tập đoàn Thập Nhị Giáp đồng thời còn được ca ngợi là "bé hạt tiêu", nghĩa là con vật tuy nhỏ nhưng có bản lĩnh, khôn ngoan. Cũng vì nhiều mưu mẹo mà ngay khi vừa xuống hạ giới, chuột đã tạo được ấn tượng gây khiếp sợ. Chẳng thế mà cổ nhân ta ngày xưa, không mấy ai dám lồi tên tục của con vật này ra mà gọi hoặc coi thường kêu bằng "con", trái lại tôn làm "ông" và dùng một tên húy: "Chí". Bà muốn dọa cháu, mẹ muốn răn con... đều nói: "Ông Chí ơi, tới bắt nó đi này!" hoặc: "Có nín không, ông Chí nghe thấy thì khôn!"... Tại sao? - Xin thưa, loài chuột đã biết tận dụng phép thuật bâm sinh hay còn được mệnh danh là "khẩu quyền" duy nhất của nó. Đó là tài nghệ cắn. Chẳng những thế, răng chuột cứ mỗi ngày một dài ra, nhờ vậy chuột có thể cắn nát cả một tủ sách, một rương quần áo, đục cả bồ thóc, khoét cả vựa lúa hoặc nhá cả một hũ gạo. Dễ như chơi! Đối với dân quê, những nông sản vừa kể là cả một gia tài, mất kể

như đói, chết không kịp... nhẩn rảnh! Bởi thế người xưa sợ chuột thì cũng hợp lý thôi!

Nhưng ngày nay văn minh, nhân gian không những đã có các phương tiện bảo vệ hữu hiệu đồ đạc mà còn chế được nhiều loại bẫy chuột điện tử, thuốc diệt chuột thần sầu - vậy mà thiên hạ, trong đó gồm tuyệt đại đa số phụ nữ vẫn rất sợ chuột. Hỏi lý do, không mấy ai trả lời được minh bạch. Có bà nói tại chuột có lông. Khó tin! Thiếu gì thứ có lông xồm xoàm vẫn làm người ta khoái. Có cô bảo tại chuột lây bệnh. Khó thuyết phục! Cúm gà tiếp tục đe dọa, vẫn không hãm bớt nổi đam mê ăn thịt gia cầm. Cho rằng thấy chuột ... ghê ghê mà sao người ta lại cứ chế nhiều vật dụng mang hình dáng chuột, chẳng hạn "con chuột" của máy vi tính mà từ chuyên gia đến kẻ làng nhàng đều tối ngày mân mê đến rã rời cả tay. "Dưa chuột" chẳng là thứ trái ăn ngon, mát miệng là gì và còn được phái đẹp dùng để đắp lên mặt cho da dẻ thêm mịn màng! Mikey Mouse không còn là của riêng họa sĩ Walt Disney nữa, nhưng đã trở thành thần tượng-chuột bắt từ qua bao thế hệ của hàng triệu triệu trẻ em (và trong số đó cũng không thiếu ông già bà cả...) trên khắp thế giới. Ngoài ra trong lãnh vực hôn nhân, nhiều người thích kết duyên với những ai mang tuổi Tý, bởi vì bản tính những người này vốn chịu khó làm lụng, ưa "ăn chắc mặc bền", không thích đua đòi, khoe khoang, có của nhưng kín đáo. Ông xã tuổi Tý, vợ không lo chồng bay bướm, bởi vì chàng chỉ mê "com nhà, "củ" vợ", chứ chẳng nuôi tham vọng... giang hồ vật tì của lạ hoặc giao du bè bạn. Vợ cảm tình con chuột, tuy bản tính hơi chặt chẽ về tiền bạc, nhưng chồng được tương đối an tâm, vì chung điện hoặc đi "shopping" đều đều không phải là "nghề (chính) của nàng"!

Phân loại: Như bất cứ sinh vật nào, chuột cũng chia làm "năm bè bảy mối" theo thời gian và bị ảnh hưởng bởi... phong thủy chứ không còn giữ được thuần chủng như ngày mới xuống thế trần. Trước hết phải kể thứ "chuột bạch", giống... quý tộc, bởi loại này có lông màu trắng, biết đánh vòng làm xiếc, đặc biệt được trọng dụng trong phòng thí nghiệm. Một số chuột bạch "đề bọc điều" thì được những người nhà giàu nuôi, cho leo lên vai, ẩm trên cánh tay, bò khắp ngọc thể. Đối thủ của chuột bạch là "chuột chù" hay "chuột xạ"; giống này ban ngày không thấy đường và có mùi hôi khiến nhân gian có câu: "Hôi như chuột chù" - làm mất "thanh danh" họ hàng nhà Tý. "Chuột cống" bự con, ở bản vì thường chui rúc trong cống rãnh hay hang ngách dưới đất. Thiết tường cần phân biệt giữa danh từ "chuột cống" và danh hiệu "Ông Cống". Người xưa tương truyền rằng, vào những năm có khoa thi, chuột thường vào lục lọi những quyển thi, gặm nát cả. Quan trường vì sợ có tội nên kiêng không dám gọi tên nó, chẳng những thế còn cho nó đồ ngoại ngạch và phong cho bậc "Ông Cống", đứng trên ông đồ thứ thiệt. Ngược lại, "chuột lắt (nhất)" thì nhỏ con, chỉ nhìn hơn ngón tay cái, nhưng sinh sản nhanh, rất "giỏi" cắn phá đồ đạc, quần áo khiến ca dao phải có câu trù ẻo: "Cha đời chuột lắt nhà bay - Tảng đá rơi xuống thì mảy gãy xương". Khác với các giống chuột kể trên, loại "chuột đồng" tuy to xác, nhưng lại thích cuộc sống ngoài trời với đồng ruộng thênh thang, trắng thanh gió mát và chỉ ăn nhậu lúa, ngô. Bởi thế giống này được "đánh giá" là sạch sẽ nên người nhà quê vẫn bày đem về làm thịt, thui lên thơm phức để nấu giả cày hoặc ram mặn để ăn với cà muối, dưa chua hay nước rau muống luộc vắt chanh... Theo ông Nhất Thanh và ông Vũ Văn Khiếu, "thói ăn thịt chuột có lẽ do nạn đói mà ra". Hai tác giả này đã viết trong cuốn Đất Lề Quê Thói như sau: "Nước ta đã trải qua bao lần mất mùa, nạn chết đói thường khủng khiếp. Khi phải nhịn đói đến sắp chết thì ăn thịt mèo, thịt chuột tưởng không có gì lạ."

Sách Vũ trung tùy bút (của Phạm Đình Hổ) có chép về một nạn đói ghê gớm khoảng năm Tân Dậu (1741) như sau: "Những người dân còn sống sót phải bóc vỏ cây, bắt chuột đồng để ăn..." - Sau nạn đói thời Nhật thuộc năm 1945 ở xứ Bắc có những làng chết gần hết người, xem ra không còn sót lại một con vật nào, kể cả cóc, nhái, rắn, chuột, nói chi đến chó, mèo..." (tr. 101-102).

Trong lịch sử cận đại, các cựu sĩ quan Việt Nam Cộng Hòa cũng đã từng bị đói triền miên, đói "can không nổi" trong các lao tù ngục danh là "trại học tập cải tạo" của đảng Cộng sản

Bắc viết nên vớ được bất cứ "thứ gì động dậy" cũng ăn để miễn sao sống còn. Cách riêng thịt chuột thì vẫn luôn được ca tụng là món cao lương mỹ vị!

CHUỘT TRONG VĂN CHƯƠNG TRUYỀN KHẨU:

Vốn bản tính khép kín đến độ vị kỷ, chuột rất hiếm khi chịu chơi. Trong số các con vật khác, đặc biệt mèo với chuột không bao giờ có chuyện đội trời chung. Các "sự cố" đã diễn tiến qua các chuyện cổ tích như sau:

- **Mỗi từ thù:** Ngày xưa ngày xưa, chuột vốn là giống linh thiêng ở trên trời. Ngọc Hoàng giao cho chuột chìa khóa để canh giữ kho lúa. Nhưng chuột đã lợi dụng chức vụ, tự do mở kho rù nhau vào ăn rả rích biết bao nhiêu lúa. Ngọc Hoàng biết được, giận lắm, mới đẩy chuột xuống hạ giới để coi lằm thóc cho nhân gian. Nhưng chứng nào tật nấy, chuột lại rù nhau vào lằm thóc của người mà tì tì ăn ngày đêm khiến người phải ca thán: "Chuột kia xưa ở nơi nao? - Bây giờ ăn lúa nhà tao thế này?". Quá chua xót, người mới kêu với vua Bếp. Động lòng trắc ẩn, vua Bếp bắt chuột đem lên trả lại cho Ngọc Hoàng, tâu trình "sự thật phũ phàng":

"Lúa của Trời nhiều, lúa của người ít. Của Trời nó ăn không bao giờ hết nổi, nhưng của người nó cứ ăn mãi, ắt có ngày hết cả, người đến chết đói mất. Vậy chúng con thiết nghĩ, bây giờ lại đem nó về Trời và cho ở luôn trên đây là phải."

Nhưng Ngọc Hoàng không chịu, phán rằng: "Ta đã đuổi nó đi cho xa, nên không thể cho nó hồi cư nữa... Nhưng thôi được, ta chợt nghĩ ra một cách: Ta vẫn có sẵn một con mèo, nay ta cho người đem xuống hạ giới. Khi nào chuột ăn lúa của nhân gian thì người thả mèo ra để nó gặm gù mà bắt chuột xơi tái, nhưng lúc đã chán thịt chuột thì nó chỉ cần kêu "nghèo, nghèo, nghèo, nghèo, nghèo" thì chuột cũng đủ sợ mà chạy trốn".

Tuy vậy, Ngọc Hoàng cũng lưu ý vua Bếp rằng dù sao mèo vẫn phải thỉnh thoảng "lao động là vinh quang", nếu cứ "lang thang là tiêu đời", nên: "Con mèo, con mèo con mèo - Muốn ăn thịt chuột thì leo xà nhà"!

Vua Bếp lạy tạ rồi ôm mèo xuống hạ giới. Quả thật từ đó khi nào rình bắt chuột, mèo lại cứ "gặm gù, gặm gù"; nhưng khi không vớ được chuột, mèo lại kêu: "Nghèo, nghèo, nghèo, nghèo...". Tuy vậy đôi khi mèo và chuột cũng... đình chiến, chỉ "đấu khẩu" thôi, chẳng hạn: "Mèo khen rằng mèo dài đuôi - Chuột khoe chuột nhỏ dễ chui dễ trèo".

Những lúc đói bụng hoặc buồn tái tê, nặng "tình hoài hương", mèo thường hồi tưởng thuở vàng son trên Trời; khi ấy mèo lại cảm thấy giận vua Bếp kinh khủng. Cũng bởi vua Bếp, mèo mới phải xuống dương gian. Nhưng tự biết chẳng thể làm gì nổi vua Bếp, mèo chỉ còn cách lên vào... ị ở đồng tro bếp để trả thù.

- **Tội mê ăn của lạ:** Với thời gian, mèo cũng thêm lớn tuổi, trong khi họ hàng nhà chuột ngày một sinh sản đông. Một hôm mèo bắt được một con chuột nhất, định ăn thịt. Chuột nhất vốn khôn ngoan, van van lạy lạy:

"Bẩm ngài, mai nhà con có giỗ. Giờ con phải đi chợ đằng xa mua tôm, tép để về làm cỗ. Ngài sinh phúc tha cho con, rồi mai xin mời ngài lại xơi tiệc".

Tính mèo tham ăn, và lại cũng đã ngán thịt chuột, nay vừa nghe đến tôm, tép thì thêm nhỏ rãi, bèn hỏi: "Thế nhà mày cúng giỗ ở đâu? Chuột nhất vội thưa: "Nhà chúng con cúng giỗ ở trên ngọn cau ngoài vườn. Xin ngài sớm mai quá bộ lên chơi uống rượu, xơi tôm, tép cho vui."

Thế là mèo thuận thả chuột ra. Sáng hôm sau, mèo dậy thật sớm, diện bộ chỉnh tề để đi ăn giỗ. Nhưng lúc ra vườn, trèo lên ngọn cau thì chẳng thấy gì cả. Mèo đứng mèo kêu, mèo gọi, mèo gào đến hết hơi, khản cổ. Bấy giờ mèo mới chợt hiểu mình đã "to đầu mà dại", mắc lừa con chuột nhất.

Bởi chuyện trên mà sau mới thành bài đồng dao chế giễu mèo:

*Con mèo mày trèo cây cau,
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà?
Chú chuột đi chợ đằng xa,
Mua tôm, mua tép giỗ cha con mèo!*



- **Giải pháp chống mèo:** Cũng từ sau ngày bị lừa, mèo càng căm thù cực độ loài chuột. Bất kể ngày đêm, mèo gia tăng chiến dịch càn quét khiến chuột mới chào đời là đã sợ mèo. Trước hoàn cảnh ấy, họ hàng chuột vừa cảm thấy nhục, vừa sôi máu giận dữ. Một hôm toàn thể

chuột hội họp, thảo luận tìm phương án "chống mèo cứu nước". Nào ông Cống, bác Đồng, nào anh Chù, chú Nhất đều có mặt đông đủ.

Ông Cống nổi tiếng là "đỉnh cao trí tuệ", khai mạc đại hội:

Cái giống "đế quốc" quái gở kia sở dĩ chụp được anh em mình, cũng bởi Trời phú cho nó cái tài rình mò và khéo bắt lén mà thôi. Bấy giờ "nhân dân ta" mua một cái chuông nhỏ, buộc vào cổ nó để khi nó đi đến đâu, tiếng nhạc phát ra tới đó, nhờ thế ta biết đường... chạy trước, thử hỏi như vậy nó làm gì nổi ta nữa."

Tức thì cả làng chuột quật đuôi, kêu chít chít vang dội để tỏ vẻ khâm phục cao kiến của ông Cống. Khi đã có một chiếc chuông nhỏ, chuột lại họp thượng đỉnh trong tư thế "hồ hời phấn khởi" như đã thấy được ánh vinh quang của "ngày giải phóng" khỏi cái ách mèo. Nhưng khi chủ tịch chuột hỏi kẻ nào lãnh vinh dự đeo chuông vào cổ mèo thì toàn bộ đại biểu im thin thít; không một cái tai nào nhúc nhích, một cái răng nào nhe ra. Mãi sau tập thể đều "nhất trí" giao công tác cho ông Cống vì dù sao đó cũng là "tư duy đầy chất sáng tạo" của đương sự. Nhưng ông Cống viện lý là mình thuộc giới lãnh tụ, có đâu lại đi làm cái việc tầm thường ấy. Ông Cống bèn đề cử chú Nhất vì tin rằng với khả năng nhanh nhẹn lại lắm mẹo vặt hăn sẽ thành công vĩ đại. Nhất vội vàng "thành khẩn khai báo" mình dù sao cũng thuộc diện "gia đình liệt sĩ", do đó muốn... nhường "thành tích cách mạng" này cho giai cấp "hạ tầng cơ sở", tức anh Chù. Ông Cống lập tức cho biểu quyết đề xuất của chú Nhất và suy thêm rằng dòng tộc anh Chù vốn hơi hám nên không đủ "chất lượng" để mèo thêm ăn.

Sau khi tã oán không được thượng cấp nghe, anh Chù đành vác chuông đi tìm mèo dù vẫn biết hành động như vậy là quá liều lĩnh, đại dốt, đầy nguy hiểm, khác chi "chuột găm chân mèo", nhưng vì sợ bị gán tội "phản động", Chù tiếp tục liều mạng "sinh Bắc, tử Nam". Một lúc lâu sau, Chù run lẩy bẩy nhưng vẫn mon men lại được gần mèo. Quả thật mèo không vồ Chù, nhưng vì không chịu nổi mùi hôi của nó, mèo mới găm gừ, nhe nanh, giương vuốt cổ ý muốn đuổi đi. Hoảng hồn, Chù cắm đầu chạy về tổng hành dinh. Vừa nghe Chù báo cáo, hội đồng trung ương chuột cũng vội bỏ chạy tán loạn; chẳng kẻ nào hỏi đến cái chuông đâu rồi...

Và từ đó, chuột vốn sợ mèo, vẫn hoàn sợ mèo mãi mãi.

- **Chuột và cóc:** Loài chuột, dù thuộc giống nào thì tóm tắt cũng không ngoài hai thái độ như sau: "Lấm lét như chuột ngày - Lù rù như chuột chủ phải khói". Bởi thế chuột không kết bạn với

sinh vật khác, trừ một lần duy nhất với cóc; nhưng sau đó thất bại, chuột lại hoàn toàn trở về với "thế giới riêng" của nó. Sự thể thế này:

Ngày xưa chuột liên hệ thân mật với cóc. Chuột thường xuống nhà cóc chơi, "lai rai ba sợi" cho bớt sầu vạ cổ. Khi cóc được tin vợ chuột vừa sinh đàn con đầu lòng nên cũng muốn đến chia mừng. Kẹt một điều là chuột làm tổ ở trên ngọn cây nên cóc không biết làm sao lên được. Khoảng tháng sau, cóc gặp chuột cái đi chợ, vội cởi mở tâm tư về ước nguyện kể trên. Chuột cái cảm động trả lời:

"Bác có lòng với gia đình tôi như thế, thật quý. Nhân hôm nay vợ chồng tôi tính làm tiệc mừng sinh nhật đầy tháng cho các cháu, vậy xin mời bác đến chung vui".

Cóc lại trình bày nỗi khó khăn của mình, nhưng chuột cái đã nói ngay:

"Chuyện nhỏ! Tôi có cái đuôi dài. Bác cứ ngậm vào đuôi này, tôi lên được thì bác cũng lên được."

Cóc cho đó là diệu kế, chấp thuận liền. Chuột cái cứ thế dùng đuôi kéo cóc lên ngọn cây. Khi hai con vừa tới gần cửa, chuột đực chạy ra vồn vã:

"Chào bác ạ! Bao lâu rồi, nay mới hân hạnh được đón tiếp bác tới thăm tệt xá! Welcome! Mời bác vào chơi xơi nước!"

Nghe vậy, cóc mở miệng tính đáp lại, nhưng chưa kịp nói thì đã rơi bịch xuống đất khiến xương hông gãy và xương lưng cong lại.

Bởi lý do trên - và cũng từ đó, cóc mang bệnh đau lưng kinh niên. Cứ mỗi khi trời trời, cóc lại ngồi nghiêng răng than, kêu kèn kẹt!

CHUỘT TRONG VĂN CHƯƠNG BÁC

HỌC: Dưới thời nhà Trần (1225-1400), nền văn học nước ta phát triển rực rỡ, để lại nhiều tác phẩm quý giá. Trong số này cuốn *Trình Thử* do "Trần-triều xử-sĩ Hồ Huyền-Quy tiên-sinh soạn" bằng chữ Nôm, gồm 850 câu thơ Lục bát, cũng rất nổi tiếng.

"Trình thử" có nghĩa là con chuột có lòng trình tiết. Đây là một chuyện ngụ ngôn - do ba con chuột đóng vai chính; người và một con chó, một con mèo giữ vai phụ. Tác giả mượn chuột để tán dương lòng trong sạch, dạ thủy chung và chỉ trích thói dâm tà của người đời. Đại ý chuyện kể con chuột bạch góa chồng một hôm đi kiếm mồi về nuôi con, chợt bị một con chó đuổi. "Nàng" phải chạy vào "tị nạn" trong một cái hang. Không ngờ nơi đây có gã chuột đực. Lợi dụng cơ hội "ngàn năm một thuở", nhất là lúc này vợ lại vắng nhà, chuột đực bèn thả... "dê xôm" với những lời dụ dỗ ong bướm:

... *Thương thay phận gái một mình long đong!*

... *Kinh quyền đôi lẽ là thường,*

Được nơi tựa ngọc nương vàng thì thôi.

Chẳng lo mẹ góa con cô,

Sớm khuya loan phượng no đôi nhường nào,

Chẳng lo liễu cột hoa chào,

Bướm gìn ong giữ làm sao cho tuyến?...

Nhưng chuột bạch giẫy nảy cự tuyệt, dọa tự tử để quyết bảo toàn đức hạnh:

... *Tòng nhất nhi chung,*

Gái hiền thờ chỉ một chồng, không hai.

... *Mặc ai ong bướm xôn xao!*

Mười phần cũng chẳng chuyển giao một phần.

Vừa khi ấy chuột cái về, ngờ chồng mình và chuột bạch đang diễn tuồng "gian phu dâm phụ" bèn nổi cơn ghen. Chuột bạch giải bày sự ngay thẳng của mình rồi ra về, nhưng chuột cái sức mấy tin. Sau khi si và chồng tơ bời hoa lá, chuột cái còn sang nhà chuột bạch gây sự cốt ý bêu xấu. Bỗng một con mèo thuộc loại "du côn" xuất hiện; chuột cái khiếp vía, chạy... tóe khói nên ngã tùm xuống ao.

Hồ Sinh, một người thông thạo tiếng... loài vật (!) đã nghe được đầu đuôi câu chuyện, liền vớt chuột cái lên và đuổi mèo "đi chỗ khác chơi".

Sau đó ông lấy lời hay ý đẹp mà ca ngợi trình tiết của chuột bạch rồi khuyên răn chuột cái về đạo cư xử trong gia đình:

Muốn cho yên cửa yên nhà,

Chẳng gì hơn ở thuận hòa cùng nhau.

... *Ái ân là nghĩa nặng thay!*

Vợ chồng há phải một ngày dăm quên...

... *Dẫu chồng trăm giận nghìn hờn,*

Cũng nên bầm bụng mời răn dỗ dành.

Một câu nhin, chín câu lành,

Chớ nên "ghen bậy", cậy mình, cậy công!

CHUỘT VÀ NHÂN THẾ: Trong lãnh vực ái tình của nhân gian, chuột không được may mắn như các con Giáp khác. Người xưa dường như không muốn cho chuột dính líu vào việc tình cảm của mình nên nay con cháu chẳng thấy có mấy câu tục ngữ hay ca dao mang sự hiện diện của chuột để diễn tả chuyện trai gái. Có thể bởi chuột chỉ... phá đám chứ chẳng giúp ích gì:

Chuột kêu rúc rích trong rương,

Em đi cho khéo, đừng giương mẹ hay.

Giá chuột đừng quen thói "kêu rúc rích"... vô trật tự thì mẹ đã chìm trong giấc điệp rồi, đôi ta tha hồ qua giường nhau mà mây mưa. Chỉ vì lo canh chuột cắn quần áo mà bà già phải thức thâu đêm khiến đôi ta bị "cản trở lưu thông".

Hắn phần để bào chữa cho sự vô tội của mình, phần để... đánh lạc hướng việc đề phòng của người, chuột đã toa rập với các đối tượng khác mà tạo nên sự mê tín dị đoan về những dấu hiệu tiên đoán sự may mắn:

*Thứ nhất đem đóm vào nhà,
Thứ hai chuột rúc, thứ ba hoa đèn.*

Tuy nhiên, xét về khía cạnh xử thế, chuột lại có công viện trợ cho nhân gian nhiều kinh nghiệm đáng giá. Chẳng hạn để nói về các sự kiện bất khả chống cãi ở đời, người xưa đã lôi chuột nhập cuộc vào những thực tế... đương nhiên:

*Con mèo, con chuột có lông,
Cây tre có mắt, nổi đồng có quai.*

Với những kẻ vốn tự cao tự đại, chỉ "thấy hạt bụi trong mắt người khác, nhưng lại không nhận ra cái rác trong mắt mình", ta có màn hài kịch giữa chuột và khi:

*Chuột chù chê khi rằng hôi,
Khi mới trả lời: Cả họ mày thơm!*

Và "chân dung" của một con cháu Lưu Linh, một khi đã "ngoác cần câu", hẳn không còn phân biệt nổi những gì trước mắt kể cả lối về nhà mình:

*Từ bắt túy nhờn nhờn tị chuột
Uống rượu vô rồi hết thuộc đường đi.*

Nhằm chê bai những kẻ đã xấu, kém nhưng vẫn kiêu kỳ, làm ra vẻ tốt đẹp, người xưa nói: "Chuột chù lại có dạ hương". Trường hợp những tay giả nhân nghĩa để bóc lột người, thành ngữ mô tả bằng hình ảnh "chuột đội vỏ trứng" - đến khi câu chuyện vỡ lở mới thấy rõ tâm địa của những kẻ giả danh đạo đức ấy, ta lại có câu: "Cháy nhà mới ra mặt chuột". Nhưng với những ai được may mắn, gặp nơi sung sướng, chẳng hạn được làm rể nhà giàu hoặc vào làm ở một nơi để tham nhũng, cô nhân so sánh với cảnh: "Chuột sa chĩnh gạo (hay hũ nếp hoặc lọ mỡ)". Trên cõi đời "trần ai khoai củ" này thời nào và ở đâu cũng có lắm kẻ nuôi ảo tưởng, ảo mộng hoặc thích "ba hoa chích chòe" hay "đao to búa lớn" nên hễ cứ đề ra việc gì thấy đều qui mô, vĩ đại nhưng rồi kết cuộc rất tầm thường, chẳng đáng gì. Cảnh tượng này cô nhân mĩa mai là "đầu voi dít chuột"!...

Và còn nhiều trường hợp khác nữa, người và chuột vẫn có sự hợp tác chặt chẽ, theo đó người cứ quan sát dung nhan, dáng điệu hay cử chỉ của chuột để không những tả chân khéo léo "đồng

loại" mà còn lột trần sâu sắc được tâm lý thiên hạ. Bởi thế nay con cháu, chúng ta nhận thấy các nhận xét đó của cô nhân chẳng sai "một ly ông cụ" nào!

TRANH TẾT: Vào mỗi dịp đón xuân, người Việt thường trang hoàng nhà cửa. Trong số những vật dụng dùng để tô điểm gia thất không thể thiếu tranh Tết. Nội dung của các bức họa dân gian này thường nhắc đến các điển tích trong chuyện cổ hoặc đề cao luân thường đạo lý qua gương các bậc thánh hiền. Những tranh Tết ấy còn biểu lộ lòng khao khát của người bình dân về một cuộc sống vinh thân phì gia hoặc những ước mơ con cháu được một tương lai xán lạn, theo đó ngày xưa chỉ có một con đường duy nhất để tiến thân, ấy là thi đỗ và ra làm quan. Bức tranh chuột "Vinh qui bái tổ" là một thí dụ điển hình. Họa sĩ vẽ cảnh chuột sau khi đậu Trạng Nguyên trở về quê quán và được cộng đồng chuột cảm cờ, gõ chiêng trống đón rước linh đình. Điển khôi hài nhưng rất ý nhị là tác giả nhân dịp này đã tạo nên cảnh hòa bình không chỉ giữa chuột với chuột mà cả với mèo, kẻ vốn là tử thù truyền kiếp của họ hàng nhà Tý. Bởi thế ta thấy đám chuột còn mang chim, cá đến biếu chú mèo. Trên bức tranh có đề hai hàng chữ: "Thử bói đệ ngư: chí, chí chí", nghĩa là đàn chuột dâng cá: chít, chít, chít. "Miêu nhi thử lễ: mưu, mưu, mưu", nghĩa là chú mèo giữ lễ: meo, meo meo. Tranh Tết dân gian này còn được gọi là tranh "Đám cưới chuột" - chắc hẳn trong tranh có cảnh "ngựa anh đi trước, vồng nàng theo sau", nghe như còn văng vẳng đâu đây lời dụ khị đầy khiêu khích: "Anh chưa thi đỗ thì chưa động phòng". Nói cách khác, nếu gộp cả hai tên gọi của bức tranh lại, ta phát giác ra được giấc mơ thầm kín của bất cứ thư sinh nào ngày xưa, đó là: "Đại đẳng khoa - tiểu đẳng khoa". Tham lam thật, nhưng cũng... hấp dẫn lắm thay!

Hoài Mỹ



Sài Gòn

Xứ người những sợ giá băng,
Về quê một chuyến ngỡ rằng khá hơn.
Ngờ đâu vừa đến Sài Gòn,
Nắng loang loáng đỏ, trán tròn mồ hôi.
Xa quê, nhớ đứng, thương ngồi
Về, nghe thân thể rã rời như thiêu.

Lang thang dạo phố, buổi chiều,
Người đông nghìn nghịt, dập diu bán buôn.
Ngược xuôi, ai cũng vội vàng,
Xe chen bánh chạy, dọc ngang lách bừa.
Quen chân, ngang quán Cái Chùa,
Nhớ ly trà sữa, nhớ mùa lá bay.

Sài Gòn, mờ bụi như mây,
Khói tung nám mặt, nắng xoay via hè.
Ra đường, miệng bịt, đầu che,
Mắt thao láo mờ, còi xe thét gầm.
Giật mình... nhớ thuở xa xăm,
Nhớ câu mẹ dặn: Nói năng lựa lời!

Huế

Trường Tiền. Núi Ngự. Sông Hương ...
Qua bao dâu bể, tang thương... vẫn còn.
Can chi... Ta lại thấy buồn?!
Nám mồ tập thể... Biết chôn nơi nào?!

Hỏi người. Người vội cúi đầu,
Hỏi cây. Cây chỉ lên cao: Hỏi trời!
Nghĩ gì? Mây lặng lơ trôi!
Nhớ gì? Ta chợt như người ... ngẩn ngơ!



(Tiếp theo trang 37)

Mùa Đông Giữ Lửa

(suy nghĩ về cuộc thăng trầm của Hội Người Việt Tị Nạn)



Tâm Thanh

Năm nào người dân Oslo cũng chờ đợi một 'Giáng Sinh trắng', trắng tuyết. Nhưng năm nay chỉ có sương trắng về. Sương băng trở bông phủ kín rừng núi và những cây tùng trong vườn nhà. Khoảng trăm người Việt Nam, già nhất có lẽ là tôi, trẻ nhất là một cháu gái chưa đầy một vòng con giáp, đứng trước tòa đại sứ Trung Quốc. Với biểu ngữ phản đối Việt cộng bán nước và Trung cộng cướp nước. Ông già nhất hỏi cô bé nhất "Cháu không đi học à?" "Con được nghỉ hôm nay." "Lạnh nhỉ?!" "Chín độ trừ đấy, ông!" "Cháu đi với ai?" "Ông nội con, ba má con!". Tôi quay sang ông già đứng cạnh đang tạm nghỉ hô để theo dõi câu chuyện. Đoán chừng ông chính là ông nội của cháu bé, tôi nói: "Chào anh, anh đưa cả nhà đi biểu tình. Hết ý!" "Phải vậy chứ." *China out of... Vietnam!!!* Một cô gái đôi tám cầm Cờ Vàng ba sọc đỏ vừa nhảy nhịp vừa hô lạc giọng. Đồng bào hô theo, phun khói. Ông nội tùm tùm cười nói "Anh nè, mình chười oan thằng Tàu cộng." "Thế nào, anh?" "Thằng Tàu cộng lần này nó đâu có ăn cướp! Nó nhận quà biếu của Việt cộng thôi. Ngày xưa Sa hoàng bán Alaska cho Mỹ, không biết dân Nga có biểu tình phản đối không? Nếu có, thì phản đối ai?" Tôi chớp cơ hội: "Alaska cũng là một trong các lý do chính khiến triều đại Sa hoàng sụp đổ. Kê bán nước trước sau cũng tiêu tủng, tại sao anh vẫn dắt con cháu đi biểu tình?" "Để giữ lửa..." người bạn già trả lời gọn, quay sang nhìn hội trưởng Nguyễn Minh Tuấn đang cầm xấp giấy in lời nhạc hát cộng đồng, bản sao thư trả lời của Bộ Ngoại giao Na Uy, và bản kháng thư... Câu trả lời bí hiểm của người bạn già và gương mặt mệt mỏi nhiều đêm của hội trưởng Tuấn khiến tôi suy nghĩ thật nhiều.

Giữa trưa một ngày làm việc của một thành phố có 5 ngàn người Việt mà được trăm người đi biểu tình là quý rồi. Nhưng hồi tưởng lại những năm xưa, thấy hơi tiếc. Anh Phi Ngọc Hải sáng lập và làm hội trưởng (1979-1984 với danh

xung Hội Thân hữu), có hội quán, có báo Vượt Sóng, có chi hội toàn quốc. Anh Phạm Ninh Nhiệm (kỳ 85-87), cải danh thành Hội Người Việt Tị nạn tại Na Uy, phát triển sâu rộng hơn, có những cuộc tập hợp cả ngàn người, được Quốc Vương tiếp kiến. Anh Nguyễn Văn Đàm (nhiệm kỳ 88-90) giữ được sự sinh động đó qua thời anh Đỗ Văn Thành (nhiệm kỳ 90-94) vẫn tiếp tục, cộng thêm việc phát triển đối ngoại, nhờ một ban chấp hành đa số trí thức trẻ. Nhiệm kỳ anh Lâm Bá Thắng (95-97), năm đầu còn sinh hoạt, sau đó lặng lẽ. Trong lúc hội ngủ, thì bên ngoài có nhiều biến cố thôi thúc, nên cộng đồng cảm thấy sốt ruột, đã tự động tụ họp và phục hoạt. Nhân số trong đại hội không đông nhưng thành phần tham dự toàn người tích cực, nhiệt tâm, đặc biệt có sự hiện diện của hầu hết thành viên ban chấp hành tất cả các nhiệm kỳ trước và hai vị lãnh đạo tôn giáo. Đại hội bầu anh Lê Văn Minh làm hội trưởng. Hội trưởng du hội vào tình trạng '*chết giả – skinndød*', trong 6 năm!

"Giữ lửa..." tôi nhắc lại lời người bạn già, và nghĩ tiếp... Cách nay ba bốn tháng, Nguyễn Minh Tuấn điện thoại cho tôi, nói "Anh, mình phải phục hoạt Hội Người Việt Tị Nạn mới được!" Tôi cảm thấy tâm lòng nguội lạnh về chuyện hội hè tăng lên thêm được dăm độ C. Nhưng do kinh nghiệm, tôi không để cho lòng mình tăng nhiệt độ quá đà, dù là nhiệt độ biểu kiến. Đang còn nghi hoặc xen lẫn hy vọng, thì ngày 23.8.2007, một giọng lạ gọi điện thoại mời tôi tham gia một cuộc 'đối thoại'. Ở tuổi này tôi quý nhất cái tâm bình yên. Tôi đang tìm cách thoái thác, thì người điện thoại nói "Cháu là Trần Diễm Kiều. Bác đi đối thoại thì mẹ cháu nấu phở cho ăn." "À, Trần Kiều quậy trên Quốc Hội, đưa 185 người Việt sang Na Uy... Trần Kiều bị công an Việt cộng làm việc... và ngay tại Na Uy uống cà-phê với ai, mua son phấn ở đâu cũng bị Việt cộng theo dõi... thì bác

sẵn sàng gặp,” miệng tôi nói vậy, nhưng trong bụng chỉ nghĩ tới phở. Kiều báo tin chủ tịch nước Việt Nam sắp chính thức viếng Na Uy. Một chính khách Na Uy hiện diện hỏi “Người Việt các bạn có muốn tay đôi nói chuyện với Nguyễn Minh Triết hay không?” Mặc dù được ăn tô phở ngon hơn Phở 14 ở Paris, tôi mắc nghẹn. Hôm sau tôi báo cáo lại với Tuấn, lúc đó là tổng thư ký của Liên hội Người Việt Tự do (một hội kết hợp nhiều hội đoàn, đa số của đảng Việt Tân). Liên hội nói ‘NEI’, đương nhiên. Nhưng nhìn toàn bộ, sự thể không hoàn toàn... ‘đương nhiên’. Với uy tín của cô trong chính giới Na Uy, nếu Diễm Kiều gật đầu nói “Tôi sẵn sàng đối thoại với Chủ tịch Nước Việt Nam” thì Nghị quyết 36 của cộng sản đã được thực hiện được một bước dài tại Na Uy. Vì vậy, vừa biết ơn Diễm Kiều đã nói không, tôi vừa cảm nghiệm được lời kêu gọi của Tuấn thật đúng lúc. Cảm nghiệm ấy, chư vị thượng tọa Thích Trí Minh, linh mục Huỳnh Tấn Hải, Liên hội Người Việt Tự do, Đảng Việt Tân, Hội Ái hữu Cựu Quân nhân Quân lực VNCH, Hội Cao niên, Hội Phụ nữ... đã thấy từ lâu, và cùng nghĩ nên phục hoạt Hội NVTNNU để có một hội đoàn qui tụ mọi người, không phân biệt tín ngưỡng, chính kiến.

Chủ nhật ngày 30.9.2007, một buổi chiều thu muộn, nắng thu ngập ngừng không muốn từ giã đôi thông Mortensrud, cuộc Đại hội Người Việt Tị nạn Vùng Đông Na Uy qui tụ những gương mặt cũ và mới. Cuộc đại hội này khác những cuộc họp khác ở chỗ nhiều người trẻ nhiệt tâm, nhiều phụ nữ mạnh dạn, và ít bàn cãi quanh co. Anh Bình ghé tai tôi nói “Lần này họp cái gì cũng ngắn gọn, dứt khoát... Giặc tới nhà rồi,” anh cười thêm. Mọi người đồng ý rằng để đối phó với ‘giặc’ lần này chỉ có một người có khả năng làm tư lệnh, và phải bầu người ấy vào chức vụ hội trưởng Hội NVNTNU/Vùng Đông: Nguyễn Minh Tuấn. Anh là một người can đảm, một gạch nối giữa thế hệ trẻ và thế hệ già, một cây cầu giữa Na Uy và Việt Nam, một kiến trúc sư biết sử dụng vật liệu và lên mô hình. Tuấn là một kiến trúc sư, trong khi người đại sứ phi chính thức của cộng sản Việt Nam ở Na Uy cũng là một kiến trúc sư. Một tình cờ thú vị, tôi đang nghĩ như thế và tùm tùm cười thì nghe tiếng thờ dài thườn thượt đằng sau. Tôi quay lại xem ai vào giờ phút này mà còn không tin nhiệm Tuấn, thì ra là Kỳ Lan, vợ Tuấn! Kỳ Lan nói “Chỉ mới ôm trang web VietNo thôi mà anh ấy chỉ ngủ mỗi đêm 2-3 tiếng, bây giờ ôm cái hội vào thì...” Kỳ Lan bỏ lửng câu nói. Tôi cũng thờ dài thông cảm, rồi quay lên lầm bầm “Tuồng chỉ ở Việt Nam mới có vụ ôm!” Tôi

lầm bầm chưa xong thì Tuấn đã thành lập xong ‘nội các’: phó nội vụ Lâm Bá Thắng, phó ngoại vụ Huỳnh Thiện Hải, tổng thư ký Phạm Bá Công, thủ quỹ Tô Thị Bảy, ủy viên xã hội Trần Thị Hiếu. Sau này có chút lấn cấn trong việc thay đổi nhiệm vụ giữa Huỳnh Thiện Hải và Nguyễn Ngọc Khang; nhưng chính cách giải quyết êm đẹp khiến tôi cảm phục tinh thần khoáng đạt của Hải, Khang và Tuấn, và tự nhủ nếu mình trẻ lại 20 năm chưa chắc mình hành xử đảng hoàng được như thế. Tinh thần dân thân trở lại của anh cựu hội trưởng Lâm Bá Thắng cũng làm nhiều người cảm phục. Tôi cũng ân hận vì những lời trách móc khi anh án binh bất động trong nhiệm kỳ thứ hai (nhiệm kỳ thứ nhất anh đã làm nhiều việc tốt đẹp, như vẫn duy trì tờ Vượt Sóng và hội quán, vẫn tổ chức đại hội thể thao bắt đầu từ thời anh Hải, anh Ninh..).

Vì thời gian chuẩn bị ‘đón tiếp’ Nguyễn Minh Triết quá gấp rút, ban chấp hành và anh chị em thiện nguyện bàn bạc với nhau toàn bằng i-meo. Trong lúc viết i-meo thì Nguyễn Minh Triết viết tắt thành NMT mà Nguyễn Minh Tuấn cũng thành NMT. Có thể đọc là ‘Anh Em Ta’, nhưng trời không đội chũm, làm sao có thể làm anh em? Một anh đề nghị gọi hội trưởng của ta là NMT-không-rờ, còn chủ tịch cộng sản Việt Nam là NMT-rờ. Trong những việc mà phe NMT-rờ chuẩn bị, chúng ta chỉ biết họ mời các đoàn thể và doanh gia Việt Nam tham dự tiệc tiếp tân. Trong số những người được mời mà từ chối, có Trung Tâm Mục Vụ Việt Nam, Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Na Uy, hai tổ chức lớn nhất, gián tiếp bao gồm hầu hết dân số Việt Nam tại Na Uy. Một tổ chức tôn giáo khác đã nhận lời, chỉ bao gồm một thiểu số, ít tham dự vào sinh hoạt cộng đồng Việt Nam. Trong việc mời mọc này, ta nhận ra một điều – ban tổ chức và kiểu vận của cộng sản hoặc quá lạc quan, hoặc thả bong bóng thăm dò. Tôi cho là họ lạc quan. Sự lạc quan dựa trên báo cáo láo của ông ‘đại biểu Việt kiều Bắc Âu’. Ông này (như trên đã nói, cũng là kiến trúc sư) đã đọc một bài tham luận về tình hình Việt kiều Bắc Âu trước Đại hội Đảng, trong đó nói rằng giới trẻ tại Oslo đã thấp nền hướng về quê hương và Đảng, trong khi thực sự buổi thấp nền hôm đó nhắm tố cáo cộng sản VN vi phạm nhân quyền. Tôi ít nghiêng về giả thuyết thả bong bóng thăm dò, vì đó là một chiêu nguy hiểm. Nước chủ nhà, nhất là chủ nhà dân chủ văn minh, sẽ nhìn vào thái độ tiếp đón của người dân (kể cả kiều dân) mà điều chỉnh cân lượng kính trọng đối với khách. Nếu để cho nước chủ nhà nghe thấy tiếng ‘NEI takk’ của các hội đoàn VN, ông chủ

tịch NMT-rờ sẽ mất mặt. Hân ban kiều vận cũng biết Hội PGVNTN và Trung Tâm MVVN là ai và đứng vị trí nào, mà họ vẫn mời, có nghĩa là họ tin (từ thông tin sai lạc) sẽ nhận được tiếng ‘ja takk’. Nhưng Phật giáo và Công giáo ‘Nei takk’. Cộng đồng cũng gián tiếp trả lời không đối thoại, và nhờ ‘ông chính khách trung gian’ nhắc nhở chính quyền Việt Nam nên đối thoại với đồng bào và dân oan bên nhà. Ban kiều vận lại đánh hơi được cuộc chuẩn bị khá qui mô, mà bề mặt là kháng nghị thư của Cộng đồng gửi Quốc hội và Chính phủ Na Uy.

Giữa lúc khí thế cộng đồng đang lên và sẵn sàng nghênh tiếp NMT-rờ, thì Bộ Ngoại giao Na Uy thông báo chủ tịch Việt Nam hủy bỏ cuộc viếng thăm Na Uy dự định vào ngày 14.10, lý do ‘tai nạn cầu Cần Thơ’! Có thật hay cố giả? Cầu sập ngày 26.9. Cho rằng Ngài chủ tịch đi ủy lạo một buổi, hỏi ông thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng vài câu, nói điện thoại với đại sứ Nhật (nước viện trợ xây cầu)... màu mè khác nữa thì cũng lắm hết 1 tuần. Còn tới 18 ngày nữa mới lên đường, có cần hoãn một chuyến công du với đoàn tùy tùng 200 người, được chuẩn bị cả năm trước không? Vì vậy, không phải thiếu căn cứ mà nhiều người cho rằng NMT-rờ hủy bỏ chuyến công du vì thái độ quyết liệt chống đối của cộng đồng người Na Uy gốc Việt. Đó là hoa quả đầu mùa của toàn thể cộng đồng, đặc biệt của Hội NVTNNU mới phục sinh.

Sau ‘trận’ ấy lại tới nhiều việc khác khiến cho tiếng thở dài của Kỳ Lan càng dài thêm, nhưng hai bàn tay chị vẫn đặt sau lưng chồng. Tiệc Giáng Sinh của Hội và các Hội bạn đã tạo những giờ phút thư giãn, nhưng rất tiếc tôi không được hưởng bầu không khí ấy, chắc là rất đầm ấm. Chỉ biết ban chấp hành cuối cùng được điều chỉnh và bổ sung rất hùng hậu: Hội trưởng Nguyễn Minh Tuấn, hội phó ngoại vụ kiêm ủy viên thanh niên Trần Thị Diễm Kiều, hội phó ngoại vụ Lâm Bá Thắng, tổng thư ký Phạm Bá Công, thủ quỹ Tô Thị Bảy, ủy viên thông tin báo chí Phạm Sĩ Việt, ủy viên tổ chức Nguyễn Duy Hoan, ban xã hội: Nguyễn Ngọc Bích, Trần Thị Hiếu, Nguyễn Văn Lộc, Quách Cẩm Hoa. Ngoài ra, những người lúc nào cũng hết lòng với cộng đồng như Phi Ngọc Hải, Phạm Ninh, Đỗ Duy Huỳnh, Nguyễn Văn Quý, Đoàn Đôn, Nguyễn Đức Thọ, Nguyễn Ngọc Khung, Trần Kháng v.v... đều theo lời đề nghị, hậu thuẫn cho BCH trong vai trò tham vấn.

China out of Vietnam... tới phiên Hải và Cường hô. Cháu bé gái vẫn đứng cạnh tôi hô theo. Trần Kiều và mẹ đứng xa xa bên kia cũng hô. Tôi

nghĩ khi Tuấn mệt mỏi, sẽ có người đỡ gánh không? Phải có. Cứ xem một tấm lòng như sau:

*Hương mắt trông về nơi cố hương
Lòng đau mắt nước dạ sầu vương
Đất dân nhà nước toan xâm chiếm
Lãnh thổ lại đem hiến ngoại bang
Ta nhớ ông cha xưa dựng nước
Bốn nghìn năm ấy sử còn ghi
Làm người dân Việt sao ta nỡ
Ngoảnh mặt làm ngư nhục thế ni*

Tác giả là Trần Thị Hiếu đang cầm biểu ngữ ‘*Trường Sa Hoàng Sa thuộc Việt Nam*’, cô gái từng tuyên bố “Các bác các chú đi đâu cháu cũng theo, bảo gì cháu cũng làm.”

Những ngọn đèn Giáng Sinh lung linh trong khung cửa sổ nhà và phố phường, tôi nghĩ tới Tết Việt Nam. Quê cũ xa vời vợi. Về thăm thì rất phức tạp, chi kiếm một ngum nước tinh khiết mà uống đã khó, lại có thể bị công an theo dõi như họ công khai dọa – “Các anh đừng tưởng nhá, các anh làm cái gì bên đây chúng tôi biết hết” (theo báo Dagbladet). Gia đình và hội đoàn không thay thế được quê hương to lớn kia; tuy nhiên, nếu HNVTNNU hoạt động được phân nào như cộng đồng Việt Nam ở Úc, Canada, Mỹ, thì nó cũng là một bù đắp, ít nhất là ngăn ngừa được những hội đoàn bất chính, mạo danh bà con để phục vụ đảng cộng sản. HNVTNNU ngày nay đã sang một giai đoạn mới. Nó phải là nơi giữ lửa. Ngọn lửa của con tàu vượt biên trên Biển Đông. Ngọn lửa cảnh giác nhà cầm quyền trong nước khi lương tri họ lu mờ. Một hiện tượng phổ cập trong các cộng đồng tị nạn: càng ngày các hội ái hữu càng mọc lên nhiều và sinh hoạt đầm ấm, thân tình. Mạnh nhất có lẽ là các hội ái hữu học sinh, sinh viên và đồng hương. Tại sao? Tôi nghĩ là bởi vì nơi đó chúng ta cảm thấy trẻ lại, nơi đó chúng ta tìm lại gốc rễ. Rồi sẽ đến một lúc những người tị nạn Việt Nam mọc rễ tại Na Uy sẽ nuôi tiếc những ngày xa xưa thân ái mà chỉ người Việt ở Na Uy mới chia sẻ với nhau được. Tại sao chúng ta không chia sẻ với nhau ngay từ bây giờ?

Nghe cháu bé hô đã khản tiếng, tôi đưa cho cháu một viên kẹo Ricola:

“Ông có một giấc mơ gì cháu biết không?”

“Dạ, ông mơ trúng lotto jackpot?”

“Không, tiền hưu ông tạm đủ sống và đi du lịch rồi, không cần jackpot. Ông mơ mười năm sau nếu ông còn sống, cái Hội này vẫn còn, và cháu ứng cử hội trưởng, ông bầu cho cháu... Cháu đi đâu ông cũng theo.”

Tâm Thanh

Thơ... chua Ngày Tết!

Chúc nhau

Im mà nghe, các bà chúc nhau:
Tớ nhất, bồ nhì... vẫn trẻ lâu!
Thoáng nhìn cứ ngỡ còn con gái!
Ra đường... Lắm bố ngắng đầu râu!

Im mà nghe, đực rựa chúc nhau:
Miễn cần tiền bạc với nhà lầu,
Chỉ mong vớ được dăm "bồ nhí".
Vợ mình mà thấy, "châu" được mau !

Im mà nghe, quý cụ chúc nhau:
Hồi xuân lần nữa cho bớt sầu.
Một phút huy hoàng rồi "ngèo" sớm,
Còn hơn xiu ền, chẳng tới đâu!

Im mà nghe, giới trẻ chúc nhau:
Nhất trí ăn chơi, chẳng buồn đau,
Bồ bịch, nhảy nhót, xe thứ xịn...
Ai mà đụng đến, oánh bẻ đầu!

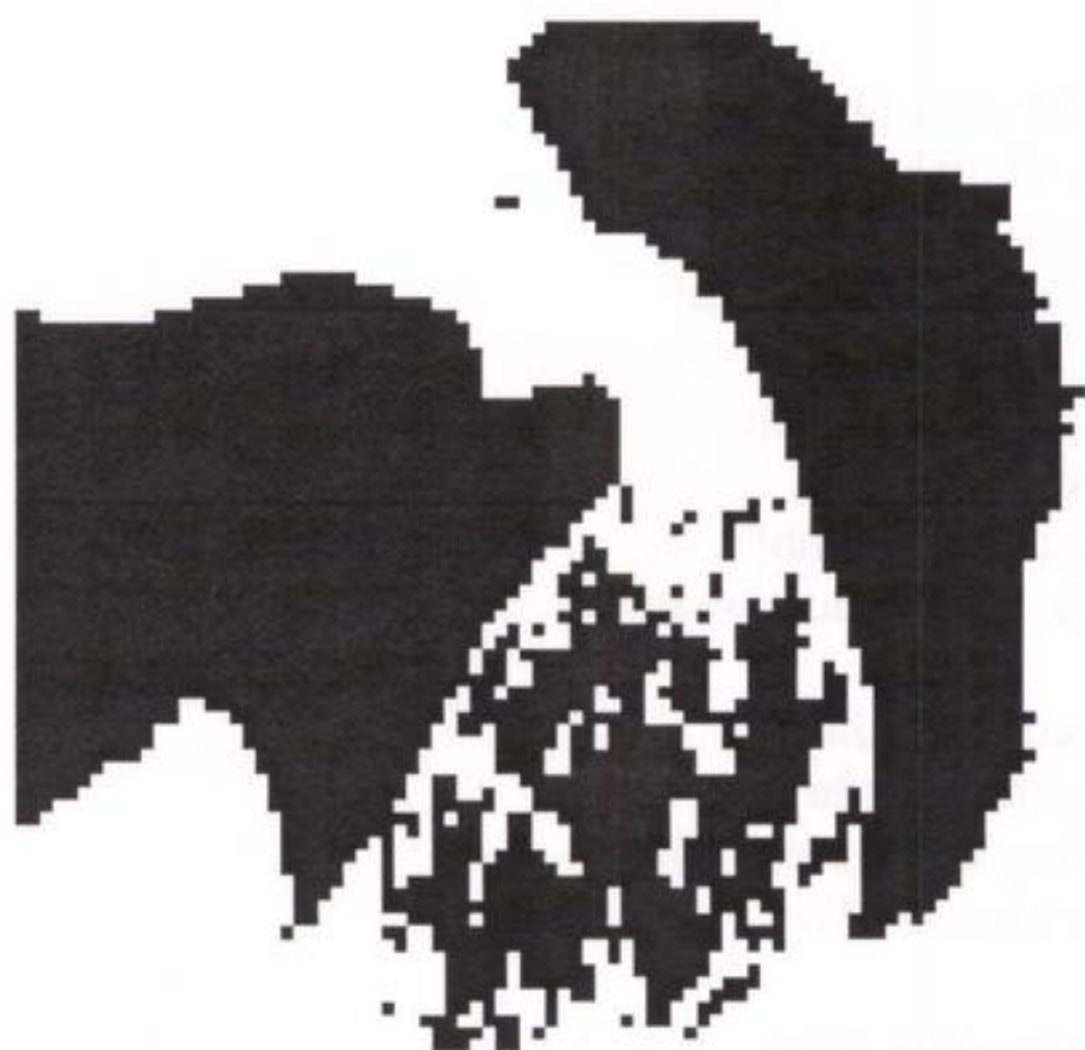
Im mà nghe, chúng tớ chúc nhau:
Chẳng lo nhìn trước, ngó đằng sau,
Không sợ khủng bố hay đột tử...
An vui - Hạnh phúc - Khỏe như trâu!

Thạch Thủ



Một Ngày Cuối Năm Buồn

Nguyễn Phạm Thy Hảo



Hôm nay cô Yên đưa tụi học trò lớp hai về nhà cô chơi như đã hứa từ trước. Ôi thôi! Tụi nó chạy rầm rập trong nhà, bánh kẹo thì rơi vãi đầy sàn. Cũng hên là chỉ có mấy cô trò ở nhà, chứ không thì thầy Lân cũng phải điên đầu với tụi nó. Nói thì nói vậy thôi, chứ nếu có ông thầy ở nhà thì chắc tụi nó không dám quậy như vậy đâu. Gương mặt nghiêm nghị của thầy Lân làm cho đám học trò đâm ngán, chớ thật ra thì thầy cũng không đến nỗi nào. Hôm nay đúng là vắng chủ nhà, gà mọc đuôi tôm! Tụi nó đùa giỡn, hét hò vui như Tết.

Năm nì rất nhiều lần với đủ lý do, hôm nay chúng mới thỏa mãn nguyện vọng, cũng nhờ hai tuần trước, cô Yên đã đại dốt đưa thằng Sơn về khi đã mãn giờ học mà thấy nó lúi thúi ngồi một mình chẳng có đứa bạn nào. Thằng Sơn mới từ Việt Nam được bảo lãnh qua, một chữ tiếng Na Uy cũng không biết nên nó chưa có đứa bạn Na Uy nào, sau giờ học cô Yên thì nó phải ngồi chờ ba nó tới rước. Thấy vậy nên cô Yên mới gọi

điện thoại nói ba thằng Sơn hôm ấy không phải tới đón, mà cô sẽ đưa nó về tận nhà sau khi cho nó ở nhà cô chơi đợi ba nó đi học về. Điều này làm cho những đứa học trò lớp hai mau mau nắm lấy cơ hội. Tụi nó lý sự rằng thằng Sơn còn lớn hơn tụi nó, Tại sao thằng Sơn được tới nhà cô mà tụi nó lại không cơ chứ? Chán tai vì nghe những tiếng cần nhần mà đám học trò rất kiên nhẫn lập đi lập lại, cô Yên đành chịu thua đưa tụi nó về chơi cho xong chuyện.

Nhưng có một đứa trong bọn không hoàn toàn hòa nhập vào cuộc vui của các bạn, đó là con Hoàng Trâm. Nó đi vòng vòng trong nhà, thò đầu vô ngắm nghía từng cái phòng và cứ tấm tắc khen sao mà nhà cô rộng quá! Khi đã hết giờ phải ra về, Hoàng Trâm ngồi trong xe với gương mặt trầm ngâm chứ không lý lắc nói đủ thứ chuyện như thường ngày. Mọi lần, nó tía lia cái miệng, cái gì cũng hỏi, cũng kể. Nó nói nhiều quá, nhưng vì cách nói chuyện của nó có duyên, nó biết đặt những câu hỏi rất khôn ngoan

nên cô Yên không nở la mắng nó bao giờ.

Khi cô Yên đã đưa những bạn học trường khác về, chỉ còn lại Hoàng Trâm và thằng Định. Định quen như mọi khi, mở cửa xe tính leo lên ngồi băng trước bên cạnh cô Yên, nhưng Hoàng Trâm đã đồng dặc bảo:

Định ngồi đó đi, bữa nay Trâm muốn ngồi gần cô Yên

Thằng Định day lại nhìn Hoàng Trâm hơi ngạc nhiên, nhưng tánh tình ít nói nên cũng ngoan ngoãn ngồi trở lại vị trí cũ. Nó thò tay đóng cửa xe lại để nhường cho Hoàng Trâm leo lên ngồi kế bên cô giáo. Cô Yên im lặng, chờ đợi coi con nhò này hôm nay định giờ trò gì.

Hoàng Trâm là một đứa con gái có cá tính rất mạnh mẽ, thích chủ động trong mọi công việc. Nhóm học tiếng Việt lớp hai của tụi nó gồm học sinh từ mấy trường khác nhau, thường thì học riêng từng trường nhưng mỗi tháng cô Yên lại cho học chung một lần họp lại để chúng nó có cơ hội chơi đùa với nhau. Chỉ có một mình Hoàng Trâm là con gái, nó lại ốm cả tong cả teo, chỉ có mỗi cái miệng là lanh không ai bằng. Không biết tụi nhò đã ngầm thỏa thuận từ bao giờ mà hầu như để cho con bé Hoàng Trâm quyết định mọi chuyện. Người bình vực ý kiến của Hoàng Trâm hăng hái nhất chính là thằng Định, hai đứa chúng nó học cùng lớp, cùng trường nên thân với nhau hơn là phải. Và có lẽ cũng cảm động vì việc này nên Hoàng Trâm cũng tỏ ra quan tâm tới thằng Định hơn những bạn khác, có chuyện gì nó cũng nhắc nhở mọi người đừng quên thằng bạn của nó mặc dù hôm đó thằng Định vắng mặt. Ngoài ra, biết thằng Định thích ngồi băng ghế trước nên chính Hoàng Trâm đề nghị nhường ưu tiên đó cho Định.

Xe vừa ra khỏi sân trường Oserød để bắt vào con lộ chính thì Hoàng Trâm tìm cách đi vào vắn đề, Đầu tiên, nó khen nịnh:

- Trời ơi! Nhà cô Yên đẹp ghê! Ở cái nhà như vậy chắc sướng dữ lắm ha cô!
Cô Yên cười và ậm ừ, nhớ lại hồi nãy nó đã vô từng phòng để quan sát. Hoàng Trâm ngừng lại một chút để dẫn đo, rồi trở giọng than thở:
Còn nhà con thì...chật ních không đủ chỗ mà ngủ nữa. Hồi đó Ba Hùng chưa qua, có 2 cái phòng ngủ thì chị Hai dành một cái, con được ngủ chung với Má còn chị Ba phải ngủ ngoài phòng khách. Bây giờ có Ba Hùng với anh Sơn về nữa cho nên mấy đứa tụi con (gồm có Hoàng

Trâm, chị Ba của nó và thằng Sơn) phải trải nệm ngủ ngoài phòng khách. Nhưng mà anh Sơn ảnh ngáy thôi...giống y như cái thùng thiếc bễ vậy! Con ngủ hồng được.

Nói rồi nó thờ dài. Cô Yên cũng kín đáo thờ dài, trong lòng cô dấy lên một nỗi xót thương. Làm nghề giáo viên tiếng mẹ đẻ hơn hai chục năm qua, nhất là có thời gian làm thông dịch viên cho vùng này, cô biết rõ về những hoàn cảnh trong các gia đình đồng hương tại đây. Trong đám học trò của cô, có nhiều em đã được cô lo lắng cho từ hồi còn trong bụng mẹ cho tới khi ra đời còn đi khám sức khỏe tại các trạm y tế. Có đứa ngác ngơ, khờ khạo được cha bảo lãnh từ trại tỵ nạn hoặc từ Việt Nam. Cũng có đứa chính ba má của chúng đã từng là học trò của cô ngày trước. Vì hiểu rõ hoàn cảnh từng đứa học trò, cô Yên thông cảm với những đứa trẻ gặp trở ngại về mặt tinh thần, mà chúng không phải là ít, mỗi đứa lại có một hoàn cảnh khó khăn, một tâm sự riêng. Những đứa trẻ này tuy chơi đùa với các bạn, thực ra chúng rất cô đơn, không biết tâm sự cùng ai nên thường hay than thở với cô Yên. Những lúc đó, chúng thường được cô an ủi, và đưa ý kiến để chúng có thể thích nghi với hoàn cảnh sống mà chúng không thể trốn tránh được.

Ngừng một lát, Hoàng Trâm rụt rè lên tiếng:

- Cô ơi! Cô đòi nhà cho con được hôn cô? Cô thấy đó! Nhà con thì quá đông người mà chỉ có hai cái phòng ngủ, còn nhà cô chỉ có cô với thầy mà ở sao hết 7 cái phòng ngủ? Vậy cô đòi nhà cho con nha cô. Con nói thiệt, cô mà chịu đòi nhà cho con thì mỗi lần thấy cô, con đều quỳ gối xuống, lạy cô một trăm lạy để tạ ơn cứu nạn hết á.

Tuy đã đoán trước hôm nay có chuyện gì đó cần nói cho nên nó mới giành ngồi băng ghế trước, nhưng khi nghe nó nói, cô Yên không khỏi giật mình. Cô cảm thấy hơi bối rối! À thì ra nó hăng hái nhất trong việc đòi tới nhà cô chơi là vì nó sẵn có một ý đồ. Hồi trưa nay, khi vừa tới nhà thì nó đã xông ngay vô phòng tắm. Kêu hoài nó mới trở ra nhưng không nghe nó giết nước toa-lette. Khi thằng Phong chê nó ở dơ, đi toalette mà sao không giết nước thì nó nói vô để ngấm thôi chờ nó đâu có làm gì mà phải giết toalette. Sau đó, khi các bạn khác sáng mắt lên, vui vẻ ăn uống những bánh kẹo và nước ngọt cô Yên đem ra thì nó vẫn bận rộn đi hết phòng nọ tới phòng kia, thì ra là nó đã có mục đích sẵn. Một lát sau, cô hỏi:

- Bộ má kêu con hỏi cô hả?

Hoàng Trâm vội vã trả lời:

- Không đâu!...Má con đâu có biết chi đâu! Cô đừng có kể lại chuyện này với Má con. Với lại cô cũng đừng kể chuyện này với ai nha cô. Cô làm ơn làm phúc giùm con với.

Cô Yên nhớ tới những lời phê bình nặng nề của những người đồng hương trong vùng hôm nọ khi nói về Hoàng Trâm. Họ gọi nó là con nít ma, con nít quý. Con nít gì mà biết hết những chuyện bí mật của người lớn. Cô phải cố gắng biện hộ cho đứa học trò đáng thương của mình. Nếu người lớn đừng quá vô tư, nói những chuyện đó trước mặt đám con nít thì làm sao nó biết được? Còn việc nó quá khôn ngoan, ranh mãnh, theo cô thì đó chỉ là do bản năng tự vệ của một đứa nhỏ có quá nhiều thiệt thòi trong cuộc sống. Nó ra đời thiếu hoàn toàn tình thương của người cha không ra gì. Không hiểu tại sao, nhưng ba ruột của nó không đếm xỉa gì tới nó và chị Hai của nó, trong khi chị Ba của Hoàng Trâm thì được cưng chiều, lâu lâu ba nó tới tận trường học, gửi cho Hoàng Ái, chị Ba của Hoàng Trâm số tiền lên tới bạc ngàn mỗi khi thắng một đêm bài bạc, căn dặn nó phải để dành để xài một mình chứ không được cho ai, rồi bỏ đi biệt dạng. Còn nó và Hoàng Nhung, chị hai của nó thì chẳng được các nào. Một điều rất đáng tiếc là tự nhiên có số tiền quá lớn như vậy trong túi, Hoàng Ái trở nên có rất nhiều bạn, và nó thường đi chơi tới khuya mới về. Má nó la lối gì cũng mặc, nó cứ đi chơi không ngó ngang gì tới bài vở học hành. Chị Hai Hoàng Nhung thì đã quá chán ngán cái không khí ngột ngạt trong gia đình, nên vừa đi học, vừa đi làm với ao ước kiếm đủ tiền mua căn chung cư nhỏ, tạo lập một đời sống riêng. Má của Hoàng Trâm là một người đàn bà còn trẻ, vừa khát tình, vừa đau tình. Không may cho chị ta, gặp người chồng tàn nhẫn và ngu xuẩn, đứng núi này trông núi nọ, cuối cùng rồi việc ly dị đã phải xảy ra. Thời gian đầu có một vài người xâm xỉ cho rằng đây là một vụ ly dị giả để ăn tiền xã hội, nhưng cô Yên từng làm thông dịch, cô theo dõi sự việc từ đầu tới cuối nên hiểu rõ câu chuyện. Má của Hoàng Trâm vừa đau, vừa hận, nên nhứt quyết đi tìm cho mình một hạnh phúc thực sự. Hạnh phúc đó, không biết đã tới hay chưa, nhưng đứa con gái út ít, đáng thương phải chịu cảnh thui thủi nhiều đêm chờ đợi mẹ về. Rồi bây giờ thì người mẹ đã yên tâm để xây đắp một hạnh phúc gia đình mới, chưa biết rồi đây sẽ ra sao, nhưng trước tiên là Hoàng Trâm đang cảm thấy ngột thở với căn nhà quá chật chội. Có người chê má

của Hoàng Trâm ngu! Cứ bảo lãnh giùm để nhận tiền thù lao rồi bỏ số tiền đó về, mấy mẹ con tha hồ sung sướng. Cô Yên thì quan niệm rằng mỗi người cần chọn cho mình một cuộc sống mà mình ước muốn. Từ hồi quen Má của Hoàng Trâm, cô nhận thấy chị ta không tha thiết lắm về tiền bạc. Ngay khi ba Hoàng Trâm bị ngồi tù vì tội hành hung người, nhân viên phòng xã hội đã tới nói với chị ta rằng hai người đang bất hòa, nhiều lần đòi bỏ nhau, nay chị ta nên nhân cơ hội này để xin ly dị, như vậy số tiền trợ cấp hàng tháng của chị sẽ tăng lên rất nhiều. Cô Yên định ninh rằng chị ta sẽ vui mừng mà ký vào đơn xin ly dị. Ai ngờ chị ta đã khăng khái nói:

Chị Yên ơi, chị làm ơn nói giùm với "bà xã hội" là em không nỡ làm chuyện đó trong lúc này. Dầu sao thì cũng tình nghĩa vợ chồng. Tuy anh không thương em, nhưng hiện nay anh đang trong vòng tù tội, em làm sao bỏ anh cho đành. Khi nào anh ra tù xong rồi em để cho anh toàn quyền quyết định. Còn bây giờ nếu em bỏ anh thì đâu có ai thăm nuôi anh đâu. Thôi kệ! Tối đâu hay đó còn bây giờ em phải lo cho anh.

Và chị ta rất chăm chỉ đi thăm nuôi hàng tháng. Khi mãn hạn tù một thời gian thì ngựa lại quen đường cũ, hấn ta lại lê la cờ bạc và đánh đập vợ rất vũ phu cho tới khi má của Hoàng Trâm không chịu nổi đành phải yêu cầu tòa cho ly dị. Ba của Hoàng Trâm có quan niệm rất lạ. Khi cô Yên đặt câu hỏi tại sao hấn lại chỉ thương có một mình con Hoàng Ái? Hay là hấn tình nghi hai đứa kia không phải con mình thì hấn đáp tình queo:

- Em biết tại nó là con em chứ sao. Nhưng trong ba đứa, có một mình con Hoàng Ái là được em chăm sóc từ đầu nên em mến chum mến tay. Con Hoàng Nhung thì lúc em đi vượt biên qua ngã Campuchia, má nó còn đang có bầu chưa sanh. Còn con Hoàng Trâm thì về sau này, em ham cờ bạc nên đi tới ngày, đâu có gần gũi nó đâu mà có tình thương.

Ba nó ăn nói ngang ngược vậy đó, cho nên con nhỏ Hoàng Trâm phải cam chịu thiệt thòi. Cũng đỡ là sau khi cô Yên hăng hái biện hộ cho nó, đã có người nghĩ lại và thấy cô có lý. Một hôm khi tới chơi nhà một người bạn rất thân thiết, và là một trong số người đã từng ghét cay ghét đắng Hoàng Trâm, cô Yên gặp nó đang chơi đùa với con chó của bà. Như vậy là bà đã bớt đi thành kiến không tốt về đứa nhỏ đáng thương này.

Cô Yên thò tay qua vuốt tóc Hoàng Trâm, cô nói:

- Con muốn đổi nhà thì phải về bàn với má, chứ không lẽ đổi rồi hai cô trò mình bí mật, ban đêm đợi má của Hoàng Trâm ngủ, mình khiêng má đi qua nhà mới, giống như Jesper, Casper và Jonathan khiêng Tanter Sophia hay sao.

Nghe cô Yên khôi hài, cả hai đứa nhỏ cùng phá lên cười với những ý tưởng thật ngộ nghĩnh. Tụi nó tìm ra nhiều chuyện để tưởng tượng về má của Hoàng Trâm nằm tòn ten trên một cái võng và ngáy khò khò. Hoàng Trâm tạm quên đi dự định độc đáo của nó. Rồi câu chuyện xoay quanh một đề tài khác. Thăng Định khoe:

- Tết năm nay, bà ngoại con từ Bergen qua gói bánh tét giùm cho nhà con. Để con xin ngoại một đòn, đem vô lớp cho cô ăn với nhe. Bà ngoại con gói bánh tét ngon dữ lắm.

- Thôi con đừng xin làm chi, bà ngoại gói bánh cực khổ là tại vì bà thương mấy đứa cháu. Con để cả nhà cùng ăn cho bà nội vui. Nhà cô cũng gói bánh, nhưng mà gói bánh chung.

- Cô Yên ơi, thứ bảy tuần tới có hội Tết ở vùng mình, cô có đi không vậy?

- Cô đi chứ! Tới đó gặp đông đủ hết mọi người, vui lắm! Chắc các con cũng đi chứ gì?

Hoàng Trâm dàu dàu nét mặt, giọng nó hơi trùng xuống:

- Còn con thì má không cho đi. Tại chị Ba đó! Chị Ba đi chơi về trễ, không có làm bài cho nên bị phạt, rồi má phạt luôn con. Má còn nói bữa hôm đó má đi làm ca đêm nên tụi con phải ở nhà.

Cô Yên chưa kịp nói gì thì thăng Định đã lên tiếng:

- Còn con thì Ba con hứa Tết năm nay Ba sẽ nghỉ một tuần để chờ mấy mẹ con về thăm nội, rồi thăm ngoại. Hoàng Trâm què! Hồng được đi đâu hết.

Đến lúc này thì Hoàng Trâm không chịu nổi nữa, nó quay lại nhìn thăng Định và nói bằng giọng hằn học:

Định im đi! biết chi mà nói! Định được như vậy là tại vì gia đình Định có hạnh phúc. Mà Định có biết hạnh phúc nghĩa là gì không? Hà?

Không dung bị Hoàng Trâm hỏi với giọng phần nộ, thăng Định co vùi lại liền. Nó im lặng nhìn ra ngoài cửa kiếng, một lúc sau nó đáp nhỏ:

- Định đâu có biết.

Có lẽ nhận thấy mình đã quá trớn, nét mặt căng thẳng của con Hoàng Trâm từ từ dịu lại. Cô Yên an ủi:

- Để cô gọi điện thoại nói chuyện với má. Nếu má mắc bận thì cô sẽ tới nhà đón con và Hoàng Ái, rồi cô lại chờ hai đứa về tận nhà.

Hoàng Trâm sáng mắt lên, nó la lên với giọng phần chấn hơn:

Dạ, cô gọi thì thế nào Má con cũng cho đi, chứ ngày hội Tết vui quá chừng mà con phải ở nhà thì buồn lắm.

Thấy nó vui trở lại, cô Yên hỏi nhỏ:

- Vậy theo con, thế nào gọi là một gia đình hạnh phúc?

Đôi mắt Hoàng Trâm lại trở nên xa xăm. Nó làm thỉnh một hồi lâu rồi mới trả lời:

Một gia đình hạnh phúc là một gia đình cả nhà được sống chung với nhau. Ba má thương nhau và thương các con, các con ngoan ngoãn và nghe lời ba má.

Nó lại im lặng một lúc nữa rồi quay lại nhìn cô Yên nói tiếp với giọng thần thờ:

- Cô ơi! Con chưa bao giờ được hưởng hạnh phúc đó hết.

Cô Yên có cảm tưởng như ruột mình bị thắt lại. Cô rán nuốt những giọt nước mắt mà vẫn nghe đôi khóe mắt cay sè. Khi đã thả hai đứa học trò bé nhỏ xuống khu chung cư nơi cả hai đang sống, cô cho xe chạy tấp vô một bãi đất trống. Cô khóc ngon lành như muốn khóc thế cho đứa học trò bất hạnh của mình.

Nguyễn Phạm Thy Hảo



Tiểu Thơ

Phạm Tín An Ninh



Rầm!

Tôi và hai thằng bạn vừa rà thắng xe đạp trước rạp Tân Tân để vào xem phim “Ba Chàng Ngự Lâm Pháo Thủ” thì bị một chiếc Vélo Solex húc từ đằng sau tới. Cả ba thằng ngã xuống đất. Riêng tôi còn bị cái xe của thằng bạn đè lên bụng đau muốn nín thở. Mới lo ngại bò dậy, chưa kịp phui bụi trên áo quần thì nghe tiếng quát tháo:

Ê! bộ ba “chàng ngự lâm pháo thủ” mù cả hả. Dừng ngựa mà chẳng coi chừng phía đằng sau! Đáng đời!

Vừa ngượng vừa tức giận bởi tự dưng bị húc té nhào giữa thanh thiên bạch nhật và trước bao nhiêu người đẹp, chưa kịp nắm cổ áo cho một trận, thì bị thủ phạm tiếp tục tấn công phủ đầu. Đúng là cà chớn. Nhưng nhìn lên thì ... À... cả ba thằng khựng lại: đối phương là một cô gái, tuổi ô mai, tóc còn thắt bím, ngồi trên Vélo, vòng tay trước ngực, trề môi, rồi trợn đôi mắt to như hai cái đèn “ô tô”:

- Số còn hên đó. Cái Vélo không bị hư gì. Tiểu thơ tha cho đó. Lần sau liệu hồn!

Nói xong cô bé nguyền một cái rồi rồ ga chạy mất tiêu.

Dù chưa bao giờ bị thầy Bửu Căn phán cho cái tội “con nhà không có lư hương”, bọn tôi cũng phải chửi thề một tiếng cho hả giận. Thằng Cường, đứa hiền lành ít nói nhất trong bọn tôi, xấn tay áo, xỏ nho trước:

Đ.m. con gái nhà ai, trông đẹp thế mà đánh đá như bà chằn. Phải mà con trai thì biết tay tao.

Đúng là cô bé khá xinh, nhất là đôi mắt thật to và đôi môi mọng đỏ, dù có trề lên ngạo nghễ, cũng vẫn đáng yêu ghê lắm. Tôi nghĩ vẫn vợ như thế khi theo người soát vé dẫn tới chỗ ngồi. Trong rạp tối mò. Ba thằng chúng tôi vào trễ. Trên màn ảnh đang chiếu phim thời sự: Tổng thống Ngô Đình Diệm đang kinh lý Ban Mê Thuột (nhưng không thấy cảnh ông bị ám sát hụt).

Suốt buổi hôm ấy, mắt nhìn lên màn ảnh mà tâm trí tôi thì chỉ thấy có đôi mắt cô bé, trừ khi nào có tiếng súng nổ của ba chàng ngự lâm, tôi mới giật mình trở lại với truyện phim đôi ba phút.

Cha tôi nói đúng, hồi mới ba tuổi, tôi đã khóc đến cả tháng trời khi mẹ tôi mất, ông bảo rồi sau này tôi sẽ là một thằng đa sầu đa cảm. Và hôm nay, dường như tôi bắt đầu biết tương tự đây.

Nha Trang cũng chẳng lớn hơn cái thành phố núi Pleiku là bao nhiêu, để ông nhà thơ nào đó “đi dăm phút trở về chốn cũ”, vậy mà cả mấy tháng rồi, tôi chưa gặp lại cô bé, mặc dù thời ấy Nha Trang đã có khá nhiều Vélo solex, đủ làm tôi nhìn theo muốn ngoẹo cổ. Tôi nghĩ chắc là cô bé từ đâu đến chơi. Trông nước da trắng hồng, có thể là từ Đà Lạt xuống thăm ai đó rồi lại biến mất như một nàng tiên trong cổ tích.

Quê tôi ở ngoài Vạn Giã. Vào Nha Trang học, ở nhà ông chú, trước ở gần rạp ciné Moderne của ông Bác Ái, sau này dọn lên gần Ty Thông Tin. Chú tôi, ngoài làm chủ tiệm bán mọi vật dụng về điện, còn thầu các công trình điện. Ông bà chỉ có một cô con gái rượu, cung như trứng mỏng, nên mọi thứ ngược xuôi giao dịch ông cần tới tôi. Để tôi lên tinh thần, bỏ bớt cái tật ham chơi và lười biếng có lẽ từ khi còn trong bụng mẹ, ông thường bảo: “cháu còn nhỏ mà coi bộ có khả năng thương mại. Cố gắng theo chú học hỏi, sau này dám qua mặt tao nữa đó”. (Điều này thì ông nói trật lất. Vì sau này tôi trở thành lính đánh giặc, nên cả đời có buôn bán được cái gì đâu).

Cả năm cứ mong tới mùa hè là tôi dọt về quê thăm cha tôi và chơi với mấy thằng bạn nổi khố, rủ nhau ra con sông quê, ngày bơi lội, tối cắm câu, ngủ ngoài trời mà đua nhau đếm thử có bao nhiêu vì sao, tìm đâu là dải Ngân Hà có cái Cầu Ô Thước của Ngưu Lang Chức Nữ. Coi bộ vui và lãng mạn hơn ở trong cái thành phố Nha Trang này nhiều. Vậy mà mùa hè này tôi bị ông chú tôi giữ lại, sau khi thuyết phục được ông già tôi, bảo là để cho tôi tập làm quen với thương trường(!). Tôi nghe mà phát sợ, cứ như là sắp sửa bị ông đẩy tôi ra giữa chốn sa trường!

Bài học đầu tay là tôi xách cặp theo ông, đi dự một cuộc họp với mấy ông thầu khoán khác, trong một công trình “hợp tác mỗi bên cùng có lợi”. Nơi họp là một ngôi biệt thự khá đẹp nằm trên con đường Duy Tân có gió reo sóng vỗ..

Tôi rút rề theo sau ông chú, bước vào phòng khách. Nhiều người đã có mặt. Ông nào trông cũng bệ vệ, đặc biệt có một ông mặc quân phục, oai phong cao lớn, mà coi bộ mọi người ai cũng nể trọng. Nghe nói chuyện một hồi tôi mới biết đó là ông đại tá Đỗ Cao Trí, chỉ huy quân trường Đồng Đế. Lúc ấy tôi còn nhỏ, đâu có biết gì nhiều về lính tráng, nhưng tôi có nghe nhiều người kể chuyện tình ông đại tá này với một bà dược sĩ nào đó có tiệm thuốc tây trên đường Độc Lập. Bà này mới vừa ly thân ông chồng dược sĩ, có ông bồ là đại úy phi công trẻ tuổi đẹp trai thường đeo bà trên chiếc Vespa chạy vòng vòng ngoài bờ biển, mặc dù bà có chiếc xe hơi thể thao trọc mui duy nhất ở thành phố này. Tội nghiệp ông phi công, vừa mới bị

ông đại tá này nói nhỏ bạn bè làm lớn bên Không Quân cho bay ra tận ngoài vùng 1 xa tít mịt mù. (Sau này ông phi công hào hoa lấy một cô ca sĩ có giọng hát buồn...vào hôn không tên nào đó). Nghe mấy ông bàn bạc, tôi mới biết buổi họp này là để bàn việc xây cất và chỉnh trang lại toàn bộ doanh trại của quân trường Đồng Đế, mà chú tôi và mấy ông bạn thầu khoán vừa mới trúng thầu.

Tôi ngồi sau lưng ông chú, ghi ghi chép chép cứ như là... phóng viên tập sự. Vừa buổi thì ngưng họp ăn cơm. Một bữa ăn thịnh soạn từ nhà hàng mang tới. Vì thuộc hàng con nít, nên tôi được ưu tiên ra sân sau ngồi chung với mấy anh tài xế và con cháu ông chủ nhà. Vừa bước ra, chưa kịp tìm chỗ ngồi, thì tôi giật mình, sững sờ đến mấy phút. Cô bé, cô tiểu thư... Vélo solex, tông bọn tôi trước rạp Tân Tân gần ba tháng trước, đang ngồi chễm chệ tự lúc nào trong cái ghế bành duy nhất bên bàn ăn.

Lấy lại bình tĩnh, tôi đến kéo chiếc ghế bên cạnh cô bé:

Chào tiểu thư, chàng ngự lâm pháo thủ bị xe tông... ngã ngựa có được phép ngồi đây không ạ?

Cô bé nhìn tôi tròn xoe đôi mắt. Đôi mắt mà tôi đã tìm kiếm hơn ba tháng nay, cứ tưởng đã biến mất khỏi Nha Trang, bỗng dưng bây giờ đang mở lớn hết cỡ trước mắt tôi. Tôi ngồi yên như bị thôi miên. Dường như vừa mới nhớ ra tôi, cô bé nhòe miệng cười:

- À, hữu duyên thiên lý năng tương ngộ.! Vous cứ tự nhiên.

Tôi ngạc nhiên, cô bé coi bộ tây này còn xỏ cả tiếng nôm tiếng hán. Tôi nhủ lòng: Không phải vừa đâu nghe.

Vậy mà cái cuộc trùng phùng khá bất ngờ này lại đưa đẩy tôi đến một nấc thang danh vọng: làm gia sư cho cô bé. Nói gia sư cho oai phong, chứ hồi đó chỉ có mỗi chữ “dạy kèm” thôi chứ sư với siếc gì.

Số là sau này, khi thực hiện công trình, tôi thường theo chú tôi đến đây, cũng có nhiều lúc tôi đến một mình để trao giấy tờ và tham khảo ý kiến của ông chủ thầu, papa của nàng. Dần dà tôi quen thân với cả nhà. Gia đình trước sống ở Đà Lạt, làm chủ mấy cái hotel. Bà vợ bị chết bởi một tai nạn giao thông ngay trên đèo Ngoạn Mục, ông già buồn quá không muốn mỗi ngày nhìn thấy bóng dáng bà vợ trong thành phố sương mù, nên dọn xuống Nha Trang, trở lại nghề thầu khoán gia truyền từ mấy đời trước. Ông bà chỉ có mỗi một cô con gái, nhưng trong nhà ông nuôi nhiều cháu và gia nhân. Gặp tôi nhiều lần, và qua chú tôi, ông già cô bé nghe nói tôi cũng gốc nhà quê, hiền lành chăm chỉ, nên nhờ tôi, cứ ba tối mỗi tuần ghé lại nhà kèm cô

con gái cưng của ông về môn toán và Việt văn. Cô bé vừa từ trường Domaine de Marie ở Đà Lạt chuyển xuống lớp đệ ngũ trường Nữ trung học Nha Trang, đọc thơ Chinh Phụ Ngâm và Cung Oán Ngâm Khúc mà không hiểu bà Đoàn thị Diễm và ông Ôn Như Hầu nói cái gì trong đó.

Môn toán thì tôi không biết vẽ rỗng vẽ rắn, chứ cái môn Việt văn này coi bộ bao la trời biển quá, vẽ cái gì chẳng được.

Hôm đầu tiên, tiểu thư vẫn còn cao điệu, gọi tôi là Thầy. Không biết là do lệnh của ông già, vì đề phòng tôi “tán bậy” con gái, nên phong cho tôi cái chức “bán tự vi sư nhất tự vi sư” để tôi biết phận mà giữ mình, hay là cô bé chọc quê tôi không biết.

Thấy “diễn nôm diễn tích” mấy câu thơ trong Cung Oán Ngâm Khúc coi bộ không ăn khách, chẳng hấp dẫn nổi cô bé, tôi quay sang đọc thơ cho cô bé nghe. Hồi đó ở Võ Tánh có hai nhà thơ rất sớm nổi tiếng, mà dù là tên thật hay bút hiệu gì nghe cũng đẹp lắm sao: Thanh Nhung và Cao Hoành Nhân, Tôn Nữ Nha Trang và Bùi Cao Hoành gì đó. Không biết có đúng hay không, nhưng tôi nghe bạn bè thêu dệt về cuộc tình lãng mạn của hai nhà thơ học trò vang bóng một thời này. Tôi chọn mấy bài thơ ướm át nhất của hai người đọc cho cô bé nghe. Và cũng lạ, không cần diễn nôm diễn nghĩa gì cả, cô bé không những hiểu rất nhanh mà còn cảm nhận đến độ lim dim đôi mắt... nhìn xa xăm.

Có một điều tôi quên nói: cô bé cũng thuộc dòng Tôn Nữ, cũng có một cái tên hay lắm: Tôn Nữ Giáng Vân. Nhưng tôi vẫn thích gọi cô bé là Tiểu Thư, cái tên mà nàng đã tự xưng khi đứng tôi trước rạp Tân Tân. Hơn nữa tôi thấy cái tên này cũng hợp với cô bé lắm. Tôi nghĩ thầm, có lẽ nàng Tôn Nữ xứ Huế nào cũng đẹp và... lãng mạn đa tình.

Các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn, cô bé mê nhất là Hồn Bướm Mơ Tiên, nên thường bắt tôi kể lại cho nàng nghe. Mẹ nàng vốn là một phật tử ngoan đạo. Sau ngày bà chết, ba nàng cúng dường khá nhiều tiền để chỉnh trang hai ngôi chùa Tỉnh Hội, Hải Đức và cúng thỉnh thêm nhiều tượng Phật. Cô bé thường theo cha lên chùa Hải Đức. Nàng bảo mỗi lần lễ Phật, nàng cứ tưởng tượng mình là “chú tiểu” Lan, nhưng lại rất sợ và bịt kín tai khi nghe có tiếng đại hồng chung, nên chắc không thể nào giả trai lên chùa tu được.

Một hôm, cô bé nhất quyết bắt ông thầy phải làm cho cô bé một bài thơ. Nếu không thì không chịu học. Cái này thì đúng là tiểu thư muốn hại “đời tư” của tôi đây. Mang tiếng là học ban C nhưng hồi giờ tôi có thơ với thần gì đâu, chỉ lâu lâu cùng với mấy thằng bạn trong lớp nghịch

ngợm bày ra trò chơi nổi vắn một bài lục bát con cóc để ghẹo cô bạn nào đánh đá trong lớp. Vậy mà hôm ấy, không biết con tim nó ướm át đến cỡ nào, tôi phóng bút làm xong một bài thơ chưa đầy mười phút. Đọc qua nghe có mùi cái lương không chịu nổi, nhưng tôi cũng tự phục mình. Tôi đưa bài thơ cho nàng đọc:

Ngày tháng trôi dần theo nhớ thương

I như duyên nợ đã vắn vương

Nên tình mây nước cùng trăng gió

Hẹn ở ngày mai một nẻo đường

YÊU vàng trắng sáng in cành lá

Và khúc nhạc lòng dâng đến hương

Ấn ái giờ đây là mơ ước

Ngờ một tâm tình một vắn vương

Cô bé đọc xong không biết có hiểu gì không, (mà thực ra bài thơ cũng có nghĩa gì đâu mà hiểu với không), gật gù khen và hỏi:

- Sao bài thơ không có tên ?

- Có tên rồi đó mà tiểu thư không thấy à ?

Cô bé lật qua lật lại mảnh giấy :

- Tên với tựa gì đâu, không thấy, trả lại thầy, không thèm.

Tôi cười, vuốt ve cô học trò:

- Thì Vân cứ ghép tất cả các mẫu tự đầu ở mỗi câu lại, sẽ thấy cái tựa liền.

Khổ thật, tôi còn phải giải nghĩa thêm mẫu tự là cái gì, thì cô ta mới tìm được cái tựa bài thơ. Cô bé đỏ mặt, vất mảnh giấy có bài thơ xuống đất:

- Không thèm chơi với Thầy nữa.

Nói là không thèm chơi, nhưng cũng kể từ hôm ấy cô bé thân thiết và gần gũi với tôi hơn. Ba nàng cũng thấy tin và quý ông gia sư nhóc tí này, vì thấy con gái cưng của mình chăm học, vui vẻ yêu đời hơn.

Mùa hè năm đó, cô bé theo tôi về nhà quê chơi, nhân tiện có cô con gái của ông chú tôi cùng về thăm quê nội. Dường như đó là lần đầu tiên cô bé ra một vùng quê. Không biết là gió nội hương đồng hấp dẫn cô bé, hay là suốt ngày dung dăng dung dẻ làm nũng làm nịu với “ông Thầy”, cô bé ca hát líu lo và bảo là yêu... đồng quê ghê lắm. Và đó cũng là một mùa hè đẹp nhất, có ý nghĩa nhất trong đời học trò của tôi, dù ở quê tôi chẳng có cây phượng vĩ và cũng chẳng nghe có tiếng con ve sầu nào rên rì.

Hai năm sau, tôi rời Nha Trang vào Sài Gòn học tiếp. Tôi buồn và tiếc nuối vì phải chia tay cái nghề gia sư với cô học trò nhỏ nhưng có đôi mắt thật to... của mình. Cô bé được ông già chở lên ga Nha Trang tiễn tôi đi. Tôi cũng cố làm ra vẻ “đi là chết ở trong lòng một ít”, làm cô bé mũi lòng muốn khóc. Ông già cứ tưởng là nhờ ơn tôi mà cô bé vừa đậu cái bằng trung học kỳ rồi, nên cũng nắm chặt tay tôi, lì xì một mớ tiền và cảm ơn rồi rít.

Vậy mà cái tình yêu ấy (không biết có đúng là

tình yêu hay không, nhưng cứ nói như thế cho nó lãng mạn và người lớn một chút) cũng làm cho lòng tôi xốn xang một dạo.

Sau đó chỉ có vài lần tôi nhận được thư cô bé, kể chuyện những bạn bè thân quen của cô bên trường Nữ, và chuyện chiếc máy bay phản lực rơi xuống bên cạnh rạp Tân Tân, nơi mà lần đầu tiên tôi biết cô bé nhờ chiếc Vélo của cô tông tôi ngã xuống bên lề đường. Nhưng lần nào cũng kèm theo một bài thơ tình..con cóc.

Năm năm sau, khi cô bé đã trở thành người lớn và quên “ông Thầy” thích đọc thơ tình cho cô học trò... lim dim đôi mắt, thì cũng là lúc tôi hát khúc Biệt Kinh Kỳ, xếp bút nghiên theo việc kiếm cung.

Ra trường, tôi được bổ sung về một đơn vị lưu động trên vùng Cao nguyên gió lạnh mưa mùa. Năm 1972, tôi bị thương trong trận Mùa Hè Đỏ Lửa ở Kontum, được đưa về QYV Pleiku điều trị. Khi vết thương vừa lành, tôi nhận Sự Vụ Lệnh của đơn vị đề cử về Sài Gòn trong đoàn “chiến sĩ xuất sắc” được Tổng Thống tiếp đón tại khu vườn Dinh Độc Lập. Thực ra là tôi có xuất với sắc cái gì đâu. Khi còn độc thân thì hăng máu lắm, chứ đã có vợ rồi thì cũng hơi lạnh ngắt, ngại cái cảnh “anh trở về đang dở đời em”. Nhưng chiến tranh đang hồi ác liệt, nếu cứ chiến sĩ xuất sắc thứ thiệt đi thì thiếu người đánh giặc giỏi, mà lại hao hụt quân số tác chiến, tôi đang trong tình trạng bất khiển dụng, nên cho tôi đi là nhất cử lưỡng tiện. “Chiến sĩ xuất sắc” được ưu ái đi bằng máy bay dân sự. Tại phi trường Pleiku bụi đỏ, tôi bất ngờ gặp lại Tiểu Thơ khi tôi vừa ngơ ngác bước lên máy bay Air Vietnam và khựng lại trước đôi mắt thật to của côhôtesse de l’air đang mỉm cười chào khách. Trong chiếc áo dài màu thiên thanh, có thêu hai con rồng trên cổ áo, nàng đẹp như một nàng tiên. Khi chiếc máy bay DC 4 đã lấy lại thăng bằng trên cao độ, nàng đến ngồi chiếc ghế trống trước mặt tôi, quay ra sau trò chuyện. Trong chớp nhoáng, tôi biết là nàng đã có chồng. Anh ta là một phi công phản lực F5, thuộc đơn vị Biên Hòa. Hai người làm đám cưới hơn một năm. Tôi nghĩ, con gái đẹp thường chọn mấy ông không quân, vừa được tiếng có ông xã hào hoa, đi mây về gió, vừa khó trở thành góa phụ. Anh phi công nào phải vừa bô trai vừa tốt số lắm mới lọt được vào đôi mắt của Tiểu Thơ này. Tôi nghĩ như thế mà lòng thì cũng thấy một chút băng khuâng.

Chỉ nói chuyện được vài câu, nàng ghi địa chỉ của tôi ở Sài Gòn, rồi hẹn sẽ cùng đức lang quân ghé đón đi Maxim nghe Lệ Thu hát bài *Kỷ Vật Cho Em*. Tôi cười, bảo là rất sợ bài hát này, cái bài hát mà thằng lính nào nhát gan nghe xong là không còn muốn “đáo nhậm” đơn vị nữa. Cuối

cùng nàng đến có một mình, “ông xã” vừa mới biệt phái ra Vùng 1. Tôi đó thay vì đến nhà hàng Maxim, nàng đưa tôi ra Quán Cái Chùa cho có vẻ nghệ sĩ một chút, mời “ông Thầy” uống cà phê có hương vị Tùng Đà Lạt - mà chủ nhân thường pha chế đặc biệt cho riêng nàng - để nhớ những ngày cô còn ở đó. Dường như khi đã lớn rồi, người ta lại muốn tìm về cái thời đi học. Hai đứa chỉ ngồi nhắc lại chuyện Nha Trang, chuyện mấy bài thơ con cóc, rồi chia tay không hẹn ngày tái ngộ. Thời chiến tranh mà, “*cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi*” biết đâu mà hẹn.

Tháng 3 /1975, Nha Trang rồi cả Vùng 2 mất. Bao nhiêu năm sống chết với núi rừng Hoàng Triều Cương Thổ, tôi theo đơn vị chỉ còn một phần tư quân số “di tản” vào Vũng Tàu để tái bổ sung, rồi kéo xuống tham dự những trận đánh cuối cùng cô đơn và buồn tẻ ở những địa danh xa lạ; Bến Lức, Cần Giuộc thuộc tỉnh Long An, nhằm ngăn chặn địch quân đang tràn về vây hãm và pháo kích Sài Gòn.

Cũng như nhiều đơn vị khác, vào giờ thứ 25, chúng tôi đánh giặc không có “đại bàng”. Lần cuối cùng tập hợp anh em lại hô “tan hàng” mà không còn nghe “cố gắng” nữa, thì tôi mới biết là ông tướng tư lệnh đã có mặt trên đê thất hạm đội Mỹ trước đó ba ngày rồi! Thôi thì, xưa nay người ta đã nói “*nhất tướng công thành vạn cốt khô*” mà. Cuối cùng thì miền Nam cũng thất thủ. Đám tụi tôi được người “anh em” chiến thắng mời vô trại cải tạo để được hưởng “chính sách khoan hồng của khách mệnh”!

Tám năm lưu đày từ nam ra bắc, cuộc đời thôi đành cứ như gởi theo những đám mây bay. Cái hạnh phúc bây giờ chỉ còn là những phút giây hồi tưởng. Mà hồi tưởng cũng phải “cảnh giác”, chứ không khéo cũng bị cùm vì cái tội “luyện tiếc quá khứ”. Bạn bè cùng cảnh luyện tiếc điều gì thì tôi không biết, nhưng riêng tôi lại tiếc nhớ cái tuổi học trò, và cái thời con tim mới biết yêu. Tôi lại nhớ đến Tiểu Thơ, đến đôi mắt tròn xoe của cô bé, và nhớ tới cái hạnh phúc làm “gia sư” của tôi còn hơn là nhớ tới mười mấy năm làm bạn với ông Nguyễn Bắc Sơn “*ta vốn hiền khô - ta là lính cậu, đi hành quân rệu rã vẫn mang theo, mang trong đầu những ý nghĩ trong veo, xem chiến cuộc như tại trời ách nước*”. Tôi hình dung bây giờ chắc nàng đang hạnh phúc ở một chốn thiên đường nào bên nước Mỹ. Ông xã là không quân mà, lại đóng ở Biên Hòa nữa. Chỉ cần một lần cất cánh nhẹ nhàng là thay đổi cả cuộc đời.

Ra tù, trở lại thành phố xưa, tôi có cảm giác Nha Trang sao bây giờ xa lạ quá, không còn là “hang động tuổi thơ” của bọn tôi ngày trước nữa. Nhưng rồi tôi cũng đâu có được phép ở lại cái thành phố này, mà phải về tạm trú ở quê tôi

ngoài Vạn Giã. Ở đó tôi chỉ còn một bà cô già sống quạnh hiu trong ngôi nhà từ đường có mái ngói âm dương của ông bà nội. Cha tôi thì cũng đã chết cách đây sáu năm trong trại cải tạo Đá Bàn. Mồ mà còn chưa biết ở đâu. Nhưng rồi tôi còn có cái may, là gần như mỗi ngày tôi đều ghé lại Nha Trang một lần, bởi tôi được ông anh bà con cho tôi làm tài xế phụ kiêm lơ xe cho chiếc xe đồ nhỏ của ông chạy đường Nha Trang – Tuy Hòa. Xe chạy bằng than và khách hầu hết là mấy bà đi buôn chuyến.

Một hôm tôi đang lui cui đứng trên mui, một bà khách kêu tôi nhắc hộ đôi thùng của bà lên. Bà lấy hết sức đưa từng chiếc thùng lên, nhưng rồi lại bị sà xuống. Trong đôi thùng là những thỏi đường màu đen khá nặng. Tôi phải dùng một cây móc sắt đưa xuống, bảo bà móc vào để tôi kéo lên. Khi lấy sức kéo đôi thùng lên tôi bất ngờ gặp đôi mắt thật to và tròn xoe. Đôi mắt nhìn tôi tựa hồ như xoáy vào lòng tôi nhát dao đau buốt. Tôi nhảy xuống xe, nắm chặt đôi vai gầy còm của bà khách :

- Là em, là Tiểu Thơ đây à?

Nàng nhìn tôi, rồi nước mắt đầm đìa.

- Tiểu Thơ, à quên . . . Vân, làm sao mà em lại ra đến nỗi này.

Nàng cúi xuống im lặng, không nói một lời nào. Ra đến Tuy Hòa, tôi gánh hộ nàng gánh đường giao cho một cái quán trong chợ, rồi mời nàng đi ăn cơm trưa. Tôi đang nóng lòng được biết về hoàn cảnh của nàng :

- Ông xã em bị kẹt ngoài Vùng 1 rồi mất tích luôn từ đó tới bây giờ. Em có đi hỏi một vài người bạn cùng phi đoàn, thì họ cho biết là anh ấy bị bắn rơi khi yểm trợ cho anh em Thủy Quân Lục Chiến rút về Đà Nẵng. Em chờ đợi xem anh có bị bắt cầm tù ở đâu không, nhưng đến bây giờ thì chắc chắn là anh đã chết thật rồi.

- Còn ba em đâu ?

- Nhà cửa ba em bị tịch thu hết. Ông bị bắt đi cải tạo với lý do từng thầu xây cất doanh trại cho Mỹ trong phi trường. Chỉ một năm là ông chết.

- Vậy bây giờ Vân ở với ai?

- Em ở với con gái em. Nó gần mười tuổi rồi. Khi gặp anh ở Sài Gòn là em vừa mang thai nó mà chưa biết . Mẹ con em được đền bù một căn nhà tôn nhỏ của thương phế binh hồi trước, nằm sau ga xe lửa.

Tôi nhét vào tay Vân tất cả số tiền mà tôi kiếm được hôm ấy, bảo nàng mua hộ tôi quà cho cháu gái.

Sau đó tôi gặp lại nàng chỉ thêm hai lần nữa, vì ông anh họ tôi đã phải bán rẻ cái xe hơi cho người khác, bởi không đủ tiền sửa chữa mà còn cứ bị chính quyền trưng dụng đi chờ lúa cho hợp tác xã, không trả một đồng nào. Cũng đúng

vào lúc này, tôi tính chuyện vượt biên.

Tôi kể chuyện Tiểu Thơ cho vợ tôi nghe. Bây giờ tôi thương cô như một người em gái. Vợ tôi tốt bụng, thương mẹ con cô cũng như hoàn cảnh của chính mình, sẵn sàng cùng tôi giúp mẹ con nàng đi cùng chuyến vượt biên, do chính tôi tổ chức.

Một tuần trước khi ra đi, tôi vào Nha Trang tìm đến nhà nàng. Căn nhà khóa kín cửa. Tôi chờ đến tối mà chẳng thấy mẹ con cô trở về. Tôi gõ cửa căn nhà bên cạnh. Chủ nhà lại là một anh thương phế binh, nhờ mất cả hai chân nên không bị đuổi khỏi nhà. Anh cho biết là mẹ con nàng đã dọn đi đâu cả mấy tuần rồi, không thấy về nhà.

Trời thương, chuyến vượt biên cũng đến được bến bờ, nhờ một chiếc tàu chở dầu của Vương Quốc Na Uy vớt trên biển, trước khi cơn bão ập đến. Với ân tình này, vợ chồng tôi chọn Na Uy là nơi để gởi gắm phần đời còn lại của mình và vun đắp tương lai cho mấy đứa con nhỏ dại.

Mùa hè năm 1989, vợ chồng tôi đưa hai cô con gái sang Mỹ học, nhân tiện ghé thăm và chia buồn gia đình ông anh họ, đi từ năm 78, định cư ở thành phố Sacramento, bắc Cali. Anh chị vừa có thằng con trai bị chết đuối khi theo cha đi câu ngoài biển.

Bao nhiêu năm gặp lại nhau, anh chị tiếp đón chúng tôi thật ân cần, nhưng không vui vì cái bàn thờ đứa con trai còn nghi ngút khói hương.

Sáng hôm sau, anh chị đưa tôi đến nghĩa trang thăm mộ cháu rồi chở chúng tôi đến một ngôi chùa Sư Nữ ở gần đó, để bàn việc làm lễ cầu siêu cho cháu. Anh cho biết anh chị rất thân quen với Sư Bà trụ trì, Bà rất quý anh chị không chỉ vì biết nhau từ lúc còn ở Nha Trang mà vì anh làm nghề thầu sửa chữa nhà cửa, nên cả ngôi chùa này phần lớn là do công sức của anh cúng dường.

Ngôi chùa không lớn lắm, khu chánh điện còn đang dang dở, nhưng vườn khá rộng và trồng nhiều loại hoa. Trong chùa tiếng tụng kinh, gõ mõ càng đượm không khí trang nghiêm. Chúng tôi được một cô Phật tử mời ngồi uống trà và xin chờ chừng nửa tiếng, vì Sư Bà đang cúng ngộ.

Khi ông anh bà chị đứng bật dậy, chúng tôi chợt nhìn thấy Sư Bà vừa bước ra. Tôi ngạc nhiên vì Sư Bà còn trẻ và trông rất phương phi, nhất là hai tai thật to và dài xuống như tai các tượng Phật tôi thường nhìn thấy trong các ngôi chùa. Điều làm chúng tôi thú vị là bà rất vui vẻ cười mồm. Bà bảo bà cũng là dân Nha Trang nên rất mừng khi tiếp được người đồng hương từ tận Bắc Âu đến viếng.

Sau một lúc hàn huyên, tôi biết được Sư Bà là người có trình độ học vấn cao. Bà có cử nhân

Văn Khoa và đang học năm cuối cao học văn chương tại đại học Vạn Hạnh thì miền Nam thất thủ.

Điều ngạc nhiên hơn là Sư Bà cho biết có khá nhiều ni cô gốc Nha Trang đang tu ở chùa này, trong đó có con gái của ông chủ tiệm ảnh nổi tiếng một thời ở đường Phan Bội Châu mà ngày xưa tôi cùng đám bạn bè thường đến để chụp ảnh, con gái một bà chủ tiệm vàng trước Grande Pharmacie, và một vài ni cô nữa. Bà còn bảo thật là tội nghiệp, có vài cô đã gặp bao nhiêu nghịch cảnh thương tâm trên biển Đông, chồng chết con chết, chỉ còn lại một mình. Ban đầu Bà đưa về chùa cư mang, rồi sau đó các cô xin được xuống tóc qui y luôn. Sư Bà mời chúng tôi ở lại dùng cơm chay cùng với Bà, nhân tiện bà giới thiệu với mấy ni cô gốc Nha Trang cho biết, bởi tôi cũng là một Phật tử thuần thành.

Tôi theo ông anh bà chị xuống bếp phụ dọn cơm. Nhưng ông anh ngăn lại:

- Chú là người lạ, không nên vào bếp. Hôm nay chú thím là khách của Sư Bà mà.

Ngồi dọc theo chiếc bàn dài, gồm các ni cô và một vài Phật tử, chỉ có chúng tôi là “dân sự”. Sư Bà giới thiệu chúng tôi là đồng hương, những Phật tử đến từ tận Bắc Âu. Tôi vừa đứng lên chấp hai tay trước ngực, bỗng bất ngờ bắt gặp đôi mắt thật to, tròn xoe của một ni cô ngồi ở phía cuối bàn. Ni cô cũng vừa nhìn tôi rồi cúi xuống. Đôi mắt đó với tôi có một cái gì thần giao cách cảm. Đúng. Trên thế gian này chỉ có Tiểu Thơ mới có đôi mắt ấy mà thôi.

Dùng cơm xong, là đến giờ nghỉ trưa của Sư Bà. Chúng tôi cảm ơn Sư Bà và xin được cúng dường một số hiện kim để trùng tu chánh điện.

Tôi từ giã Sư Bà, trong lúc mắt nhìn quanh như muốn tìm kiếm một điều gì. Nhưng tất cả chỉ có im lặng, ngoài tiếng chuông chùa ngân nga như chẳng bao giờ muốn tan đi trong không gian bao la vô tận.

Tôi bước ra khỏi cổng chùa. Chùa nằm trên một khu đất bằng phẳng, nhưng sao tôi có cảm giác như mình đang lững thững bước xuống chân đồi. Tôi hình dung đến Ngọc vừa chia tay “chú tiểu” Lan lần cuối cùng ở chùa Long Giác trong Hòn Bươm Mơ Tiên của nhà văn Khái Hưng, mà ngày xưa Tiểu Thơ đã bắt tôi phải kể đi kể lại bao nhiêu lần.

Phạm Tín An Ninh

(Viết lại nhân Ngày Hội -Ngộ trường Võ-Tánh & Nữ Trung Học Nha Trang ở Orlando, Florida 2007)

Thơ Nguyễn Tiến Thành



nhớ

Gió buồn mơn mái tóc dài buông xõa,
Hương trinh nguyên vương gót bước em qua,
Tương tư bướm trắng chết lặng bên nhà,
Yêu điệu quá và thơ ngây là thế!

Ta run rẩy trong lá vàng đăm đuối,
Sợ một mai đời sẽ quá vội xuân,
Sợ áo trắng vương gió bụi phong trần,
Sợ quý dữ buông hình trên thượng giới...

Trời không thương ta làm người lữ khách,
Mưa sa khơi về đâu nơi hư không...
Cho chơi vơi cho đổ bóng cô phòng,
Yêu đương chỉ ta là người lữ khách!

Cô em nhỏ vẫn đi về xóm vắng,
Nỗi nhớ nhung da diết tiếng tiêu ngân.
Áo thư sinh ta đã mặc một lần,
Khởi tình thơ đông đầy trang giấy trắng.

Nếu người đi chạnh lòng cơn gió lạnh,
Ngỡ vòng tay rớt nhẹ bóng đêm thâu.
Khăn ẩm ấy sẽ mãi chẳng bạc màu;
Hương tóc thơm thâm say đường khuya lạnh.

.....
Sài Gòn em có còn trong tường nhớ,
Dáng mưa bay thì thầm mái tranh xiêu...
Trong lá đỏ, sách vở những buổi chiều;
Trong em, ta soi mình bên nỗi nhớ.

một mình

Men rượu đắng và khói thuốc cay,
Tim châu nhỏ máu, ước là mây,
bay lên tận cõi trời cao thăm,
lạnh buốt cùng trắng, cơn đăm say...
Cô độc rã rời trong mộng tưởng,
sao rơi người đến giữa vòng tay...
Hãy đừng trôi nữa thời gian hời,
ta muốn là ta chỉ một ngày!

Món Quà Giáng Sinh

Đoàn Mai Tâm



Bữa cơm chiều đã nấu xong từ lâu, nhưng người đàn bà vẫn ngồi trong bếp nhìn ra trời tuyết. Càng lúc tuyết rơi càng nhiều như phủ lên mặt đất một lớp thảm trắng mịn màng.

Màu trắng tinh khôi của tuyết vô tình làm tăng sự bồn chồn trong lòng người đàn bà. Vì bà vừa đọc một mẩu tin trên báo ở sở sáng nay: Chỉ hơn một tuần lễ mà xảy ra tám vụ hiếp dâm quanh vùng bà đang ở. Và bà nhẩm tính giờ học cuối trước khi nghỉ lễ Giáng Sinh của đứa con gái chấm dứt lúc 2 giờ rưỡi chiều. Mà bây giờ...!

Bà rùng mình đứng dậy nhìn về hướng đối diện, nơi có con đường mòn ngoằn ngoèo dọc theo hàng cây dẫn đến trạm xe lửa. Qua ánh đèn đường, bà nhìn rõ từng lọn tuyết uốn cong các nhánh cây đổ vào lòng đường. Như đèn đáp cho sự kiên nhẫn của bà, một cái bóng nhỏ lơ lờ từ đằng xa di động. Và cái bóng ấy cứ làm tăng mãi hy vọng của bà thành sự thật.

Bà vòng ra, mở cửa đứng đợi. Nhìn con gái bước hẳn vào trong nhà bà mừng, nhưng không làm sao nén nổi cơn giận, bà la lên: "Con đi đâu

mà giờ này mới về?". Con gái thấy mẹ giận nên đáp: "Con lỡ xin làm...". Con giận làm cho giọng người đàn bà thêm cay đắng: "Con cần tiền lắm hả?... Mẹ đã để con thiếu thốn cái gì?".

Vào thứ bảy trước lễ Giáng sinh, cô gái thấp thòm chờ người đưa thư mang đến cho cô cái giấy báo nhận đồ ở bưu điện. Cái phiếu đã đến đúng như cô dự định, chỉ ngặt là, nó đến vào lúc cô đang chuẩn bị đến dự buổi tĩnh tâm dành cho giới trẻ. Cô muốn ra bưu điện nhận đồ trước, vì bưu điện sẽ đóng cửa lúc một giờ, và mãi cho đến sau Giáng Sinh mới mở cửa lại. Nhưng mẹ cô không muốn, vì bà sợ rằng cô sẽ bỏ mất phần quan trọng nhất trong buổi tĩnh tâm - phần nghe thuyết giảng - nên bà nói với con gái: "Đồ ở bưu điện nhận lúc nào cũng được, còn tĩnh tâm đâu phải lúc nào cũng có". Trong khi cô còn đang phân vân, thì mẹ cô đã hành động cho đề nghị của bà thêm thuyết phục, bằng cách chính bà lái xe đưa con gái đến buổi tĩnh tâm.

Không khí ngày đại lễ mừng Chúa Giáng Sinh tung bùng từ những biểu tượng được trang hoàng trên nóc các đền đài, dinh thự cho đến kiểu cách trưng bày trong các cửa tiệm trên đường phố. Và càng gần đến giờ cử hành thánh lễ nửa đêm, người ta càng nô nức đổ dồn về các nơi tôn nghiêm, các ngôi thánh đường. Gia đình cô có thói quen từ nhiều năm Mừng Giáng Sinh tại nhà thờ chính toà St. Olav, sau đó về nhà ăn uống; dĩ nhiên không thiếu mực mờ quà và đọc các thiệp chúc mừng từ người thân, bạn bè khắp nơi gởi đến. Cái giây phút hấp dẫn đầy ý nghĩa, cô đã dồn nhiều thì giờ và công sức vào món quà Giáng Sinh cho mẹ, nhưng giờ đây nó không có để mẹ mở ra ngay lúc nó cần phải mở. Niềm vui trên nét mặt cô như vơi đi, mẹ cô vội ôm cô và thì thầm vào tai cô: đây là món quà giá trị và ý nghĩa nhất.

Đêm Giáng Sinh qua, bưu điện mở lại như bao sinh hoạt khác, món quà Giáng Sinh cho mẹ được mang về. Món quà được chính tay mẹ mở ra. Đọc lá thư cô giáo gởi cho con gái kèm theo, bà biết được món quà do chính tay con gái làm sau giờ học cuối trước khi nghỉ lễ Giáng Sinh tại phòng thủ công của trường. Và vì phải để lại đợi sơn khô, nên cô giáo đã giúp gởi về địa chỉ qua đường bưu điện.

Món quà là bức hình mẹ đứng nhìn xuống con đường mòn về hướng trạm xe lửa mỗi khi cô về trễ, ở dưới ghi hàng chữ màu đỏ: "Tin, Cây, Mến, nhưng cao trọng hơn cả là Đức Mến". Tất cả được lồng trong một cái khung mạ vàng.

Rã Nhừ

có những cuộc tình
không là tất cả
vì chưa gì đã hồi hã chia tay
có những người tình
ra đi vội vã
như thu lay một cánh lá
bẽ bải

có những tháng ngày
đam mê chất ngất
và có ngày lay lắt mảnh tình nhau
có những buổi chiều
mưa rơi róc rách
và có khi tím ngắt một trời
đau

có những vần thơ
dệt mau viết vội
để cuộc đời thêm một mối tương tư
có những cuồng si
không gây lỗi tội
nhưng nghe đau khi tim óc
rã nhừ



Lang thang đi tìm hơi men ấm
Thuở nào (cái thuở ấy còn nhau?...)
Ừ nhỉ, đã rồi, xa xôi lắm
Xanh xao thơ uá cánh, phai màu...

Có phải người về trong tiềm thức
Tìm lại ngọt bùi những cung thơ
Hay chỉ giả vờ như rất lạ
Để che con nước ngả đôi bờ?...

Mà thôi dẫu người quen hay lạ
Thì vần thơ ấy vẫn nghe đau
Từ thuở đời chia đôi cánh hạ
Thu mưa giăng lối mảnh trăng sầu

Nếu là cố nhân xin trao gởi
Một làn hơi ấm cuối của thơ
Để nửa dòng đời chia hai lối
Vẫn còn chút mộng để uơm mơ...

Chợt Hiểu

Đêm đi lạc giữa dòng tuôn mưa lệ
Hỏi lệ trời hay lệ của ai rơi?...
(Ta khe khẽ nhặt niềm riêng đang dờ
Cất vào trong hơi thở để ngậm ngùi)...

Nỗi niềm ấy người đánh rơi một thuở
Để tương tư theo gió rũ quanh chiều
(Cũng như ta sao quá nhiều bờ ngỡ
Tuy biết rằng người ấy chẳng còn yêu)...

Ta trả lại cái thuở liều yêu vội
Nhưng người ơi chẳng ai với nhận dùm
Để cánh gió cứ lạnh lùng qua lối
Cuốn tuổi đời vào làn khói mênh mông

Đêm – bóng tối chập chùng vây quanh gối
Lên vào trong con lối mộng – kinh hoàng
Ta chợt hiểu từ khi người... không tới
Giác mộng đầu là mộng cuối – tan hoang...

Hà Nội, mùa nước cạn



Cổ Ngự

«Nhất định anh phải dẫn em đi Hội An đây!». Michico nói với tôi như vậy khi cẩn thận ghi lại trong sổ tay đoạn trích từ gia phả, định rõ vị trí ngôi nhà ông cố ngoại mở hiệu buôn gốm sứ, giữa thế kỷ mười bảy, mặt hướng ra sông Hoài, gần sát Chùa Cầu. Tôi đồng ý ngay, kèm theo điều kiện: Michico phải theo tôi thăm Hà Nội trước đã. Chúng tôi rời Sài Gòn hầm hập nóng bằng một chuyến bay đêm. Tôi vẫn thích chọn những chuyến bay như vậy. Bắt đầu bằng từng phi đạo thẳng đèn tam tấp. Rồi khi phi cơ rời mặt đất bốc lên, cánh nghiêng, hiện bày cả vạt rộng hàng triệu đốm sáng lung linh. Một bãi sao nhiều màu xúm xít, sinh động. Bay trên bầu trời Paris, tôi nhanh chóng định vị được tháp Eiffel, từ đó dễ dàng nhận ra dòng ánh sáng không lồ hai chiều vàng-đỏ chậm chậm trôi trên đại lộ Champs-Élysées, song song với sông Seine, vết cắt đen, chia đôi thủ đô nước Pháp thành hai bán cầu lóng lánh. Giờ đây, với Sài Gòn, tôi chịu thua, chỉ còn biết hài lòng dán mắt vào ô kính nhỏ, nhìn thành phố khoác áo dạ hội bước vào đêm, uốn lượn theo góc khúc xạ từng đợt khí nóng gỏi đầu nhau cuộn cuộn bốc lên. «Thành phố nhìn từ trên cao, bao la như cả cuộc đời...», tôi lầm thầm hát theo một tứ nhạc vừa thoáng qua đầu, không nhớ đã nghe được ở đâu, lúc nào, chợt loáng cái, ào đến cùng những cảm xúc xốn xang. Ngày xưa, có lần tôi cũng từng nhìn Sài Gòn ở độ cao như thế này, và đã buột mồm nói lời vĩnh biệt. Thành phố hôm ấy chìm dần dưới từng lớp, từng lớp mây trắng đùn cuộn. Mây khép lại quá khứ, và khi tôi lia ngang tầm nhìn, chỉ còn thấy một màu da trời xanh buốt mắt.

Michico đánh thức tôi dậy bằng những mơn trớn đầu ngày. Chúng tôi nhập cuộc chơi khi đầu óc chưa hoàn toàn tỉnh táo. Cương dưng trong miệng Michico, tôi mân mê bầu nắn từng mẩu thịt da vuốt mịn từ vai xuôi suốt cả khoảng lưng. Xuống. Lên. Nhịp nhàng. Thông thả. Khi cảm thấy môi lưỡi đã làm tròn phần việc, Michico dướn người, dồn hết trọng lực, ngồi thẳng xuống tôi. Xoải ngang hai chân, người con gái có làn da phớt hồng màu hoa anh đào bầu hai tay xuống ngực tôi làm điểm tựa, đẩy dọc tiến lui. Khuôn mặt thanh tú với mái tóc búp-bê xuôi thẳng chắn che thoát gần thoát xa, như ảo ảnh ẩn hiện sau làn hơi nước mờ đục. Chỉ chốc lát, Michico đã chuyển ngay sang động tác lắc người xoay hông tròn quanh trục. Đôi vú nhỏ tăng nảy. Môi trơn nước bọt hé mở. Mắt khép hờ, cung mày nhíu, mi rung từng chớp, chớp chơi. Tôi xiết chặt tay quanh eo Michico, tiếp sức cho cơn bão lốc. Thân thể chúng tôi bây giờ thẳng góc với nhau, đồng thời quấn cuộn vào nhau. Tôi nghển cổ, nhìn khoanh rón Michico vẽ vòng trước mắt. Vòng quay càng lúc càng nhanh, càng lúc càng xoắn lấy trục chặt hơn. Hơi thở gấp gáp, đôi lúc tức tưởi hực lên đứt quãng. Và khi đường xoáy tròn ốc thất gút lại ở tâm điểm, khi tôi nẩy lên bung vọt, cũng đúng lúc Michico cong ngược người ầm đô xuống, co giật, mười đầu ngón tay lún cứng vào mặt nệm. Chết sững.

Chúng tôi nằm im hồi lâu. Lúc những vuốt ve đều đặn dọc theo sống lưng xóa sạch chút xung động cuối cùng, lúc những giọt mồ hôi ứa rịn

trên cơ thể bay bốc hết theo từng đợt hơi lạnh đều đặn tỏa ra từ máy điều hòa không khí, Michico chồm dậy, cười với tôi bằng đôi mắt hạnh nhân nồng nàn và ân cần cúi xuống tặng nụ hôn đầu tiên. Đằm thắm vị hoa trà hàm tiếu. Ngày thứ nhất ở Hà Nội của chúng tôi bắt đầu như thế.

Tôi ngồi nhìn Michico nghiêng người trước gương, xoè tay vuốt xuôi chiếc robe thun đen bó sát. Cũng cái dáng nhỏ nhắn ấy đã kiên nhẫn suốt một tuần ở Bàu Trúc để học cho bằng được cách đi xoay vòng ngược chiều kim đồng hồ của phụ nữ Chăm trong việc nắn lọ gốm. Cũng mười ngón thon trắng kia đã dẹt trợn cả thước vải thổ cẩm với những hoa văn, sắc màu của người K'ho Lạch ven chân núi Langbian. Theo học ngành mỹ thuật công nghiệp ở Paris, đạt điểm cao với một số mẫu mã đặc thù và bắt mắt, có tham vọng lấn cả sang việc trang trí nội thất và thiết kế thời trang, ấy thế mà tôi không hiểu nổi óc thẩm mỹ của Michico để đâu khi chọn quần áo. Vú nhỏ, mông mỏng, đôi chân hơi cong, khi bước đi, đầu gối lúc nào cũng như muốn gập lại, khuyu đổ người về phía trước, vậy mà Michico chỉ thích mặc nhất loại vải thun đen khít sát vào da, mặc không nịt ngực. «Con giun đất», tôi vẫn gọi đùa như vậy. Lạ lùng đến thế thì thôi! Lạ lùng như chính con người Michico. Hay vì, tôi sinh ra trên đại lục, trong khi Michico chào đời bên một triền đá chênh vênh của đảo nhỏ, âm ào sóng đại dương? Hoặc đơn giản hơn, do Michico là đàn bà Nhật, còn tôi, đàn ông Việt?

Franck đón chúng tôi ở cổng Văn Miếu. Michico thích thú khi Franck trịnh trọng cúi chào đúng cách: «Michico-san» kèm theo một tràng tiếng Nhật hoa mỹ. Michico tròn thêm mắt nhìn Franck và tôi thùm thụp đập vào vai nhau, trùng giỡn bằng tiếng Việt. Hơn ba năm giữ chức trợ lý văn hóa của đại sứ Pháp tại Việt Nam, Franck có đủ thời gian, năng khiếu, đủ kiên nhẫn và đam mê để phát âm đúng giọng Hà Nội, Huế và Sài Gòn. Hắn dư sức dẫn một thằng sắp mất gốc như tôi lặn lội hang cùng ngõ hẻm, lòng cho ra một món ăn ngon hay uống cho được một chút rượu lạ. Franck thích vỗ ngực tự nhận mình là người Tây, như ai đó thường phân biệt kẻ Bắc, Trung, Nam, hay túm tụm đồng hương, cùng xứ. Và như để chứng minh điều này, Franck rành rẽ giới thiệu với chúng tôi từng bức tượng Khổng Tử, vua Lý vua Lê, danh sách các tiến sĩ, những huyền thoại quanh dãy rùa đá đội bia, cái trống, chiếc chuông. Nhưng chẳng hiểu sao, khi đứng chụp chung một tấm hình kỷ niệm, tôi lại chú ý đến những cánh hoa

súng úa vàng và vài xác cá phình bụng nổi lều bều trên bề nước cạn giữa Khuê Văn Các và Đại Thành Môn. Nắng trưa xuyên qua những tầng xoài nhọn lá, rơi lách cách xuống nền gạch đỏ bóng. Michico sờ được từng hạt nước li ti trên đầu rùa đá hăm hấp sốt, trong khi Franck bắn khoăn chỉ cho tôi xem những vết nứt còn tươi hiện ra đây đó trên dãy cột nâu bóng, tằm tấp thẳng hàng đã nhiều thế kỷ. Tôi nhìn lên, thấy mặt trời, qua khói trầm hương, qua ngói, qua lá, qua mây mảnh sợi, hình như xanh màu ngọc lưu ly, rung rúc.

Ăn bún măng ngan ở ngõ Cẩm Chi xong, chia tay Franck, đang định rủ Michico đi tìm căn nhà số 14 phố Hàng Cân, nơi bà nội tôi đã ngồi suốt cả thời con gái trông cửa tiệm bán thuốc bắc cho ông cố, nhưng cảm thấy nhựa đường như muốn nhào ra dưới chân, tôi quyết định quay về khách sạn trốn nóng. Ngang qua phố Hàng Bông, đang bước, bỗng Michico nhào vào biú chặt lấy tôi, miệng lưỡi liú riu, tay cuống cuống quờ chi. Cạnh miệng cống lộ thiên, một bầy chuột hơn chục con tróc trià, mắt đỏ sọc, đang cắn xé, chí chít giành giật nhau chút nước trong vũng đọng. Tôi kéo sệt Michico sang lề đường bên kia, bước vội. Run từng chập trong vòng tay tôi, như đang giữa cơn động tình, Michico, mắt nhắm nghiền, để mặc tôi dìu đi, người diu nhũ. Về đến khách sạn, con giun đất lao ngay vào phòng tắm, tuột áo, xả nước, như cố chà rửa cho trôi sạch đi cái hình ảnh quái gở vừa nhìn thấy. Tôi vói tay bấm máy lạnh và truyền hình. Tin khí tượng cho biết, thêm một đợt khí nóng vừa tràn về khu vực đồng bằng Bắc bộ, rừng Trường Sơn liên tục cháy lớn, các tỉnh miền đông và tây Nam bộ hạn hán nặng, nhiệt độ thấp nhất từ 18 đến 25 độ, nhiệt độ cao nhất từ 35 đến 42 độ. Nước mặn ngày càng lấn sâu vào, khi mực nước sông Cửu Long và Đồng Nai xuống thấp dưới mức báo động. Các hồ Trị An, Đa Nhim, Suối Vàng, Dầu Tiếng, Yaly, Thác Mơ đồng loạt cạn kiệt. Bắt đầu từ tuần sau, Sài Gòn bị cắt điện định kỳ theo từng khu vực. Tắt vệt TV. Michico mở cửa phòng tắm, người mướt ướt. Tôi nhào đến, tìm đôi môi ẩm mọng, như vục vội mặt vào chút nước ngọt hiếm quý lòng ốc đảo, giữa hoang mạc cát khô.

Điện thoại di động rung bật. Giọng Franck hối thúc, ra ngay đền Ngọc Sơn, hồ Gươm, ra ngay, biết đường đi không, nhớ xách theo máy ảnh. Tôi xoay nhìn, Michico ngủ cong người thai nhi. Chụp vội tấm bản đồ. Hàng Nón-Hàng Quạt-Lương Văn Can. Bờ hồ đen ngịt người. Vừa băng qua đường, Franck vội lao ra, ngăn: - Hiên, trễ quá rồi, không chụp được gì nữa đâu,

đông lắm!

- Mà, có chuyện gì vậy?

Franck chưa kịp trả lời, một tiếng đục nổ bục mặt nước, cầu Thê Húc cong oằn, xoắn ngang, gãy đôi, đổ ỏi. Đầu người đen đặc, nhấp nhô. Phía giữa hồ, rùa đùn nhau lớp lớp tràn lên đảo, vùn vụt leo, bám kín chóp tháp. Nước ùng ục sủi bọt, cạn dần từng phút. Tôi bấm vội vài *pose* hình. Người ngoi nước. Rùa đeo tháp. Toàn cảnh hồ Gươm, trơ kè, tróc đất. Franck gọi giật:

- Đi, Hiến! Nóng quá, hết chịu nổi rồi!

Tôi theo Franck bước vào quán Rendez-vous, nằm xiên theo phố Hàng Trống. Hơi máy lạnh quá thẳng vào mặt. Quán vắng hoe. Chắc khách hiếu kỳ đã đổ hết về bờ hồ. Cả những người phục vụ cũng nhóng mặt ra đường, xì xào chỉ trò. Vừa ngồi yên chỗ, chưa kịp gọi nước, một thanh niên từ bàn bên đứng bật lên, bước đến thân mật đặt tay lên vai Franck, ngó tôi, mắt ánh lên vẻ thách thức. Tôi nhìn Franck. Hắn nheo mắt, nhếch mép, nghiêng đầu, vỗ vỗ tay mình lên mu bàn tay trắng trẻo vẫn nắm chắc lấy vai, nói như reo:

- Phúc, hôm nay em ngồi *café* sớm thế! Đây là Hiến, bạn anh, mới từ Sài Gòn ra, với cô bồ người Nhật. Tên gì nhỉ? À... ờ... Michico. Đúng không ông?

Tia nhìn dụi hẩn đi. Phúc đưa tay cho tôi bắt. Bàn tay dày, mướt và ấm. «Chào anh!» Phúc vừa nói vừa kéo ghế sang bàn chúng tôi. «Thế, chị Michico đâu?»

- Ở khách sạn. Chúng tôi đang ngủ trưa, Franck *phone*, gọi tôi ra bờ hồ gấp đề... Ừ, mà đề làm gì vậy Franck? Để xem người chèn nhau trên cầu Thê Húc hay xem rùa đê nhau ngoài tháp? Có chuyện gì thế?

- Tôi đang lặc lè bước, tự nhiên trước mặt, thiên hạ nhón nháo dạt cả ra một bên. Chạy đến gần, thấy một con rùa to bằng chiếc giường đôi đang thoăn thoắt bò vào đền Ngọc Sơn, nước dãi và vết chân nguên ngoào ướt đầm cả cầu Thê Húc. Mọi người còn đang rúm ró sợ, tôi nhào theo, nhìn con quái vật kiểng vai hất văng bộ cốt rùa to tướng trong đền, rồi đột ngột búng người ngã ngửa, bốn chân chỉ quơ quào vài cái xong duỗi cứng. Tôi lao ra gọi ông, đúng lúc đám đông giật mình tỉnh giấc, tràn vào. May mà kịp thoát! Và cầu gãy, nước rút. Người. Rùa. Tôi cũng chẳng hiểu chuyện gì đang xảy ra nữa. Điềm gì vậy Hiến, vậy Phúc?

Tiếng còi xe cứu thương vẫn lọt được vào sau lớp kính dày. Phúc và tôi nhìn nhau. Hai thằng Việt không biết trả lời thế nào với thằng Tây. Ngoài tầm hiểu biết. Riêng tôi, đột nhiên khát, khát dữ dội, như cổ họng đang bị những ngón tay nhọn móng vô hình cào dọc, tưa toí từng sợi. Gọi ngay một ly cà-phê đá, tôi hỏi:

- Phúc người Hà Nội hả? Những chuyện quái đản như thế này có bao giờ xảy ra không?

- Không... từ bé đến giờ... Em chỉ nghe bố kể, có năm cóc nhái từ đâu về ngồi chật cả những cánh đồng năm tấn ở Thái Bình. Hình như năm 1975 thì phải...

1975. Nhớ năm ấy, Sài Gòn có một mùa đông khác thường. Trời căm lạnh và sương mù đặc quện, để lại trên da những tinh thể rin rít, lóng lánh. Khi mặt trời chìm, dơi từng đàn từ chùng viện thánh Giu-se, từ tu viện Saint Paul, từ trường Lasan Taberd đổ về, dơi từ tháp chuông nhà thờ Đức Bà lao xuống, lượn quàng quàng trên đầu tượng Mẹ Maria bế Chúa Hải Đồng, nghiêng răng ken két một hồi rồi mới chia nhau tỏa ra mọi hướng, lẫn vào sương. Không còn xe trường đưa đón học sinh, thằng bé con xách cặp đứng chờ vợ trước nhà sách Liên Châu, đợi cho dơi tản hết, đợi cho mặt đồng hồ to của Bưu điện đập kim vào nhau rồi mới leo lên chiếc xe lam vừa trở tới, ngồi nhập vào những mặt người nhìn thẳng, lắc lư cùng một nhịp, tanh lạnh âm bình. Hết huyền ảo. Thành phố im lìm chết từng đêm. Nó đã đem theo hình ảnh một Sài Gòn u ám như thế, lảng nhảng mộng mị suốt hai mươi mấy năm trời, cho đến tận ngày trở lại...

«Anh Hiến là Việt kiều Pháp à?» Phúc hỏi, ngón tay chạy quanh miệng ly sữa dâu màu hồng nhạt.

- Tôi... à, chắc Phúc nhỏ tuổi hơn, đôi cách xưng hô nhé? Anh học chung tú tài với cái anh chàng Franck này này, lên đến đại học, cũng cùng trường, nhưng khác khoa. Hồi đó, tụi anh liên lạc với nhau thường xuyên, vì Franck mê Á châu, mê người da vàng, à, mà... không có mê anh đâu đấy nhé!

Đang ngửa cổ tu Heineken, Franck suýt sặc, đỏ mặt đập vào đầu tôi một cái rõ đau.

- Sao ông biết? Hiến không mê Franck thì có! Chẳng hiểu Phúc có quen với lối đùa bỡn này không. Tôi và Franck thì hiểu nhau quá rõ. Tôi nhìn Phúc ngậm ống hút, chậm rãi mút vào miệng chất nước hồng, khuôn mặt xương xương, môi đỏ, da trắng và mắt đen láy. Một tay, Phúc hờ hững cầm ly dâu, còn tay trái của Phúc và tay phải của Franck có lẽ đang quẩn lấy nhau dưới mặt bàn. Tự nhiên nhớ Michico. Hôm ấy, chúng tôi làm quen với nhau trong cuộc triển lãm ảnh về Hội An ở trụ sở Unesco. Trưa mùa thu. Trời vừa đủ lạnh để chỉ cần khoác chiếc áo len mỏng hay quấn một tấm *foulard* vải quanh cổ là đã có thể yên tâm lang thang hàng giờ trên vỉa hè vàng lá. Tôi mời Michico tách trà đào cuộn khói. *Chocolat* nóng phần mình. Quán *café* góc phố nhìn ra Điện Phê Bình, chênh chếch khu vườn tượng của bảo tàng Rodin. Michico kể cho tôi nghe giấc mơ kỳ lạ

về những con chó đá, khi đá thu mình bụi bặm trong xó tối, chọt vùng dậy, vút toẹt chiếc khăn đỏ trùm đầu và đuôi cô chạy băng băng qua nhiều con phố cổ ngoằn ngoèo, vắng ngắt, nhưng lại giăng giăng đèn lồng rực rỡ. Giấc mơ đến đúng vào những đêm rằm tháng tám mỗi năm. Đôi găng đen lòi mười ngón thon trắng run rẩy xoay vòng tách sứ nhìn nữ tính chi lạ. Tôi im lặng mân mê trong tay rồi cúi xuống đặt môi. Chúng tôi hôn nhau dưới bầu trời trong vắt, không gợn mây. Hương trà đào và vị *chocolat* đắng quyến tròn, bện thắt chúng tôi lại với nhau, từ đây. Vậy mà đã gần bảy năm.

Michico gọi điện thoại, hỏi anh ở đâu đây, sao bỏ em một mình trong khách sạn thể này, và muốn *shopping*. Tôi lại đang có những ý khác trong đầu. Thử nhớ và xem.

- Franck và Phúc có rảnh không? Làm tài xế cho tụi này được không? Michico thích đi xem quần áo, còn Hiền định tiếp tục thăm Hà Nội.

Nhìn nhau. Franck hỏi:

- Michico biết nói tiếng Việt không?

- Không, chỉ biết vài chữ thôi. Tiếng Anh cũng chẳng khá.

- Thôi, nếu vậy, Phúc đưa Hiền đi lượn đi. Tôi sẽ thâu Michico. Chắc đưa cô ấy đi Trảng Tiền Plaza, tiện thể mời ăn kem. Hay là ra Vincom, tháp đôi...

Hẹn nhau bảy giờ ở phố Chả Cá. Franck muốn đãi chúng tôi ăn đĩa bánh cuốn Tuyết Nhung, với chén nước mắm có dầm sẵn một nửa con cá cuống khô. Sau đó, sang Lã Vọng. Trước khi chia tay, Franck dặn với:

- Phúc ngoan nhé! Chờ anh Hiền, phải cẩn thận, đừng phóng nhanh vượt ẩu đấy!

Như để trả lời, chiếc Attila đỏ bầm màu rượu của Phúc vọt như ngựa bất kham ra đường Lý Thái Tổ. Nước hồ Gươm đã cạn hẳn, phơi tro rác rưởi, xác cá trương oằn, xác rùa sập ngửa. Mùn bùn đen quánh. Tanh. Vài cây liễu đứng phùng phùng cháy. Người đâu vắng. Đầu tôi ong ong nhức. Năng độ hào quang. Hơi lạnh mùa thu Paris đã bị nhốt kín lại trong quán Rendez-vous. Tôi bay vào giữa hai luồng nóng phụt ngược chiều. Áo Phúc phàn phật được một lúc rồi bết dính vào tấm lưng bè. Mùi mồ hôi gây gây, nồn nao. Xe ngoặt vào đường Hoàng Diệu. Trời tối sập lại sau hai tầng cây đan khít. Tôi đập vai, bảo Phúc dừng lại rồi nhào xuống ngồi bệt bên vệ đường. Oẹ khan. Phúc dựng đứng xe, không kịp tắt máy, chạy vòng ra ôm lấy vai tôi.

- Có sao không anh Hiền?

- Không... không sao! Phúc để anh thờ một chút. Chắc do nhiệt độ thay đổi đột ngột quá, anh chưa quen, bị ngợp!

Phúc ngồi xuống bên cạnh, nhìn tôi, vẻ lo lắng lộ ra trong mắt. Tôi cố gắng hít thật sâu, phình bụng giữ hơi, thở ra chậm chậm. Con buồn nôn biến dần.

- Mặt anh bớt xanh rồi đây! Anh làm em sợ quá!

- Một chút thôi mà Phúc, không sao đâu!

Gió lướt qua, phát phơ vài sợi tóc trước trán. Năng loang tròn, đậm nhạt từng đốm. Đã đều nhịp thờ, tôi nhìn xuôi theo con đường vắng. Hai hàng cổ thụ gợi nhắc những Gia Long, Nguyễn Bình Khiêm, Phùng Khắc Khoan, Huyền Trân Công Chúa của Sài Gòn. Đặc biệt giống đoạn đường trước Dòng kín nữ tu Cát-minh hướng về công xưởng Ba Son. Nhưng khoảng thành cũ sau lưng tôi, nơi Hoàng Diệu thất cô tự từ khi Hà Nội thất thủ thì quả thật, chỉ thủ đô mới có.

- Anh đỡ mệt chưa?

Tôi gật: «Mình đi, Phúc!»

- À, ngay cạnh đây có đôi rồng đá đời Trần, anh có muốn chụp ảnh không? Khách du lịch mê lắm đấy!

- Để khi khác vậy. Lúc này, anh có bàn với Phúc rồi đó. Em cho anh đi... Phúc lấy dùm anh tấm bản đồ. *Merci* Phúc.

Phúc đứng dậy, tắt máy, giờ yên xe, lục tìm.

- Xem nào. Đây nhé. Mình đang ở trên đường Hoàng Diệu. Đi thẳng, quẹo Trần Vũ, quẹo Thanh Niên, chạy dọc theo Nghi Tàm. Phúc bảo ở Nhật Tân, có đường ra bãi sông Hồng, đúng không?

Như giữ ý, Phúc lái xe chậm hơn lúc này. Tôi nhìn thấy một khoảng trũng nông choèn choèn, lấp sấp nước. Trẻ con, và cả người lớn lúp xúp đuôi theo chộp bắt những con cá xanh thép vây đỏ, lớn bằng bàn tay đang quẫy lộn giữa bùn.

- Hồ Trúc Bạch đấy anh ạ! Nước đi đâu hết cả rồi!

Tôi nhớ ngay đến tấm ảnh đen trắng rià rià cửa đã ngả màu dưa cải mà thỉnh thoảng mẹ vẫn lấy ra ngắm nghía và cho chúng tôi xem. Hai cô bé tóc dài, kẹp lưng, lơ tay chèo trên chiếc xuống con lênh đênh mặt hồ. Di Hạnh Châu chết trẻ, mẹ già hơn tuổi, còn những con tép bạc bầu người vào bờ đất chỉ chờ vớt vục biến mất theo nước hồ Trúc Bạch. Tôi chỉ còn kịp thấy, thoáng qua như ảo ảnh theo tốc độ xe lao, khung xương cong một xác xuống con úp sấp, tro thớt.

- Bên tay trái là chùa Trấn Quốc. Hồ Tây bình thường to vật vờ, vậy mà bây giờ trông giống như cái ao làng!

Phúc vừa nói vừa tiếp tục lái xe lướt qua đường Thanh Niên. Tôi nhìn thấy bảng hiệu «Bánh tôm hồ Tây», thấy ngọn tháp đỏ lửa nghiêm trang chọc thẳng lên bầu trời rực nắng, thấy hồ Tây hấp hối. Tôi nhớ trong một lần vui chuyện,

bố kể về thành tích lẫy lừng thời sinh viên, bơi một mạch từ Thụy Khuê ra đến tận Phú Tây Hồ, tôi nhớ đến ánh mắt mơ màng của bố khi nhắc về những buổi chiều thả dáo bước, nhìn mặt hồ tắt nắng. Người yêu cũ của bố ở lại Hà Nội, và chết vì bệnh ung thư cách đây vài năm. Vì sao tin tức đến được tận nơi bố đang sống, tôi cũng chẳng rõ, chỉ biết, lúc ấy, bố đột ngột quyết định hủy bỏ chuyến về thăm Việt Nam đã được chuẩn bị chu đáo từ nhiều tháng trước và liền trong mấy tuần lễ, cứ ôm lấy cây hạ uy cầm, chơi đi chơi lại bài «Thu quyến rũ» của Đoàn Chuẩn. Tôi không hiểu mình đã thừa hưởng được gì từ sự lãng mạn sống-vỗ-mạn-thuyền của mẹ, của bố, chỉ thấy trước mắt, nước hồ Tây rùng rùng bốc hơi nghi ngút và Hà Nội đang nhào nhoét ra vì nóng, phố xá chảy mềm giữa lò lửa luyện ngục.

- Anh có biết tin mấy hôm nay người ta tìm được vô khối xương người dưới lòng hồ không? Có trường hợp thân nhân nhận dạng ra được người mất tích từ cả chục năm rồi nữa đấy. Kinh chưa?

Nước vẫn luôn che dấu nhiều bí ẩn. Lòng ao hồ, sông suối, biển khơi. Từ viên ngọc ước đến những lâu đài thành quách. Từ nắm xương tàn kẻ chết oan đến cả kho báu của bậc đế vương, tất cả cùng rủ nhau chìm vào quên lãng. Nước phẳng mặt phủ lên, yên tĩnh, không chút xao động, xoá nhoà mọi thảm kịch, thảm lặng tẩy rửa, khuấy vùi, chôn, lấp. Tôi bỗng thêm được lao ngay vào nước, đắm mình, phình trương lên, nỗi khát khao của kẻ đang teo tóp quắt queo trên chiếc yên xe rộp bong, hay của kẻ phút chốc bỗng ngộ ra rằng định mệnh của mình rồi sẽ gắn chặt vào mặt nước lặng lẽ kia. Tôi muốn nhảy ngay xuống, đầu cắm vào bùn cũng được, để sẽ có chuyện mà kể lại cho bố mẹ nghe, về một Hà Nội giữa mùa nước cạn, với bao nhiêu lời lới đang dần dần phơi lộ.

- Mình tìm quán, uống tí gì đi Phúc.

- Gắng thêm một tí nữa được không anh? Sắp đến Nhật Tân rồi. À, anh Hiến có biết ăn thịt chó không nhỉ? Vùng Nhật Tân nổi tiếng hai thứ, hoa đào thì mùa này không có rồi, còn thịt chó cuối tháng... Hơi bị ngon đấy!

- Anh chưa ăn bao giờ, cũng muốn thử một lần cho biết. Nhưng, Phúc đừng có nói lại với Michico đó, cô ấy giết anh ngay! Ở Paris, cô ấy cưng con *pékinois* còn hơn cả anh nữa. Đi chơi mà cứ than vãn thờ dài vì nhớ chó!

Phúc dừng xe. Chúng tôi bước vào quán. Vắng người. Ít ánh sáng. Tiếng máy lạnh rì rầm và giọng kèn *saxo* kéo hơi theo một điệu dài bi thiết. Phúc chọn bàn góc khuất, mắt long lanh nhìn tôi.

- Anh mà xơi thịt chó thì chị Michico đánh hơi ra ngay đấy! Nhưng em có cách để khử mùi...

Uống một mạch gần cạn chai nước suối, tôi thờ hắt như vừa tợp được ngụm rượu ngon.

- Phúc định rủ thật à? Mình hẹn nhau với Franck bây giờ ở phố Chả Cá đấy!

- Ừ nhỉ, em quên khuấy đi mất... Anh chắc là thân với anh Franck lắm, cứ nhìn cách hai người đùa với nhau thì rõ...

- Không thân lắm đâu, Phúc. Lúc sau này, có khi cả năm cũng chẳng buồn gửi cho nhau một cái *e-mail*. Chỉ vì tụi anh vẫn giữ thói quen từ thời còn là sinh viên, nên cứ ha ha hô hô thế thôi. Có thể Phúc thấy lạ...

Bàn tay Phúc phớt nhẹ lên tay tôi. Điện giật từng luồng. Cố ra vẻ thản nhiên, tôi thử xem Phúc muốn gì.

- Em... em yêu anh Franck lắm!

- Buồn cười nhỉ! Sao Phúc lại nói với anh điều đó?

- Vì... vì...

Bỏ lửng câu trả lời, Phúc rút tay về, buông thõng, đầu hơi cúi.

- Không có gì cả. Thôi, đi, anh!

Tôi nghĩ mình đã lỡ lời, nhưng khi thấy vẻ uể oải lúc Phúc mở gọng kính râm đeo lên mắt, tôi biết không phải vậy. Có chuyện chi đó quan trọng hơn.

- Sao cú rũ vậy? Phúc có điều gì không bằng lòng à?

- Không... không... Mà thực ra, anh cũng chẳng giúp gì được... Em ngớ ngẩn... Mình đi, anh Hiến, kéo lại trễ hẹn!

Chạy thêm một quãng ngắn, Phúc cho xe quẹo phải, vượt qua khu chợ nhỏ và khoảng nhà cửa lô xô, đổ vào con đường gồ ghề đá. Thoáng cái, cảnh quang hẳn, sông Hồng lặng lẽ ngay trước mặt, khó nhọc xuôi theo đường rãnh trũng, lượn quanh cồn bãi. Có chiếc tàu chở cát mắc cạn, phơi nghiêng. Những vật bấp còi lất lay ven bờ, lá nám nắng. Một con bò bấu lang thang đi về hướng chúng tôi, mắt lạc thần mờ to. Vài bóng người, quần xắn quá đầu gối, vội vã băng ngang sông. Trong trí tưởng tượng của tôi, con-sông-Hồng-tiêu-thuyết-hóa lúc nào cũng phải sôi sục đỏ sọng, cuộn cuộn xoáy vỡ đê, cuốn trôi nhà, chìm chết người và gia súc. Dòng nước rì rả trước mặt, có hơn gì cái gọi là thác Cam Ly? Đất nẻ chân chim, hút kiệt hết nước của Hà Nội mất rồi!

- Đã ra đến tận đây, nhất định anh Hiến phải xuống nhúng chân vào nước sông Hồng một cái cho biết mùi đấy!

Phúc vừa nói vừa đẩy tôi xuống bãi. Lòng sông trơn nhợt. Nước nhờ nhờ đục, nóng như cũng sắp sửa bốc hơi. Đôi *sandale* tôi mang xin ngay lại như miếng thịt bò nhúng dấm khi vừa rời

mặt nước. Không chút ấn tượng. Chỉ tiếng tiếc. Cho màu đỏ huyền thoại đã mất.

Điện thoại của Phúc và tôi gần như réo vang cùng lúc. Phúc nhìn tôi: «Franck!». Giọng Michico hốt hoảng ở đầu máy bên kia:

-Hiển, em sợ quá! Đang ngồi uống *café* Highlands ở Vincom với Franck, chim sẽ từ đâu hàng đoàn lao vút vào cửa kính chết vỡ đầu. Còn đầy vết máu... Em nhớ mẹ kể, hồi núi lửa đảo Oshima sắp sửa hoạt động, chim cả bầy cứ hốt hoảng đâm vào nhà cửa mà chết, lông cánh rơi tả trên sân. Phải làm gì bây giờ, Hiển? Hà... anh đợi máy... Ah, Franck muốn nói chuyện với anh. Anh đang ở đâu đấy, về ngay đi, về với em!

- Allo, Franck đây. Michico kể rồi phải không? Chắc có chuyện gì thật đấy ông ạ. Hồi đầu tháng, tôi đi Huế, thấy xác bướm phủ đầy lăng Tự Đức, còn ve sầu hàng ngàn con trong Thành Nội hôm ấy đồng loạt rơi ngập đoạn đường hướng ra Thế Miếu, cánh cong vênh. Hai con voi cũng bị xiềng lại, vì nghe đâu trước đó vài ngày, đã nổi khủng quật chết tay nài và ba người Đức rồi cuốn voi nhỏ bật rẽ cả hàng sứ cổ thụ, khiến du khách bị một phen khiếp vía. Cho tới hôm nay, tôi vẫn chỉ nghĩ đơn giản là trời nóng quá, côn trùng, thú vật chịu không được, lẫn ra chết hoặc phát rồ. Nhưng vừa rồi thấy rùa, bây giờ lại là chim... Chắc phải chạy vào Sài Gòn, hay téch sang Thái Lan quá. Tôi run ròi, ông ơi!

- Hẹn nhau ở đâu?

- Vừa nhắn Phúc xong. Phòng vé Vietnam Airlines, góc Tràng Thi-Quang Trung. Đến liền nhé. Michico muốn về Paris ngay ngày hôm nay...

- Vậy thì giữ luôn cho Hiển một chỗ nữa. Cám ơn Franck. Tụi này tới liền.

Người đen nghịt trước Nhà Hát Lớn, một mô phỏng Opéra de Garnier. Hàng nghìn tượng, đứng đờ, tay thông, mắt tròn tròn, miệng há hốc. Chỉ vang vang tiếng loa. Cả bốn cửa đập tỉnh Vân Nam vừa tháo tràn nước tới hôm qua. Dòng chảy của cuồng lưu đã vượt Miến Điện, Thái Lan, đang ồ ạt tuôn vào địa phận vương quốc Lào. Hình ảnh được vệ tinh ghi nhận rõ. Theo dự báo, chậm nhất chiều ngày mai, toàn bộ khu vực Biển Hồ và vùng đồng bằng sông Cửu Long sẽ ngập dưới hai thước nước. Chính phủ đã khẩn cấp điều động quân đội để thực hiện một cuộc di tản trong vòng trật tự, cố gắng đưa tất cả dân chúng lên những vùng cao để tránh lụt. Tin thêm cho biết, sáng sớm ngày hôm nay, ở ngoài khơi vịnh Bắc bộ, tàu hải quân Trung Quốc đã khiêu khích và bắn chìm hai tàu hải quân Việt Nam. Để trả đũa, các chiến sĩ

canh giữ vùng biển của ta đã gây thiệt hại nặng cho một chiến hạm và hai tàu hộ tống Trung Quốc. Chính phủ nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa lập tức tuyên chiến và huyênh hoang sẽ lại dạy cho Việt Nam một bài học mới. Đề nghị toàn dân, toàn quân bình tĩnh, sáng suốt, đoàn kết thành một khối để sẵn sàng chống giặc ngoại xâm. Mọi sự hoảng loạn, xáo trộn, gây rối sẽ chỉ tiếp tay gây lợi cho kẻ thù mà thôi... Những tượng người vẫn không nhúc nhích. Trông mắt đảo đều cơn lên đồng tập thể. Hàng loạt ngón tay co giật, máy động liên hồi như lũ còng cua động kinh. Tiếng da khô rào rào cọ vào nhau, rộ ran từng chập. Mồ hôi tuôn như suối trên khuôn mặt đỏ gay của Franck. Michico nhoè nhoẹt son phấn, rúc đầu, quệt từng quàng màu tao loạn lên ngực áo polo trắng bết nước của tôi.

- Franck đưa Michico về Pháp ngay đi. Tình thế này, tôi phải ở lại đây thôi. Chẳng biết sẽ làm gì, nhưng...

Tôi nói bằng hơi thở mỏng, mắt tối xảm lại vì bóng dơi năm cũ vút về choãi cánh giăng đen đồng tử.

- Người Việt gốc Tây không đi đâu cả!

Câu nói đùa của Franck không làm tôi nhếch mép nổi, nhưng Phúc giật phăng cặp kính râm, mắt sáng rực:

- Anh ở lại với Phúc, Phúc biết, rồi anh sẽ mãi mãi thuộc về Phúc. Anh chỉ là của một mình Phúc mà thôi.

Họ nắm chặt tay nhau, ôm choàng lấy nhau, hút cứng vào nhau. Những tượng người chung quanh đồng loạt vỡ bụi, tung tan từng mảnh, tiếng diếc khô. Michico xiết thắt tôi:

- Em yêu anh. Sống chết với anh. Đừng bắt em xa anh, nghe Hiển!

Khi môi chúng tôi vừa chạm nhau, nụ hôn ướt mềm vì cơn mưa đầu mùa đột ngột trút xuống, và nước bốc hơi xèo xật khi rơi đúng vào những mảnh tượng vỡ, đỏ màu ngói vừa nung. Tươi máu.

Cổ Ngự

SAIGON-HUẾ 04-05.2005



Tiền Chị

Chị ạ chiều nay em trở lại
nơi góc vườn xưa ở chốn này
từ thuở chị em mình trôi giạt
năm thì mười họa hẹn nhau đây
nơi căn nhà của thằng em kể
được mấy lần vui mấy trận say
chiều nay mấy đứa em buồn lắm
thì cũng ngồi quanh cũng nói cười
mắt cứ nhìn hoài nơi ghế trống
xưa kia ghế đó để dành ai
nhắc chị chẳng đứa nào dám nhắc
sợ chạm lòng nhau nỗi vẫn dài
thôi thì cũng rót ly tao ngộ
mà thành uống cạn chén ly bôi
chị ơi tiền chị đi xa quá
những một đàn em luống ngậm ngùi.



Một Ngày ở Skjetten

Buổi sáng một mình ra ngồi quán
chọn góc bàn nơi chỗ lộ thiên
nhìn quanh không thấy giàn hoa tím
có thể mà ta đã phát phiền.

Buổi trưa nấu đại tô mì gói
cái mùi vô vị bất buồn nôn
đổ đi vụn nước ra rửa bát
lòng bát lòng ta cũng trống trơn.

Chiều ra bến vắng nhìn mây nước
tâm trí lơ mơ chuyện có không
ném hòn đá xuống dò sau trước
nỗi buồn đen đúa cả giòng sông.

Buổi tối trầm ngâm ly rượu mạnh
định tâm lừa giấc ngủ cho yên
khi kéo tấm chăn trùm kín mặt
mới biết rằng đêm giục nhớ em.

Đêm

Đêm ủ cho ta những ước mơ
những điều chưa có thật bao giờ
những điều không ở tầm tay với
như đóm than hồng giữ lửa kia.

Đêm ươm những mộng cây tình ái
giữa lòng mê mẩn tuổi hoa niên
vàng trắng cái thuở em mười bốn
vẫn sáng trong ta một nét rằm.

Đêm giấu giùm ta dòng lệ ướt
những ngày hoang lạnh buổi chia xa
những tờ thư chứa chan suốt mướt
nồng nã bao nhiêu ý hẹn hò.

Đêm lấp giùm ta những bến bờ
để lòng không ngại nỗi đường xa
để tình không nhạt cùng năm tháng
để bỏ công nhau đã đợi chờ.

Đêm rưới cho ta những mận nồng
bên bông trong hạnh phúc gói chăn
mưa đêm dào dạt rơi trên mái
thủ thi bên nhau những tiếng thầm.

Đêm sẻ chia cùng những xót xa
vết nhăn trên trán tuổi đang già
cơn đau nhắc nhở rằng ta sẽ
có ngày lạc nẻo giữa bao la.

Đêm dậy đời ta như ván thiên
tiếng đình đóng xuống vẫn vang rền
nằm trong bốn tấm trong lòng đất
ta nhủ thầm ta vẫn có đêm.



Có Một Thời Thơ Gọi Máu



Đăng Trình

Thơ xưa nay là tiếng ru êm của tâm hồn, những lời mật ngọt ca ngợi tình yêu, cảnh đẹp thiên nhiên hay cay đắng xót xa cho thân phận con người. Cũng có khi thơ là những lời cảm thán khảng khái của thi nhân trước những cảnh bạo tàn... Thơ không là đồng minh của bạo lực, của thống trị tàn ác. Những thế kỷ thi ca của nhân loại từ Tây sang Đông đã chứng minh điều đó. Ở Việt Nam ta thời tiền chiến (trước 1945) trong văn học có một thế hệ nhà thơ trẻ sống hết mình và say sưa nghệ thuật ta hãy nghe nhà thơ Thế Lữ tâm sự trong bài thơ Cây đàn muôn điệu:

Với nàng Thơ: tôi có đàn muôn điệu,

Với nàng Thơ: tôi có bút muôn màu...

Và Xuân Diệu được xem như ông vua của thơ tình thời ấy, đã làm bài Cảm xúc tặng lại Thế Lữ đề tỏ tình đồng điệu: làm thi sĩ nghĩa là ru với gió, mơ theo trăng và vờ vẩn cùng mây... Xuân Diệu tên thật là Ngô Xuân Diệu, sinh năm 1916 tại Bình Định, học tại Qui Nhơn và Huế, sau đó ra Hà Nội học tiếp và tốt nghiệp kỹ sư canh nông năm 1943. Ông làm việc tại Mỹ Tho một thời gian rồi bỏ việc trở ra Hà Nội. Ông là một nhà thơ mới tiêu biểu trong số những nhà thơ giai đoạn 1930-45. Các tập thơ Thơ thơ (1938) và Gởi hương cho gió (1945) có ảnh hưởng lớn trong giới thanh niên, học sinh, sinh viên. Ngay sau cuộc di cư 1954, giới thanh niên, sinh viên, học sinh vẫn còn mê thơ tình Xuân Diệu. Nói tới Xuân Diệu người ta không giấu được tình cảm hâm mộ và mến phục, nhất là đối với giới thanh niên. Ai mà không rung cảm trước những câu thơ lãng mạn trữ tình với nỗi buồn vô duyên cớ của tuổi hoa niên:

Hôm nay trời nhẹ lên cao,

Tôi buồn không biết vì sao tôi buồn.

và tha thiết yêu đương:

*Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ánh,
Anh nhớ em anh nhớ lắm! em ơi.*

Trong thời gian sống ở Hà Nội ông tham gia Mặt trận Việt Minh. Trong quá trình theo đảng, ông là đại biểu quốc hội khoá I (1946) và đã "phấn đấu" tích cực nên được đứng vào hàng lãnh đạo văn nghệ trong đảng sau bậc đàn anh Tố Hữu.

Hồ Chí Minh từng chỉ thị các nhà thơ trong hàng ngũ Việt Minh rằng: *Nay ở trong thơ nên có thép, Nhà thơ cũng phải biết xung phong...* Đúng theo chủ trương của Việt Minh cộng sản thì nay ở trong thơ nên có Máu. Quốc ca của Việt Nam dân chủ cộng hòa (VNDCCH) là một bài nhạc kích động với hình ảnh máu me và cảnh tượng giết chóc man rợ như ở các bộ tộc Phi châu thời trung cổ: nào là cờ pha máu, nào phan thanh uống máu quân thù... đúng là chủ trương bạo lực như sợi chỉ đỏ xuyên suốt từ khi cộng sản có mặt ở Việt Nam đến nay. Bài Tiến quân ca của Văn Cao đã được Hồ Chí Minh duyệt và quốc hội khóa đầu tiên 1946 của VNDCCH chính thức nhìn nhận làm quốc ca.(1) Theo Việt Minh, ông vua thơ tình Xuân Diệu đã hoàn toàn lột xác. Từ một tâm hồn chứa chan tình cảm:

Làm sao sống được mà không yêu,

Không nhớ không thương một kẻ nào...

(Bài thơ tuổi nhỏ)

bị bùa mê thuốc lú gì để mất hết nhân tính trở thành kẻ dã man ghê tởm. Đọc những câu thơ đầy sứt máu sau đây trong thời kỳ "cải cách ruộng đất" theo đúng khẩu hiệu "trí, phú, địa, hào phải đào cho sạch", những người sống ở phía Nam vĩ tuyến 17 không ai tin được nó đã được viết bởi nhà thơ tràn đầy tình yêu và tình

người trước 1945:

Địa hào, đối lập ra tro
Lung chùng phản động đến giờ tan xương.
Thấp đuốc cho sáng khắp đường
Thấp đuốc cho sáng khắp đình hôm nay.
Lôi cổ bọn nó ra đây
Bắt quỳ gục xuống đoạ đày chết thôi.
Bắt chúng đứng, cầm cho ngồi,
Bắt chúng ngược mặt vạch người chúng ra.
Hỡi phường phú, địa thù xưa,
Bây chora quyết đấu bây chừa mới thôi.

Nhà thơ Tố Hữu (2) là Trường ban Tuyên huấn Trung ương đảng còn biểu lộ sự khát máu cùng cực trong những "bài gọi là thơ" đã hô hào chém giết:

Giết, giết nữa bàn tay không phút nghỉ
Cho ruộng đồng lúa tốt, thuế mau xong
Cho đảng bền lâu rập bước chung lòng
Thờ Mao chủ tịch, thờ Sít-ta-lin bắt diệt.

Trong tập Chân dung các nhà văn, Xuân Sách đã phác họa Tố Hữu một cách thần tình mà cũng thâm hiểm biết bao:

Nhà càng lộng gió thơ càng nhạt,
Máu ở chiến trường hoa ở đây. (3)

Nhân tính Tố Hữu ngoài sự khát máu, còn nịnh bợ hèn hạ hơn bất cứ một bồi bút mặt hạng nào. Bia miệng bao thế hệ sẽ còn lưu truyền những bài thơ nịnh bợ Stalin - tên trùm cộng sản tay vấy máu cả 20 triệu sinh mạng đồng chí và đồng bào mình - một cách hết sức trơ trẽn vô liêm sỉ

Stalin! Stalin!
Yêu biết mấy khi con học nói
Tiếng đầu lòng con gọi Stalin!

hay bịa đặt trắng trợn:

Làng trên xóm dưới xôn xao,
Hỡi ông, ông chết đất trời biết không?
Thương cha, thương mẹ, thương chồng
Thương mình thương một, thương ông
thương mười.

Phong cách "sáng tác" của Tố Hữu là thế. Cách đây mấy năm Trần Đăng Khoa có bài phỏng vấn Tố Hữu in trong tập Chân dung và đối thoại, Tố Hữu tiết lộ thơ mình viết về Điện Biên Phủ, những địa danh Mường thanh, Hồng cú, Him Lam biết ở đâu đâu, tất cả toàn là phịa khiến ta được biết rõ thêm "tài" của Tố Hữu. Trong bài á thư Bến Tre (1962), Tố Hữu đã phịa ra thế này:

Biết không anh? Giồng Keo, Giồng Trôm
Thăm lăm anh à. Lũ ác ôn
Giết cả trăm người trong một sáng
Máu tươi lênh láng đổ đường thôn
Có những ông già nó khảo tra

Chẳng khai nó chém giữa sân nhà
Có chị gần sinh không chịu nhục
Lấy vỏ nó đập vọt thai ra...
Có em nhỏ nghịch ra xem giặc
Nó bắt vô vườn trói gốc cau
Nó đốt, nó cười...em nhỏ hét:
Má ơi nóng quá cứu con mau!

Những độc giả nào ở Giồng Keo, Giồng Trôm tỉnh Kiến Hòa thời điểm ấy có từng nghe hay chứng kiến những cảnh hư cấu y như thật của thiên tài Tố Hữu chưa? Và cũng đau xót cho con nai vàng ngơ ngác, nhà thơ Lưu Trọng Lư không còn ngơ ngác nữa, mà đã biến thành con đà điểu, chúi đầu xuống cát ti toe bắt chước đàn anh Tố Hữu tưởng tượng ra cuộc sống ê chề khổ nhục của đồng bào miền Nam để bạo quyền có cơ đưa thanh niên miền Bắc lên đường đi "giải phóng miền Nam":

Cái áo cái quần
Nhóp để thổi thân
Cũng không cho giặt gỵa
Trong dò trong bể
Một giọt nước cũng không
Sông nó cấm sông
Giếng kia nó cấm giếng
Đi rừng nó cũng cấm
Đi chợ nó cũng xua
Ra bến nó đã không cho
Về nhà nó cũng đuổi...

để rồi kêu gọi ...Máu:

Đưa nào rẻ thúy chia yên
Bắn cho nổ con người, lòn con mắt
Đưa nào núi ngăn sông cắt
Chặn bàn tay trời giạt bàn tay...

Và Xuân Diệu đã hăng say gào thét:

Máu kêu máu trả thù
Súng đâu, anh em đâu
Bắn nó thùng yết hầu
Bắn tia, bắn dài lâu.

(Lửa của người da đen)

Đối với con người nhân bản, thì chiến tranh, giết chóc chỉ là chuyện bất đắc dĩ, chứ không phải như nhà thơ cộng sản Xuân Diệu hân hoan sung sướng: *Ôi êm ái khi tay cầm vũ khí* (Chuyên chính vô sản) và *Ném lựu đạn cho người vui vật sướng* (Xuân Việt Nam). Biểu lộ như thế thì Xuân Diệu phải là một kẻ sa-dích (sadique/sadist). Mà không riêng Xuân Diệu, những nhà thơ cộng sản hầu như ai cũng cố bộc lộ tính hung ác, hiêu sát của mình ra để làm vừa lòng "Bác và Đảng".

Nhà thơ Chế Lan Viên (4) nổi tiếng với tập thơ "Điêu tàn" xuất bản năm ông mới 17 tuổi (1937) được giới yêu thơ rất mến mộ, đã trở thành một thứ hung thần khát máu, luôn hô hào tàn sát:

.....

*Hãy giết sạch lũ hung thần bóng tối
Ngọn súng trường ta ơi, ngọn súng rất nhân
tình!*

(Để quốc Mỹ, kẻ thù riêng của mỗi trái tim ta)
hay:

*Hãy giết chúng như thiên thần giết quỷ
Trên mỗi xác thù hòng súng phải reo ca.
(Ở đâu? ở đâu? Ở đất anh hùng)*

và:

.....

*Giết chúng đi: chỉ còn một con đường thôi:
giết chúng*

*Ôi hôm nay lòng ta như hòng súng.
(Suy nghĩ)*

Thời thơ gọi máu đã lặng lẽ đi qua nhưng còn
để lại biết bao đồ vỡ đau thương cho cá nhân và
cả một dân tộc. Tố Hữu, Xuân Diệu, Chế Lan
Viên, Lưu Trọng Lư... là những tên tuổi một
thời lừng lẫy trên thi đàn. Họ có còn gì đâu khi
tự xóa bỏ mình để theo bầy ác đảng. Tiếng Thơ
đích thực muôn đời không phải là những lời kêu
gọi chém giết hay lừa mị, dối trá, xu nịnh. Thơ
luôn đứng về phía trái tim và nước mắt. Thơ
không cùng phía với bạo lực và gian tà.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Hưng Quốc, Văn học Việt Nam dưới chế
độ cộng sản, Văn nghệ (Mỹ) 1991.
- Nguyễn Hưng Quốc, Nghĩ về thơ, Văn nghệ (Mỹ)
1989.
- Vũ Ngọc Phan, Nhà văn hiện đại, Thăng
long, Saigon 1959, Đại Nam tái bản ở Mỹ.

(1) Khẳng định lời trong bản Tiến quân ca này không
phải của Văn Cao, mà của HCM, sau ngày 30 tháng
4 năm 75 Văn Cao có vào SG thăm bạn bè và đã cho
biết lý do tại sao không muốn sáng tác "Mẹ! tên thi
của mình mà lời thi của thằng khác, thiên hạ chửi
mình chửi". Văn Cao nói câu này với Năm Thủy (thợ
sửa piano rất giỏi) là bạn của Văn Cao và với một
tên Chủ Nhiệm tờ báo SGGP, tên này bị mìn cộc cụt
nửa bản chân. (DuongDeCu@yahoo.com
<mailto:DuongDeCu@yahoo.com>), July 14, 2004.
nguồn: [www.greenspun.com/bboard/q-and-a-fetch-
msg.tcl?msg_id=00CDX0](http://www.greenspun.com/bboard/q-and-a-fetch-msg.tcl?msg_id=00CDX0)

(2) Tố Hữu tên thật là Nguyễn Kim Thành, bí danh
là Lành, sinh năm 1920 ở Hội An, Quảng Nam từng
giữ nhiều chức vụ quan trọng trong đảng. Năm 1958
chủ động đánh nhóm "Nhân văn giai phẩm". Mất
năm 2002.

(3) Lộng gió, Máu và Hoa là tên các thi tập của Tố
Hữu.

(4) Chế Lan Viên tên thật là Phan Ngọc Hoan, sinh
năm 1920 tại Đông Hà, Quảng Trị, từng làm đại biểu
quốc hội liên tiếp 4 khóa và giữ chức vụ quan trọng
trong Hội nhà văn, mất năm 1989.

Thơ Bình Sa

Chúc Mừng Em Sáu Mươi

Ngày ấy quen nhau tuổi đôi mươi
Tóc xanh, mắt biếc, diễm môi cười
Tương lai rộng mở, bao mơ ước....
Cùng nắm tay nhau hẹn một đời.

Ngày tháng trôi qua thật êm đêm
Nào ngờ sóng dậy giữa màn đêm
Quê Hương chìm đắm trong tang tóc
Số phận mình đây nào được yên!

Chúa Mẹ thương tình hai đứa mình
Qua cơn hoạn nạn - Thấy bình minh
Cho thuyền tới bến bờ an lạc
Biển lặng, trời êm. Cảnh thái bình.

Thấm thoát em nay đã sáu mươi
Chúa thương ân thưởng một đời người
Trải bao mưa nắng cùng dâu bể
Có được hôm nay – Mãn nguyện rồi.

Mừng chúc cho em, tuổi thọ trời
Bên nhau hạnh phúc vẫn chung đôi
Răng long, tóc bạc xưa thề hẹn
Ngày ấy, hôm nay đã đến rồi.

Nhìn lại thời gian thoáng chớp mắt
Con đàn, cháu đống đến mừng vui
Chúc em thêm tuổi, thêm an khỏe
Cùng với anh đi hết quãng đời

Quà Tặng Cho Em

Anh muốn tặng em một món quà
Không tiền, đâu lẽ nói cho qua!
Giơ tay hái thử sao cao ngất
Bước xuống biển sâu lạnh tím da

Thôi nhé! Thì thôi, anh có một
Trái tim nóng bỏng tặng em nha
Tặng luôn thương nhớ, vui buồn khổ
Với cả chân tình anh thiết tha

(29.12.07)



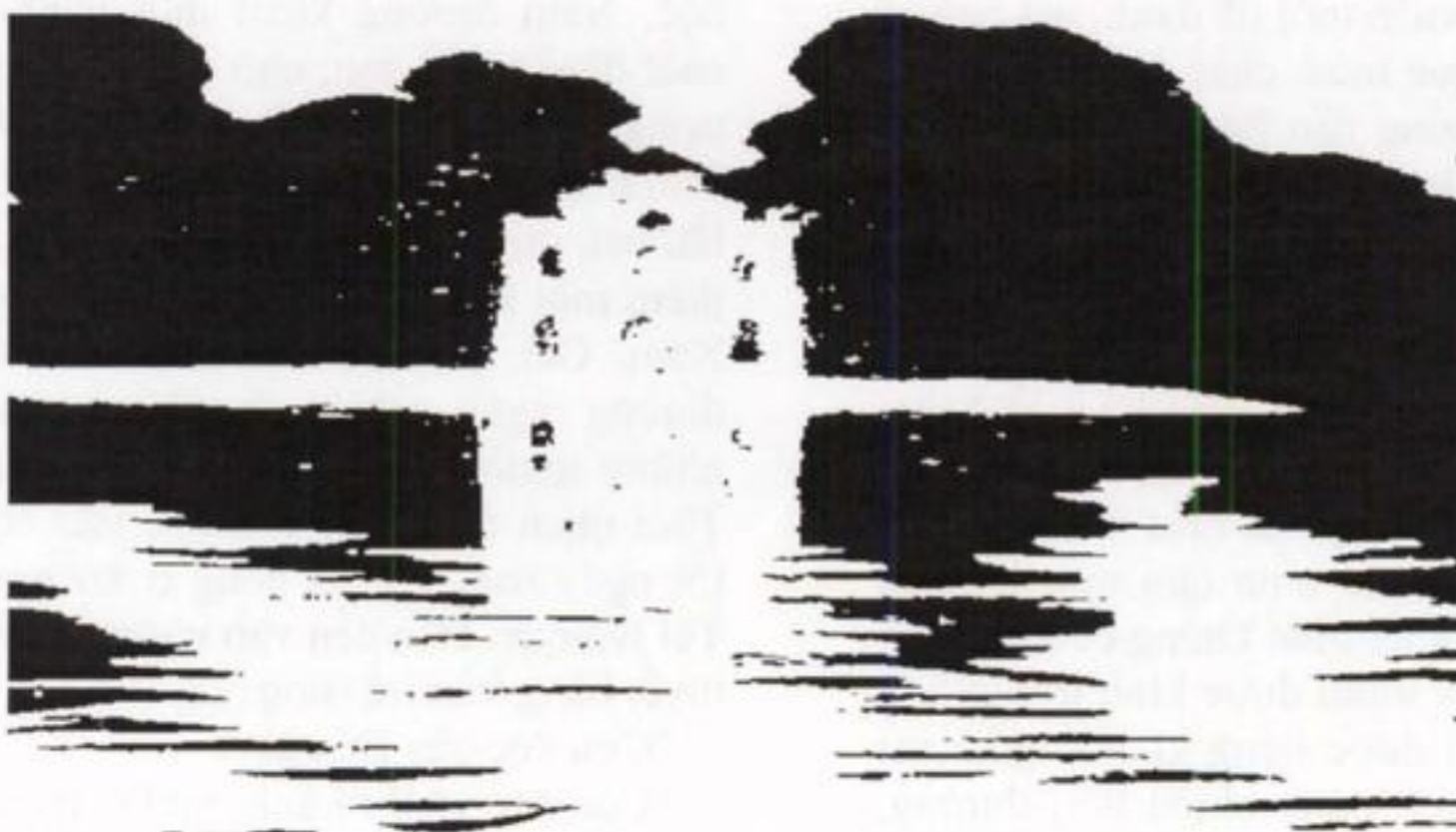
Hà Nội

Hồ Gươm giờ vẫn như xưa,
Vẫn ngôi đền cũ, Tháp Rùa lặng thình.
Quanh hồ, liễu rủ buồn tênh,
Người ra mùa dèo, kẻ rình buồn câu.
Cái nôi Văn Hóa ở đâu?
Cái hồn dân tộc, non cao ...thần thờ!

Ghé vô khách sạn , ngủ nhờ,
Cười duyên, em hỏi giấy tờ tùy thân.
Xem qua, giả bộ ... ngại ngần :
- Việt kiều ...gấp rưởi ...nhân dân nước nhà.
Động lòng thương Mẹ Âu Cơ,
“Nghìn xa khúc ruột” chỉ là thể thôi!

Buồn chân, xuống phố, ngậm ngùi,
Gió Lào rất mặt. Mồ hôi nắng hè.
Quán hàng cọc dưng, bạt che,
Khó khăn gạo chợ. Say nê miệng quan.
Xe qua... bụi, rác tràn lan,
Kẻ vui máy lạnh, người tan nát đời!!!

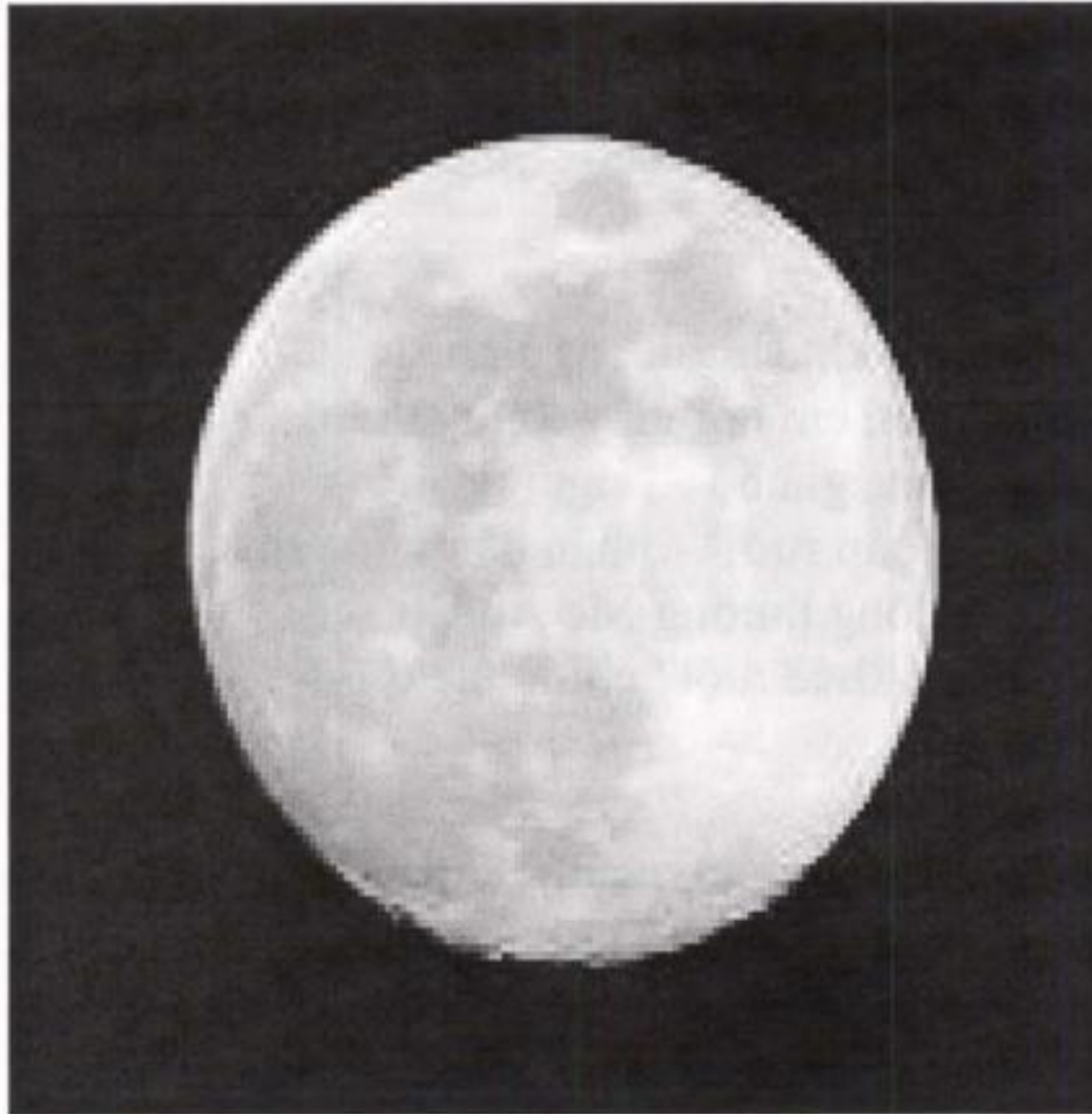
Uyên Giang



Ithinin Qamaran

قمر أ نینث

Nguyễn Văn Thà



Trăng ở Timbuktu

Những Tết xưa: Đêm đen thật đen với những cơn gió bắc bỗng dưng hiền khô, hiền đến độ chịu dùng chân xồng xộc, chầm chậm đưa hương đi nơi nơi; kiên nhẫn chờ hương vương cảnh, lịch sự đợi hương hòa kinh với mai vàng sang trọng, cúc áo xuân mới đã dành, mà còn cả với bông vạn thọ quê mùa, chân chất; đèn sáng hơn qua cửa sổ chống cao hơn, và cửa sổ thả tiếng cười đùa vui hơn từ lòng mái tranh, và cả tiếng ai đó quá chén hơn thường; bầu trời thêm nhiều giải ngân hà mới; mùi lá chuối luộc từ những thùng bánh tét nấu ngoài vườn, mùi rơm khô thoang thoang ruộng vườn sạch sẽ, khô ráo; và cái không khí nồng nóng dễ chịu so với bên này xứ tuyết, cứ nhớ xuýt xa như khi thằng cu xứ mình bỗng được mẹ mua cho một lượt cả chục cây cà rem. Và tết nhất không có ai già cả, và ai cũng cảm thấy mình được kính trọng hơn, và không dễ gì tìm được tiếng khóc, ngoại trừ tiếng mấy nhóc được cưng chiều hơn thường, được thể đòi được cưng thêm. Người xa xứ nhiễm dịch lạnh lòng, ích kỷ của người, ngày

xuân quê nhà băng không nhớ quê nhà, rồi bỗng giật mình, thấy mình kỳ cục không giống ai, thấy mình kém văn minh hơn hồi bên nhà biết bao.

Và vào những đêm giao thừa, từ hồi học trung học, Nam thường kiếm một danh tác để đọc suốt đêm ở nhà sau, chờ rạng đông nguyên đán trong khi mẹ Nam thăm thì đọc kinh nhà trên. Thỉnh thoảng bà lại đi xuống nhà dưới, tay vẫn lần hạt, miệng thăm thì câu kinh, nhìn Nam, bỏ thêm một ít mứt vào đĩa cạnh ấm trà bên võng Nam. Cái nhìn của bà đầy mến thương hơn thường ngày, dành cho Nam, và dành cho những người đã khuất đầm đìa trong câu kinh. Thói quen đọc sách ấy Nam vẫn còn giữ được tới ngày nay, khi đã sống ở xứ người, nơi mà Tết Nguyên Đán đến vào những ngày lạnh nhất, tuyết băng tràn trề sông núi.

"Con đọc cây chi rứa?"

"Con đọc về Sự Lành, Sự Dữ mẹ ạ!"

"Ừ. Con người làm gì thì làm cũng không qua hai sự ấy. Mẹ cũng đang đọc kinh, lần hạt

cầu nguyện cho những người làm Sự Lành lại bị Sự Dữ làm hại, những người trong nhà mình.”

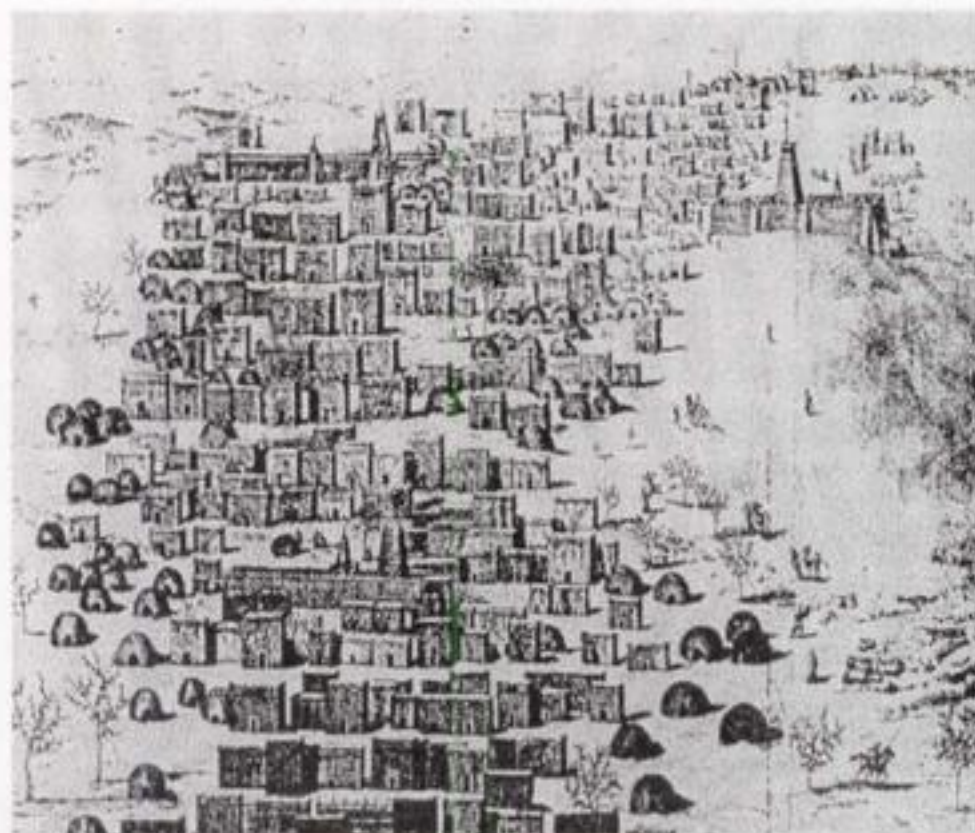
"Dạ."

Giao thừa năm nay, ở Na Uy, Nam cũng đọc sách; đĩa mứt, chén trà cho mẹ trên bàn thờ và cho mình nằm vông. Nam đọc cuốn *Voyage à Tombouctu de René Caillié* (Du hành Timbuktu của René Caillié), ấn bản 1989, (tựa sách hơi khác, và ngắn gọn hơn ấn bản đầu tiên) mà tình cờ Nam mua lại được trong chợ trời. Nói là mua lại được là vì những tháng sau ngày 30/4/75, sách "đồi trụy" bán tràn lan trên các vệ đường Sài Gòn: sách Việt, sách Mỹ, sách Pháp..., và một ngày lang thang đường Kỳ Đồng, Nam mua được, với giá như cho, cuốn *La Bible de Jerusalem*¹, còn thơm giấy mới, và còn đặc biệt mua được cả cuốn sách nói trên, nhưng là ấn bản đầu tiên, năm 1830, với tựa đề: *Journal d'un voyage a Tembocicu et Jenno dans l'Afrique Centrale, etc.* (Nhật ký du hành Tembocicu và Jenno trong Trung Phi, vv.), và cả mấy chục cuốn sách hiếm khác mà những ngày đi học thấy chung trong nhà sách Xuân Thu, nhìn mà thèm nóng cả người. Nam cố gắng đưa lên chúng về quê và cố giữ tới ngày đi vượt biên. Cuốn *La Bible de Jerusalem*, cha Long mượn; mượn lâu thấy cha có vẻ cần, Nam chẳng đòi lại. Nhưng cuốn phiêu lưu ký của René Caillié, Nam giữ gìn cẩn thận, có lẽ vì đó là ấn bản cổ; và lại, Nam vốn rất thích đọc phiêu lưu ký, nhất là phiêu lưu ở một lục địa xa lạ, đầy lôi cuốn như Phi Châu, và tại một thành phố đầy bí ẩn như Timbuktu vào thời xa xưa. Nhưng rồi, cuốn sách này, cũng như cả mấy tủ sách của Nam, cũng bị thất tán một phần hồi có chiến dịch đốt sách, và mất sạch sau ngày Nam vượt biên, vì không có ai trong nhà thích đọc sách ("đồi trụy") đến độ can đảm mà giữ sách, và cha mẹ Nam thì không dám giữ, nhất là sách vờ vào buổi ấy là gông giữa đảng, mà gông cộng sản thì rất trời ơi đất hỡi (hay tùy tiện, nói như mấy ông cộng sản) và rất nặng (hay cực kỳ phản động, nói như mấy đàn em của Tàu cộng.)

Thời gian gần đây, Nam không biết sao cứ hay hỏi thăm những bạn cùng sớ, người châu Phi, về Timbuktu, đến nỗi có đứa gọi đùa anh là Mr. Timbuktu. Mấy anh Việt Nam biết được chuyện, đùa: *Bộ tính kiếm vợ mọi đen hả?* Anh cũng kiếm tin tức Timbuktu cả trong mạng.

Có nhiều giải thích về địa danh Timbuktu này. Nhưng thường người ta cho Timbuktu có nghĩa là Chỗ-của-bà-Buktu, vì, theo tiếng tamashek, một thổ ngữ của dân Tuareg, *Tin*: Chỗ của; *Buktu*: tên của người một người đàn bà mà người Tuareg giao cho nhiệm vụ coi đồ đoàn của họ, trong khi họ phải tiếp tục rong ruổi lên phía bắc sa mạc Sahara.²

Cách nay khoảng năm trăm năm, khi Timbuktu được kể đến như một trạm giao thương xuyên Sahara, trên con đường tải vàng của vùng Tây Phi tới các triều đình và các nhà băng của châu Âu và của các nước ven bờ Địa Trung Hải, nó còn là trung tâm của các học giả tôn giáo, văn chương và khoa học. Hàng nhiều thế kỷ, người châu Âu đã cố gắng và không ai đến được thành phố này, và như thế, thành phố được coi như một nơi hiểm trở, do đó bí hiểm. Vào năm 1828, René Caillié, một nhà phiêu lưu Pháp đã tới được và sống sót trở về được châu Âu và viết sách kể lại.



Timbuktu, tranh minh họa của René Caillié, 1830

Ngoài ra còn có những bài báo nói về sự sưu tập những văn bản cổ Ả Rập. Trong những văn bản mỏng giòn ấy, báu vật của quá khứ đang nằm giấu trong hàng ngàn cuốn chưa được khám phá, sưu tập; chúng còn nằm trong các tủ, hòm của những bộ tộc nằm xuyên ngang sa mạc Sahara. Chúng chưa tan hủy là nhờ không khí khô ở sa mạc, nhưng vẫn bị côn trùng và hơi ẩm hàng năm từ những mùa mưa ngấn đe dọa. Ở Timbuktu có những người như gia đình anh Haidara đã sưu tập những văn bản như thế, những văn bản về tôn giáo, kế ước thương mại, những quyết định luật pháp, và những ghi chú ngoại giao trao đổi giữa các nhà lãnh đạo tôn giáo. Luôn luôn có những người trí thức như thế giữ truyền thống bảo tồn nền văn hoá khi không có chính phủ nào, cơ sở nào đảm trách. Họ đã làm công việc này từ thế kỷ thứ 16, nhưng nay nhờ sự trợ giúp của các nước Ả rập và UNESCO, trung tâm Ahmed Baba - lấy tên một học giả của Timbuktu sống vào thế kỷ 15 - đã được thành lập để sưu tầm các văn bản đó. Trung tâm hiện giờ lưu giữ khoảng 14.000 cuốn, tạm an toàn, nhưng không có đủ tài chánh để bảo tồn một cách khoa học.

Và sách của René Caillié kể:

René Caillié nhà nghèo, nhưng rất thích phiêu lưu mạo hiểm. Ông đã tiết kiệm tiền bạc nhiều năm; sợ lộ tung tích là người theo đạo Kitô sẽ bị giết, ông chịu khó học tiếng và phong tục Ả rập, rồi giả dạng là một người Ả rập; kiên trì chịu đói, nhất là chịu khát, bệnh tật, chịu thêm muối; bị người Tuareg hành xách trong sa mạc...; cuối cùng ông cũng tới được Timbuktu. Chuyến phiêu lưu từ bờ biển Tây Phi đến Timbuktu mất cả một năm trời. *"Cuối cùng chúng tôi may mắn đến được Timbuktu, ngay khi mặt trời vừa chạm tới chân trời. Tôi đã thấy được thủ đô của Jenno như thế đó, cái nơi mà bao lâu nay là mục đích của mọi mơ ước của tôi. Khi tôi vừa đặt chân vào thành phố bí hiểm này, vốn là đối tượng cho sự tìm kiếm của một châu Âu văn minh, tôi cảm thấy khoan khoái thỏa mãn không tả xiết. Tôi chưa bao giờ mãn nguyện như thế và tôi vui sướng quá sức."* Thoáng thấy thì vui ngây ngất như thế, nhưng khi vào hẳn thành phố thì: *"Sau khi sáng khoái một lúc như thế, tôi mới thấy ra rằng, những gì hiện ra trước mắt tôi, chúng làm đảo lộn hết những gì tôi biết được từ trước đến nay về sự vĩ đại, giàu có của thành phố này. Rõ ràng là thành phố chẳng gì hơn là một nơi tụ tập của những nhà vách đất tồi tàn, và bốn hướng toàn những bãi cát chuỗi mênh mông... Trời đất gì gì cũng buồn, một nỗi lặng thình lón ngự trị, người ta chẳng nghe được cả một tiếng chim. Dấu sao cũng thật ngạc nhiên khi thấy cả một thành phố lớn như thế được dựng lên ngay giữa bãi cát, và người ta phải bái phục người sáng lập."*

Vừa đọc sách, Nam vừa xem tranh minh họa của chính René Caillié. Đọc xong sách, Nam lại xem đi xem lại những tranh vẽ thành phố Timbuktu nhỏ bé, lơ lửng giữa sa mạc mênh mông và dưới bầu trời càng mênh mông hơn; những người đàn bà dáng dấp nhẵn nhụa, đôi mắt u uân khôn nguôi. Dường như những bức tranh đó còn làm xúc động Nam hơn lời kể trong sách. Nam không ngủ được, cứ đi tới đi lui trong phòng.

"Hay là mình đi Timbuktu một chuyến, xem người, xem cảnh sa mạc, ốc đảo ra sao, và ghé xem các văn bản cổ Ả rập. Ở đây tẻ nhất lạnh lẽo, tối tăm, lại ở một mình nhớ nhà quá đâm mệt!" - Nam lẩm bẩm.

Nam đi máy bay từ Oslo đến Bamako, thủ đô của Mali. Rồi lấy máy bay đi Timbuktu, nhưng chuyến bay bị đình chỉ bất thành linh. Máy du khách Tây trẻ nói với Nam: "Cái gì ở đây cũng thường thất thường như thế, huống hồ máy bay. Phải biết trước thế để mà liệu chừng." Dừng dằng chưa biết tính sao, đêm ấy mấy anh du khách bụi rù Nam đi chơi. Và đêm đó, trăng

thượng tuần, trăng *hilal*, trăng mới cho tháng mới, cho niềm hi vọng mới, ân sủng mới, như dân Hồi giáo ở đây vẫn nói. Dám vì vậy cho nên, ngồi quán được một lúc, chuyện trò linh tinh, anh bồi quán biết chuyện kẹt máy bay như thế, anh cho biết là có thể đến Timbuktu bằng lạc đà. Thực ra chuyến đi lạc đà không bắt đầu từ Bamako mà từ Doentza và phải đi xe bus đến đó.

Ở đây có anh chàng tên Braham lo mọi thủ tục. Anh ta chỉ biết nói tiếng Pháp và thổ ngữ Fulani. Tiếng Fulani dĩ nhiên chẳng ai biết nói, mà tiếng Pháp chỉ có Nam biết; mấy anh kia toàn là dân Bắc Âu vốn khinh thường, không ưa người Pháp kênh kiệu, nhẵn nhụa, rồi không ưa luôn tiếng Pháp.

Cái anh chàng Braham khi biết Nam là người Việt Nam, bắt tay thật chặt, lắc lắc, vỗ vai, cười sảng khoái: "Việt Nam Hồ Chí Minh." như đa số dân Hồi giáo châu Phi, hoặc Trung Đông mỗi khi biết được người đối thoại là người Việt Nam. Nam bộp lại liền:

"Anh coi chừng cái miệng của anh. Cái lão Hồ của anh là một tên khôn kiếp (*salaud*) thứ thiệt."

Anh chàng Braham chưng hững:

"Sao anh nói lạ vậy?"

"Nói cho anh hiểu được chắc phải mất nhiều thời giờ. Nhưng tôi thì có Đấng Allah, lão ta là như vậy đó."

"Còn tụi Mỹ, bọn đốt nhà, giết trẻ em, hãm hiếp đàn bà?" - Braham giọng vớt vát.

"Cái lão quỷ vương *Shaitan* Hồ với bầy âm binh *jinn* của hắn còn đốt cả nước, bắn giết, giết mìn, chôn sống trẻ em, đàn bà đủ cả, mà không thấy ai ở Phương Tây đủ lương thiện để tố giác. Và anh nên nhớ là người Mỹ là nước văn minh bậc nhất, quân đội Mỹ có kỷ luật, không phải đi đâu cũng đốt nhà, cũng đeo bừa được. Cuộc chiến tranh nào cũng có những cá nhân vi phạm kỷ luật. Đáng lẽ các anh phải cùng chúng tôi làm *Jihad* chống lại cái lão quỷ tướng *Iblis* Hồ đó với tụi *jinn* Cộng sản của lão mới phải."

"Anh nói sao giống một con nhò tôi gặp trước đây mấy năm. Cô ta cũng người Việt Nam. Nghe tôi hô "Việt Nam Hồ Chí Minh" là cô ta nổi giận. Cô ta cũng đi Timbuktu, nhưng lại chọn đi xuống theo giòng sông Niger, lại là xuống chống. 'Đi vậy thì có lẽ mát hơn, tuy rất lâu. Tôi có nhiều thời giờ.' - Cô ta nói vậy. Lại còn đi một mình một xuống. Tôi hỏi: 'Cô có điên không vậy?' Con nhò cười cười: 'Người Việt chúng tôi ai cũng điên điên một chút như thế.'"

Văn há hóc:

"Tôi cứ tưởng tôi là người Việt Nam đầu tiên,

duy nhất đi Timbuktu.”

“Chắc, con nhỏ gan cùng mình. Việt Nam thắng Mỹ là phải.”

“Nữ! Anh cho tôi xin.”

Braham cười khề khề.

Chuyến đi vất vả, nhưng lạ và vui, vui với lạc đà ngất ngưỡng, ngày nóng mướt người, đêm dâm dấp đóng trại bên giếng nước mát, lửa đêm, uống bia đắng nghét mà bốc ra phết, ngầu ngiến thịt cừu lấm cát, nướng bầy bầy. Thật khó tưởng tượng, chỉ mới tuần trước, Nam còn ngồi trong căn hộ chật hẹp của mình, đọc sách, nhìn vợ vẩn vào màn ảnh TV, ngó vô hồn tường trơ, và bên ngoài trời tối, tuyết nhão, bùn sệt nơi nơi.

Làm, ăn, ngủ, ngủ, ăn, làm. Nhưng nơi đây mênh mông mênh mông rồi mênh mông; thời gian là một khái niệm cô lỗ xỉ; và cũng nơi đây mặt trời sa mạc dữ dội; da thịt rợn rợn, mạch máu ngổ ngược. Và trắng nữa, trắng nữa, trắng không còn hiện lạnh, e ấp, mà là trắng thống trị. Ánh sáng nhận chìm con người trong biển quang minh ngày, đêm. Con người no nê sức nóng, no nê ánh sáng. Tới, tới, tới, tới...”

Ngày rằm, tháng Chạp, nhóm du khách bụi năm người mới tới được Timbuktu. Tới khách sạn, ai về phòng nấy.

Sau khi tắm một phát, Nam ngủ một giấc mê mết. Khi thức dậy thì thấy trắng sáng chảy tràn lan vào phòng. Thành phố khuya như một khu phố chết. Chỉ còn gió còn sống và những chòm sao còn sống. Và trắng nguyên tiêu ở đây là trắng nguyên tiêu biển cát mênh mông, khác hẳn những nguyên tiêu quê nhà, khác hẳn những vàng trắng mơ hồ tiền chiến, trắng say của chàng Trí thừa nào. Đây là vàng trắng vô thủy vô chung như lời Sấm, uy nghi như Allah, hào hoa như Đấng Cứu Chuộc và ngọt ngào, ân cần như lần đầu *Dominus te cum*³. Người ta trở nên tinh tuyền, thanh sạch như tiếng chim vừa nở. Tâm trí tan vào thân xác và thân xác tan vào ánh trắng. Không còn vũng chiêm bao, mà là chân không thực tại. Không là *những miếng nhạc say, những lá trắng rơi lên xiêm áo như những mảnh nhạc vàng*⁴, mà là những thanh kiếm sắc ngọt chém sả lớp vỏ sù sì sần sì.

Thì ra trắng bỏ đỉnh trời, xuống với người người hạn hẹp.

Thì ra không còn chờ được nữa, trắng đã ép duyên con người và ôm riết con người, không chịu buông. Người thể nhìn lại mình và không còn thấy mình nữa, vì trong lòng trắng, thân xác người trở nên linh hồn thanh khiết.

Hay là chính con người đã tự nguyện đục thủng chiếc thuyền lãng quăng mình, bẻ lái, cho chìm

vào biển trắng; hay là trắng cắt dây buộc thuyền lý trí người, đổ đầy khoang rượu-trắng?

Nam giang tay, ngửa mặt nhìn trắng, một trắng, hai trắng, ba trắng... vô số trắng, và lừng lững đi ra khỏi thành phố, mỗi thăm thì lời lời bùa chú:

“Qamar, Qamar... Qamaran, Qamaran...”

Nam cứ đi mãi như thế theo hướng sông Niger, theo tiếng thơ ai đó đang giục giã trong trắng, tiếng thơ đầy không gian như ân sủng Allah bao bọc người thể phát ra từ những tháp kinh. Chạy, chạy, chạy miết, và khi tới gần sông Niger, anh thấy trước mặt mình một căn lều ghép bằng sậy papyrus ven sông. Có người con gái đứng trước lều như đang chờ anh, mừng rỡ tiếng miền Nam xứ Việt trong trẻo, rõ ràng, làm Nam tỉnh cả người:

“Chào anh.”

“.....”

“Anh mới tới?”

“Vâng. Mới tới sáng nay.”

“Sao anh biết tôi ở đây mà tới?”

Nam mỉm cười:

“Đồng thanh tương ứng. Đồng khí tương cầu.”

Cô gái liếc anh:

“Nữ! Còn tôi, tôi biết thế nào anh cũng tới đây... Anh ngồi đây nói chuyện cho mát.” - Hai người ngồi xuống triền cát trước lều. - “Anh Haidara có cho tôi biết đầu hôm có một người xưng là người Việt mới gọi điện thoại cho anh ta, và ngỏ ý muốn xem bộ sưu tập bản thảo.”

“Cô quen?”

“Trước hết vì nghề nghiệp, vì tôi ký hợp đồng làm ở trung tâm sưu tầm văn bản ở Timbuktu. Tôi vừa chụp microfilm, vừa xử lý hóa chất các bản thảo cổ để bảo quản, vừa dịch. Anh biết không, có khi dịch một ngày chỉ được một câu. Phải nói cái chữ Ả rập thật thâm sâu, vi diệu.”

“Cô học ở Việt Nam?”

“Không, tôi học ở đại học Alger. Tôi được gọi qua tu ở Algérie, và đi học ở Alger, học xong tôi xin ở lại Algérie tu luôn. Tôi thích xứ sở Algérie, đúng ra tôi thích sa mạc. Sau tôi còn qua Libanon nữa, học thêm môn tiếng Ả rập cổ. Hồi ở Libanon tôi có gặp mấy người Việt Nam công nhân lao động nước ngoài ở đó, họ biết tôi học môn đó, họ có vẻ tiếc cho tôi. Có con nhỏ khá thân với tôi còn nói: ‘Có cơ hội mà không học môn chỉ cho thực dụng, dễ kiếm ra tiền. Môn đó về Việt Nam, chỉ có chết đói. Nghèo đói cay cực lắm, chị ơi... Có sa vào mới biết...’ Cũng may sau khi tốt nghiệp, nghe giáo sư đỡ đầu của tôi cho tôi biết là giáo sư Henry Louis Gates của Andrew Mellon Foundation tuyển người chuyên môn cho trung tâm sưu tập bản thảo Ả rập Ahmed Baba, ở Timbuktu. Tôi được

nhận. Tôi xin phép nhà dòng đi làm thử. Nhà dòng cho phép đi ngay. Ra đây rồi, không muốn về tu viện nữa.”

“Ừ, ở đây đâu khác gì trong tu viện!”

“Khác nhiều chứ anh. Ở tu viện coi vậy cũng chật chội, huyên náo lắm, ý tôi muốn nói cái tâm trí của mình. Tôi cũng đã cố kinh kệ, suy niệm, nhưng rồi cũng chẳng đi tới đâu. Rồi những cái đẹp trong nghi lễ phụng vụ, trong tiếng nhạc, thánh ca hay, trầm hương thơm ngát, nến sáng lung linh, có lúc làm cho tôi chảy nước mắt, ngất ngây tưởng như Chúa đang chiếm lòng mình, nhưng nghĩ cho cùng, đó chỉ là những phản ứng mang tính thẩm mỹ. Ở đây giữa sa mạc này, người ta không có, không còn gì cả, hoàn toàn trần trụi...”

“Vâng. Cô có những suy nghĩ khác người.”

Con nhỏ cười:

“Mẹ tôi nói tôi điên điên như cha tôi... Thích học, thích làm những chuyện không giống ai.”

“Vâng. Mà cô làm ở đây lâu chưa và còn làm được lâu nữa không?”

“Tôi làm được một năm rồi và hi vọng còn được làm lâu. Giáo sư Gates cho tôi biết là hiện giờ Foundation có cho ông 48.000 đô la để tài trợ cho dự án; không biết khi hết tiền rồi, trung tâm sẽ ra sao. Nhưng nghe anh Hairada nói, nhờ loạt phim của giáo sư về bản thảo cổ của trung tâm được chiếu trên TV, mấy nước Ả rập có lưu tâm.”

Rồi cô cầm tay Nam dắt về phía bờ sông, chỉ cho giàn rau thơm: húng, răm, tía tô, sả, quế, ớt...:

“Anh Hairada hồi đi dự hội nghị ở Paris, mua về làm quà cho tôi đó. Anh chàng có con mắt thật tinh đời.”

“Cô ở đây vắng vẻ như vậy không sợ à?”

“Ý anh muốn nói là bọn đàn ông?”

“Vâng.”

“Người đạo Hồi nói chung họ tử tế, và trọng cái dũng cảm, nghĩa hiệp. Đối với họ, chuyện tôi thân gái ở đây một mình là dũng cảm, và làm một công việc nghĩa hiệp, dù rằng đối với tôi chỉ là lối sống tôi thích. Không ra ngoài cái tôi ích kỷ. Và lại, lúc nào cũng sợ chết thì làm sao sống?”

“Bố mẹ cô thì sao?”

“Mẹ tôi mất rồi. Còn cha tôi, có mà như không, mẹ tôi không hề cho tôi biết. Tôi tôn trọng sự chọn lựa của bà. Nói thật, có ông đến đây, tôi rất vui.”

“Cảm ơn cô. Tôi cũng vậy. Tôi cứ ngỡ đang ở với gia đình.”

Cô gái cười càng tươi: “Tôi cũng vậy.” Và đưa tay nắm tay anh. Hai tay cùng nắm chặt.

Nam ở Timbuktu một tuần. Tôi chưa bao giờ sung sướng như vậy, Nam nói với anh Hairada.

Anh Hairada cười:

“Vâng. Người đồng hương gặp nhau ở xứ người đã mừng, mà lại ở sa mạc lại càng mừng hơn, phải không ông? Cô Ithinin Qamaran có bữa, khi tôi thắc mắc tại sao cô ra làm việc ở đây, cô ấy bảo: 'Phía bên kia ốc đảo mắt trí là sa mạc nông nân.' ”

“Ithinin Qamaran?”

“Cô gái đồng hương với anh đó!”

Nam giật mình:

“Áy chết, chuyện trò quen biết cả mấy ngày nay mà tới nay chúng tôi vẫn chưa biết tên nhau.”

“Người nước anh thiệt lạ kỳ!”

Nam làm bộ đưa tay vãi:

“Thôi, anh cho tôi xin.”

“Đùa anh cho vui thôi. Quen với Ithinin Qamaran lâu, tôi hiểu người Việt nhiều hơn. Người Việt thật đáng yêu mà cũng khó hiểu.”

“Là sao?”

“Ví dụ, khi tôi hỏi tại sao cô ta lấy tên Ả rập Ithinin Qamaran. Cô ta không nói, chỉ cười, rồi lại buồn buồn. Tôi đoán là cô ta có kỷ niệm yêu dấu mà buồn gì đó nơi đảo Kamaran⁵, cô ta mới lấy tên như vậy.”

“Lòng dạ đàn bà khó hiểu, lòng dạ đàn bà nước tôi còn khó hiểu trăm lần.”

Anh Hairada đưa hai tay lên trời, cười lớn:

“Hoàn toàn đồng ý với ông.”

Nam chia tay với Ithinin Qamaran (Nam vẫn không hỏi tên Việt của cô nhỏ), sau bữa cơm Việt Nam có nước mắm ớt, có canh chua cá dứa sông Niger. Cô nàng cầm tay Nam và hôn nhẹ lên má Nam. Nam chảy nước mắt lạnh lẽ.

“Cảm ơn anh đã đến thăm tôi. Anh về Na Uy bình yên!”

“Tôi cũng cảm ơn cô đã cho tôi những ngày đáng sống nhất.”

“Xin ông đừng bi lụy. Những rồi rằm đời người biến thành của báu. Nơi sa mạc này lúc nào cũng *phảng phất những thương nhớ xa xưa*.⁶”

“Mong được như vậy.”

“Mãi mãi sẽ như vậy.”

Chuyến về, Nam đi ghe. Nghĩ ngợi miên man như sông.

Về đến nhà ở Na Uy, anh nhận được thư chúc Tết của nhiều người từ Việt Nam, trong đó có thư chị Hai của Nam. Ngoài thăm hỏi, chúc Tết, chị viết:

“*Lâu nay mẹ cứ trách chị không chuyển cái ý cha Long, bạn em, cho em. Cha nhờ xin em giúp đỡ đứa con gái rất thông minh của một người*

đàn bà nghèo khổ đến xin cha giúp. Thực ra chị có gặp người đàn bà nghèo khổ đó và đưa con gái của chị ấy. Và cha Long đã gởi gắm đứa con gái nhỏ đó vào ở chung với nhóm nữ tu tiểu muội ở Bình Triệu để tu tập và học kiếm ba chữ. Chị có lấy một phần tiền em gởi biếu chị, chị gởi cho các di bề trên hàng tháng để phụ chi phí cho con nhỏ, bởi chị cũng làm ăn không đến nỗi nào, và giúp những người có ơn thiên triệu là điều đáng quý trọng.

Sau này chị được cho biết: Con nhỏ học giỏi, nên về sau khi nhà nước dễ dãi, nhà dòng gởi qua nhà dòng mẹ bên Pháp học, rồi sau đó qua tu bên Phi Châu. Được một thời gian, nhà dòng sai đi ở một nơi khi họ cò gáy bên nớ và và nghe nói thời gian sau bị bệnh ngã nước mà chết. Mẹ nó đã bệnh tật, ốm yếu, nghe tin dữ, đâm bệnh nặng, cũng chết theo luôn.

Nghe cha Long nói là chị ấy có kể hết cho cha là ngày xưa tên chị ấy là Hằng Nga, chứ không phải tên Năm, và một thời là người yêu của em đó, Nam ạ, và đưa con gái đó là con của em, tên nó là Minh Nguyệt. Chị ấy có thai không lâu trước khi em đi vượt biên; ngần ngại chưa cho em biết, thì em vượt biên. Chị ta sinh con, giận em bạc tình, và vì tự ái không muốn liên hệ với nhà mình.

Cha Long còn nói là con nhỏ Minh Nguyệt đó rất thích số sách mà em bỏ lại, mà sau đó mẹ biếu cho cha; nó cuốn nào cũng đọc; một phần nhờ đó mà nó giỏi, và có chí hướng. Vậy mà nó lại phận mỏng tội nghiệp. Mẹ nó trời là em làm sao cũng phải cố gắng kiếm hài cốt của nó đưa về Việt Nam cho nó được nằm bên mẹ nó, hay là em hốt đưa về bên em cũng được, cho nó gần cha nó.

Mẹ mình, trước khi mất cũng rất hối hận, vì khi trước em gởi thư nhờ tìm cô Hằng Nga mà mẹ cứ cản, cả chị cũng vậy, vì muốn cho em yên tâm học hành, và lại, sau này khi thấy gái không chồng mà lại có con, mà chắc chỉ đã là con của em... Trong xã hội mình, em biết đó, ai mà coi hạng người đó ra chi! Đã Nga, rồi còn Nguyệt, hai trắng mà cuộc đời tối tăm đến như rứa”

Sau này, Nam cố điện thoại cho cô gái Việt sa mạc, không được, và cho cả anh Hairada, cũng không được. Có lẽ nước Mali nó thế, thủ đô Bamako còn khó liên lạc, nói chi Kimbuktu. Viết thư cũng không thấy hồi âm; chắc bưu điện Mali cũng bất thường nốt. Gởi e-mail cũng vậy, cũng không thấy gì; chắc lại bị tường lửa của mấy phe Hồi giáo cuồng tín.

Nhưng một ngày anh nhận được e-mail từ anh

Hairada:

“Nhân có dịp đi Paris dự hội nghị, tôi cố gắng gọi cho anh, mà máy anh sao bị bận hoài, tôi viết gởi anh đôi lời.” Và sau khi thăm hỏi thông thường, thì tới đoạn:

“Cô Ithinin Qamaran không còn làm ở viện và chúng tôi đã kiếm được người thay thế. Giáo sư Gates rất tiếc về sự ra đi của cô ấy, một chuyên viên giỏi và tận tâm. Cô ấy nói cô ấy cần ra đi, vì cảm thấy đã tới lúc cần được yên nghỉ bên mẹ, bên cha, vì đã xa quá lâu. Giáo sư Gates, một người trước đây đã phục vụ lâu năm ở Việt Nam, và am hiểu phong tục Việt Nam, nói với tôi như vậy, với vẻ cảm phục.”

Oslo, 30 XII 2007 - **Nguyễn Văn Thà**

Chú thích:

¹La Bible de Jérusalem: Kinh thánh bản Jerusalem là bản dịch Kinh thánh công phu, dưới sự hướng dẫn của Trường kinh thánh và khảo cổ Pháp ở Jerusalem (l'École biblique et archéologique française de Jérusalem). Được thực hiện bởi những chuyên gia hàng đầu, bản Kinh thánh này thực sự trở thành cuốn Kinh thánh được phổ biến nhất ở Pháp, và trở thành một công trình “cổ điển”. (Wikipidea)

²Nhà đông phương học người Pháp, René Basset đưa ra một lời dịch khác khá dễ chấp nhận hơn: Trong tiếng Beber, một thổ ngữ khác của người Tuareg, thì “tin” có nghĩa là “nơi” và “buqt” có nghĩa là “xa xăm”, vậy “Tin-Buqt(u)” có nghĩa là là một nơi tận cùng bên kia thế giới, thế giới đây là sa mạc Sahara. (Wikipedia) / Phát âm đúng là Tin chứ không phải Tim.

³Dominus te cum: Chúa ở cùng Bà (con người): Lời của thiên sứ Gabriel truyền tin cho Đức Mẹ Maria, trong kinh Kính Mừng (Ave maria). Mời nghe Dolores O’Riordan hát bài Ave maria trong YouTube; tận cùng dấu yêu!

^{4,6}Cửa Hàn Mặc Tử.

⁵Tên một hòn đảo ở Địa Trung Hải. Khi trắng sáng, đảo như hóa thành vàng trắng thứ hai, nên gọi là (đảo) Kamaran: (đảo) Hai Trắng. Âm Q, trong tiếng Ả rập, thành âm K khi dùng làm địa danh; Qamaran thành Kamaran. / Qamar: trắng (số ít); qamaran: trắng (số nhiều) hoặc 2 trắng mà không cần dùng số 2; nhưng dùng Ithinin (2) trước qamaran cho rõ nghĩa “hai trắng” cũng được.

Anne-Cath Vestly

Nhà văn Anne Cath(arina) Vestly, sinh ngày 15 tháng 2 năm 1920, suốt đời đi chơi với trẻ con và viết sách cho các em thơ đọc, đã kể đại khái như trên về cuộc hành trình văn chương của bà ròng rã nửa thế kỷ. Từ năm 1953 cho tới năm 2000, Anne-Cath Vestly viết được 60 tác phẩm, bà nhận được ba mươi Giải thưởng Văn học của nhiều Tổ chức, Cơ quan văn hóa, văn nghệ như Bộ Văn hóa, Phủ Quốc vụ khanh Văn hóa Na Uy ...

Rất Nhiều - Sả Mangt

Nguyên tác: Anne-Cath Vestly Bản Việt ngữ: Dương Kim

Đã gặp nhau vài lần trước, bà cũng chào hỏi và tán gẫu với ông trong cửa tiệm cũng như ở ngoài đường; nhưng vào một hôm, cả hai cùng ngồi trong phòng mạch đợi bác sĩ, lúc ấy ông nhìn bà và nói chuyện chân thành

*

Tôi không muốn trở thành một ông già cau có. Tôi đã tính đi, tính lại như thế rồi. Mấy đứa con trai tôi không thường đến thăm tôi; chúng chẳng muốn đến, nhưng khi nào lâu quá chúng lại đến; tôi cảm thấy cay đắng, tổn thương và thất vọng. Như cách đây vài năm, có ông chính khách nói thế; lúc đó, tôi tựa như vợ vào mình

Thật ra, hồi còn trẻ, mình như thế nào nhỉ, đầu óc lúc nào cũng đầy những chuyện đang làm, trong công việc lẫn ở nhà, với vợ và ba đứa con trai.

Tôi có thường nghĩ đến bố mẹ không? Có chứ, dĩ nhiên là có, có bố mẹ để trông coi mấy đứa trẻ cũng tốt. Nếu Astrid với tôi đi chơi tới, hoặc khi mấy đứa trẻ được nghỉ lễ mà chúng tôi phải đi làm. Chắc chắn tôi thương yêu bố mẹ rồi, nhưng vì còn nhiều chuyện khác, và mỗi lần hoặc có khi Astrid quên băng bố mẹ tới vài tuần, hay có khi cũng cả mấy tháng, nhưng khi nhớ lại bố mẹ, cô ấy vội đi thăm ngay; đến lúc bà mẹ tôi phải sống đơn độc, vài năm sau vào nhà dưỡng lão; lúc ấy, tôi lại ghé thăm thường, nhưng sao khó tìm được chuyện để nói; rồi sau đó tôi bỗng trở nên mệt mỏi; nhưng lại vui khi mình có thể sắp xếp được chuyện gì đó cho mẹ, những việc thực tế như mua gì hay trả tiền, chẳng hạn đặc mua một bó hoa tặng ai mà mẹ quen biết.

Giờ chính tôi, Hans Fredrik lại già, điều lạ lùng là bây giờ tôi nghĩ đến bố mẹ tôi từng ngày một, như thể chúng tôi có nhiều chuyện để nói. Tôi chẳng than van gì cả. Sức khỏe cứ tốt là êm, nhưng nếu sức khỏe bị suy nhược, cũng không phải chuyện sẽ qua được ngay.

Người ta phải tranh đấu một chút, cho sự sống.

Giờ thì cả ba đứa con trai của tôi lần lượt đến thăm. Đôi ba lần chúng đến, dẫn theo vợ, vài lần khác mang theo con. Thỉnh thoảng chúng cũng đến một mình, cứ nói chuyện về xe hơi, công việc và nhà cửa. Vâng, đứa nào có nhà, ắt nhiều lo lắng, tôi biết mà. Tôi nghe chúng nói.

Song điều tôi trông ngóng nhất, trong ánh mắt chúng nhìn ra sao, chúng có khỏe hay chỉ loay hoay, rồi có bị kiệt quệ không; chúng có từ tế với vợ con không; chắc cũng trôi, sạt như tôi với Astrid vậy.

Thời để yêu, là thế đấy, và thời để ghét.

Điều sau, hơi đau lòng một chút, nhưng có lẽ ai cũng phải trải qua. Nếu chuyện chẳng đi đến đâu, một lúc nào đó, mình phải dùng đến trí khôn.

Tôi và Astrid đã làm thế, nhưng chắc hơi trễ; nhà tôi bị bệnh, tôi biết tôi sẽ mất bà. Lúc ấy chúng tôi chẳng còn ghét nhau, nên đã có một sự kết hợp chân thật, và tôi thường nói chuyện với nhau.

*

Tôi tự lo được cho mình đồ ăn, quần áo, và

hàng ngày tôi vẫn sống. Một lần, có người chơi dương cầm giỏi nói với tôi: "Anh có biết khi tôi ngồi dợt đàn, tôi nghĩ mỗi âm là một thanh, tôi muốn làm quen và yêu thích."

Tôi thì không chơi dương cầm, cũng chẳng chơi nhạc khí nào khác, nhưng tôi chia một ngày của mình thành ra những thứ luyện có thể luyện tập được, nên việc gì tôi cũng làm xong; coi mỗi việc như một thanh âm nhỏ, mấy ngón tay và cả hai bàn chân nữa, cũng làm việc, cùng với bao ý nghĩ đi theo tôi suốt cả ngày. Mấy đứa con trai tôi nói:

- Đáng lẽ bố phải có một cái máy video nữa.

- Không, tôi lắc đầu, mỉm cười, nhưng tôi không nói cho chúng biết tôi cười gì. Tôi chỉ nghĩ đến những cuốn video mà tôi có trong đầu. Như mỗi buổi sáng, khi làm xong việc nhà, trải giường, rửa chén ăn sáng, và có lẽ cả giặt quần áo nữa, tôi thật mệt nhừ; lúc ấy, tôi ngồi xuống coi phim video của ngày-hôm-nay, không phải là loại phim mà người ta phải đút vào đầu máy video.

Không đâu, tôi chỉ cần quyết định là mình sẽ đi ngược trở lại bao xa, trở thành một đứa bé nhỏ; đứng câu cá bên suối, hoặc gặp vợ tôi lần đầu; hay đi theo đứa con đầu lòng của chúng tôi khi nó còn nhỏ; hai chúng tôi làm việc chung với nhau rất hợp, hay đứa con giữa lúc nào cũng chỉ trò, cho tôi một cái gì đó. Hầu như cái gì nó cũng chỉ trò, cốt cho tôi coi, vì nó sợ nó bị quên lãng giữa thằng anh lớn với thằng em út của nó.

*

Cả thằng út cũng thế. Nhảy cảm lắm. Lần đầu nó thất tình, xem chút nữa tự từ rồi; sau đó, nó đi biến đâu mất vài năm để nó tự tìm lại chính nó, nó nói thế đấy.

Tôi chẳng biết nó tìm thấy gì, nhưng nó lại trở về sống với chúng tôi nhiều năm rồi lấy vợ.

Tôi cũng có thể lựa chọn ở chung với các con, cùng với những cuộc đi chơi, ngửi thấy mùi biển hay rừng, núi; nghe những tiếng nói lớn lên dần trong ký ức. Nhưng rồi ngày như thế cũng chấm dứt.

Tôi là tôi, sống với cuộc sống của mình, mỗi ngày đọc nhiều, đọc hết tờ báo; giờ thì tôi hài lòng, đọc tiếng Nga, vì tôi thường muốn đi Nga. Tôi học chữ cái, khó lắm, luôn cả những tên đường, dù không hiểu nghĩa.

Học vui lắm, thời giờ qua đi như khói, rồi tôi đi chợ. Ở đó, có những cô gái trẻ bên các quầy thu tiền, ừ, có vài cô cũng tân thời lắm, như bà biết đó.

Họ dễ chịu, đều rất tốt, tôi gặp nhiều người ở tuổi của tôi, âm thầm hiểu nhau; trong mắt của các cô gái, chứa rất nhiều tiếng cười; còn ánh mắt các ông, đầy tình bằng hữu. Không phải chúng tôi thường xuyên nói chuyện với nhau, chỉ qua lại rồi biết về nhau thôi. Đi ra ngoài chơi quả là thú vị, cử động thân thể, nói chuyện mơ màng về một bữa ăn mà mình sẽ đi dự. Hoặc có lẽ nên tới thăm cái bà ở trên lầu ba, bà ấy yếu lắm; nếu tôi tới thăm một chút, bà ta vui và niềm nở ngay. Còn cái radio, có thì cũng tốt, bao chuyện vui trong một vật nhỏ như vậy. Nó có cả nhạc, giọng nói; nó làm cho mình cứng cỏi trước khi mình nghe tin tức trên ti vi; bởi lúc ấy mình ngồi một chỗ mà đón cả thế giới vào mình, đau khổ cho những người có nỗi đau buồn; khóc với những người đang khóc và la mắng những người đang la mắng.

Tôi cũng thích cả kịch nữa, khi nói về chuyện về những người mà tôi có thể tin tưởng.

Nhưng ngoài ra, tôi thích đọc sách vào buổi tối hay lặng yên chơi bài một mình. Ván bài nó tự đi theo mấy nước bài. Hoặc nghe tin nói về thời tiết.

Lúc tôi đi nằm, cũng chẳng coi video, chỉ để cho những ý nghĩ thoáng nhanh qua rất nhiều chuyện, cùng lúc: con trai, đàn ông và cụ già. Mình chỉ có thể làm như thế, mình chỉ còn một số năm sau lưng.

Ô, giờ hẳn là tới phiên tôi rồi. Thử xem giọng bác sĩ nói ra sao để bảo tôi tập dượt hôm nay đây?

-Thôi chào nhé, *cung*. Chắc sẽ gặp lại *cô* trong tiệm một ngày nào đó.

*

Và cô-gái-ấy, cũng chẳng phải là loại trẻ trung gì, ngồi đấy, nói mơ màng rằng bà sẽ làm một bữa cơm chiều hấp dẫn, cho một ông già nào đó, người mà bà sẽ kết hôn, đang ngồi nhà đợi bà đi bác sĩ về. Một bữa ăn ngon, lúc ấy bà cũng chẳng cần phải nói:

"Một thời để yêu, một thời để ghét và một thời để..."

Dương Kim

Phố tôi ở chiều nay

Phố tôi ở chiều nay

Có một người già bước ra đường với nụ cười bí hiểm

Như là đặc ý, là hãnh diện

Về quyết định vừa nhận ra: quá đúng: Ra ngoài

Phố tôi ở chiều nay

Có cô gái bông hoa tươi trên tay, đi cái điệu nhún nha nhún nhẩy

Cái điệu bà mẹ trẻ bông con: Của tôi đây!

Phố tôi ở chiều nay

Có thơm mùi cỏ hót

Mới mẻ, hăng hăng, roi rói, nhưng nhăng

Khoe phần tham dự vào cuộc xuân sai nắng

Phố tôi ở chiều nay

Có mùi bánh mì như cũng khác, như muốn thổ lộ điều gì đây

Có thể là, nụ cười người nhào bột chiều nay rất lạ, bánh vui lây

Phố tôi ở chiều nay

Có lũ nít băng qua đường mà không sợ sói

Làm gì có sói trên đời này!

Niềm tin cực mạnh

Phố tôi ở chiều nay

Có miệng con hôn tôi ba cái

Tay con hái nhánh bồ công anh, rồi thôi

Cho tôi hát: Để gió cuốn đi (*)



Mạch Nha (19/04/2007)

Gửi anh,

Cùng em một lúc như vui

Cảm ơn anh chịu trận những ngày...

(*) *Trịnh Công Sơn : Sống trong đời sống, cần có một tấm lòng*

Để làm gì, em biết không ?

Để gió cuốn đi...

Ngậm Ngùi Còn Đó

Lời người viết

Trong mỗi cuộc chiến đều có những huyền thoại. Trận Điện Biên Phủ năm 1954 là một huyền thoại quân sự đưa tới chấm dứt chiến tranh Việt-Pháp và hiệp định Geneve chia đôi đất nước. Nhưng có lẽ đã đến lúc không nên nhìn huyền thoại từ một phía mà trong mỗi cuộc chiến, mỗi con người là mỗi đau xót và hào hùng của chính họ, dù họ là người chiến thắng hay kẻ chiến bại.

Trận đồi Him Lam là tiếng súng khởi đầu của Trận Điện Biên Phủ. Tiếng súng thì đã thuộc hẳn về lịch sử, nhưng những con người dù ở lẫn ranh nào cũng đều là những số phận đáng thương mà sự ngậm ngùi thì vẫn còn đó.

Dương Kiên

Đúng 5 giờ 15 một loạt tiếng nổ chồng lên nhau như xé toạc không gian, mặt đất rung lên, bụi đất rơi như mưa lên người Paul và Phan. Trong vài giây dài như cả tiếng đồng hồ Phan không cảm thấy gì, không sợ, cũng không ngạc nhiên, chỉ thấy đầu văng vất như xé màng nhĩ. Trận chiến đã khởi sự như thế, đêm ấy cứ điềm Him Lam tức Béatrice thất thủ, trung tá Gaucher bị pháo chết, Langlais lên thay và không còn chuyện Phan lên máy bay về Hà Nội. Chàng đã xa Khanh như thế, hình ảnh cuối cùng là một vì sao cuối giải ngân hà trong mắt Khanh, sao Khanh...

Khi những quả đạn pháo đầu tiên rơi xuống Béatrice và phân khu trung tâm, Piroth thực sự sửng sốt. Đại bác của Việt Minh không đặt ở bên kia đỉnh núi như Piroth quả quyết mà ở ngay bên này triền đồi dốc, trên một cao độ mà ông không cho là sức người làm được. Ở bên này sườn đồi, ở độ cao ấy họ có thể trút đạn xuống đầu ông như trẻ con chơi đồ liệng đá. Ông đã quá chủ quan không cho đào hầm bảo vệ các khẩu pháo lấy cớ dễ dễ bắn về mọi hướng, không phủ lưới nguy trang và suýt chút nữa còn không chịu dùng các bao cát che chắn rồi khi một phóng viên báo chí chẳng biết gì về quân sự cũng phải thắc mắc hỏi ông không sợ Việt Minh quan sát thấy rõ pháo của ông sao thì ông nhún vai trả lời giống như đã nói với Phan:

- Họ thấy thì thấy nhưng làm sao họ có thể bắn tới đây?

Bây giờ thì họ đã bắn tới đây, với một cường độ và độ chính xác mà ông không lường được. Hai

tai nhà nghề của ông cho ông ước lượng khoảng 20 khẩu đại bác 105 ly mà chúng ở đâu, ông không biết. Khi cho phản pháo vào những chỗ tiếng nổ và tia sáng lóe lên, ông vẫn nghe rõ ràng 20 khẩu của địch tiếp tục nhả đạn, ông biết rằng mình đã bắn vào trận địa pháo giả. Khi Langlais hỏi:

- Anh có biết đại bác của Việt Minh ở đâu không?

Ông chỉ lên một vùng bản đồ nói:

- Có thể ở đây. Hoặc có thể ở đây.

- Anh có thể làm câm họng chúng không?

Piroth nhún vai. Langlais nhìn thấy nước mắt ứa ra trong khoé mắt ông. Đối với ông, như ông đã từng nói với Phan, thế là hết. Béatrice mất là lỗi của ông, Gaucher chết là lỗi của ông. Cả Điện Biên Phủ cũng đã mất rồi khi những trái đạn đầu tiên của địch phá hủy hai khẩu 105 ly, một khẩu 155 ly của ông. Dù vẫn còn lại ba khẩu 155, 22 khẩu 105 ông cũng không làm gì được 20 khẩu của địch được bảo vệ tốt đến thế, nguy trang khéo đến thế.

Từ khi Béatrice mất, rồi đến hôm sau khi Gabrielle hấp hối ông chạy từ chỉ huy sở này sang chỉ huy sở khác không phải để phân trần mà để tự nhận ông đã sai, pháo binh của ông đã không thể, như ông hứa với Navarre: "Chỉ cần họ bắn ba phát là tôi đã khóa họng họ rồi". Không, họ đã bắn sang hàng ngàn trái mà ông không ra được một lệnh phản pháo nào chính xác, các đài quan sát trên các đỉnh đồi đều báo về các phòng đoán mơ hồ, còn sáu chiếc trinh sát thì hoặc không cất cánh được hoặc được các trận địa

pháo giả của địch đánh lừa.

Từ hơn một ngày nay ông không ăn không ngủ, bơ phờ, mắt đỏ ngầu, anh hầu cận người Sénégal đỡ thể nào ông cũng không chịu húp một muỗng súp nóng mà khó khăn lắm anh mới nấu được vì chiếc bếp còn đã bị một mảnh lựu pháo phá nát, anh phải nhúm lửa bằng mấy que củi như một bà già nhà quê. Chai cognac mới mở vẫn còn nguyên trên bàn bên cạnh khẩu súng lục chỉ huy mà giờ đây ông không mang nữa. Ông, một quân nhân trọng danh dự, người đã hứa với thượng cấp là không để pháo binh địch đánh được ưu thế nào. Mặc dù ông không phải là người duy nhất ảnh hưởng đến việc thành lập tập đoàn cứ điểm nhưng cái gậy đầu của ông ngày nào cũng góp phần đưa lên đây hàng vạn con người. Ông, người chỉ huy pháo binh mà khi địch trút mưa đạn vào Béatrice làm sụp đổ mọi hy vọng phòng ngự, ông chỉ biết trân trân nhìn về hướng những triền núi đen mà ở đây pháo thủ địch đang bắn như trong một buổi diễn tập.

Tờ mờ sáng ngày 15 tháng 3 đại tá Piroth loạng choạng về hầm của mình. Hầm tối om nhưng Piroth biết rõ chiếc giường của mình ở góc nào. Ông nằm lên giường, đưa tay tìm trái lựu đạn trong thùng đạn ở đầu giường, dùng răng cắn chốt an toàn áp lên ngực. Ý nghĩ cuối cùng của ông làm ông ngạc nhiên: sao trái lựu đạn nhẹ thế!

Ba ngày sau Castries mới đánh điện tín về Hà Nội báo tin Piroth tử trận. Một bức điện từ Hà Nội đánh vào Sài Gòn cho Navarre: "Đại tá Piroth anh dũng hy sinh.". Navarre chuyển bức điện về Paris không một lời bình luận trong khi đó xác của Piroth được chôn sơ sài ngay chỗ giường nằm của ông.

Tin Piroth chết truyền đi nhưng không ai nhắc đến chữ "tự sát". Không ai biết ông được chôn cất như thế nào trong khi vào thời điểm ấy, trung tá Gaucher vẫn còn được dành cho một nghi lễ nào đó. Nhưng không ai thắc mắc vì những "tin xấu" đồn dập: Béatrice không lấy lại được, cuộc phản kích lên Gabrielle bị chặn đứng, lính Thái ở đồn Bàn Kéo đào ngũ hàng loạt, chỉ ba ngày sau khi cuộc tấn công bắt đầu máy bay không đáp xuống ban ngày được nữa, chỉ có các phi công liều mình đáp xuống trong đêm tối mờ nhưng đến ngày 28 tháng 3 thì chấm dứt hẳn, Điện Biên Phủ hoàn toàn bị cô lập với thế giới bên ngoài.

Có người có lý do để chết, như Piroth, chết vì

danh dự một quân nhân, như Paul Pégau, nhưng hoàn toàn vì một lý do khác. Pégau là thiếu tá chỉ huy cứ điểm Béatrice, nguyên là lữ đoàn phó lữ đoàn lê dương số 13 đóng ở trại Arnault-Ville cách Sài Gòn 30 cây số. Đây là năm cuối cùng nhiệm kỳ phục vụ tại Đông Dương nên Pégau muốn vợ con sang chơi, người vợ mà ông hết lòng yêu thương dù đôi khi ông cũng lảng nhảng như hầu hết những người đàn ông xa nhà.

Vợ Pégau không đáp máy bay mà chọn tàu thủy để được hưởng cuộc hành trình ghé qua nhiều hải cảng. Từ kênh Suez ở Ai Cập bà gửi thư cho biết đã lên bờ thăm các Kim Tự Tháp. Vài ngày sau ông nhận được công điện mật ghi: "Đề nghị báo thiếu tá Pégau, vợ ông đã mất tích ngoài biển.". Khi tàu cập bến cảng Sài Gòn ông lên tàu để hỏi rõ sự việc. Viên thuyền trưởng không biết nói gì hơn là vợ ông bỗng mất tích trong một đêm tàu đang đi ngang Ấn Độ Dương, không để lại một dấu vết nào, đồ đạc tư trang của bà vẫn còn nguyên, được cất giữ, lập biên bản và trao trả cho ông. Ông trở lại trại Arnault-Ville, thờ ơ với công việc hành chánh vốn là trách nhiệm của mình. Khi biết đang thiếu tiểu đoàn trưởng chỉ huy tiểu đoàn 3/13 B.D.L.E trấn giữ cứ điểm Béatrice ở Điện Biên Phủ, ông tình nguyện và được chấp nhận.

Khi Việt Minh nổ súng lúc 17 giờ 10 ngày 13 tháng 3 tuy đạn pháo có dữ dội thật nhưng Pégau tin ở sự bố trí phòng thủ vững chắc của Béatrice và nhất là ở tiểu đoàn lê dương 3/13 từng là tiểu đoàn thần thoại mang lá cờ Bir Hakeim là nơi có chiến đấu ở Lybie với quân của Rommel trong 16 ngày bị vây hãm mà không đầu hàng. Nhưng chỉ sau nửa giờ khi từng công sự sụp đổ tan tành dưới đạn pháo mãnh liệt và chính xác không ngờ thì ông biết mình đã lầm. Vào lúc 18 giờ 30 chiều quả đạn bắn trúng ngay hầm chỉ huy của Béatrice, giết chết Pégau. Ông đã chết như một quân nhân, nhưng khác với Piroth, vì một lý do khác.

Nhưng trung sĩ Néron Hansen thì không có lý do gì để chết. Người Bắc Âu, hoặc nói cho thật đúng là người Na Uy, cao lớn, mắt trong xanh, tóc vàng hoe, cả lông mày cũng là hai vạch vàng, đã 26 tuổi nhưng nét mặt vẫn có một vẻ gì như ngây thơ. Néron gia nhập đoàn quân lê dương chỉ vì chàng không thể ở Na Uy và cũng có thể chăng, một phần nào đó, cái máu phiêu lưu của dân Viking.

Năm 1940 khi Đức xâm lăng Na Uy, Néron mới 13 tuổi, ở với mẹ ở Tromsø, bỏ đi đánh cá mất

tích ở trên biển năm Néron 10 tuổi. Đánh cá là công việc của hầu hết đàn ông vì lúc ấy Tromsø còn là một tỉnh nhỏ nghèo nàn ở miền bắc Na Uy, ruộng đất không có, khí hậu khắc nghiệt, mà biển Bắc thì cũng khắc nghiệt không kém, đã nhận chìm bao con tàu đánh cá nhỏ bé, trong đó có con tàu của ông Ole Hansen. Mẹ của Néron là cô giáo vườn trẻ một mình nuôi con, kể ra cũng không đến nỗi nào nếu không có chiến tranh...

Chiến tranh làm cho Na Uy vốn là xứ nghèo nhất châu Âu càng nghèo hơn. Kỹ nghệ eo uốt của Na Uy bị Đức trưng dụng phục vụ chiến tranh, đánh cá xa bờ bị cấm, trồng trọt thì đất đai cằn cỗi, nhỏ hẹp, một số trốn sang Thụy Điển vẫn giữ được qui chế trung lập, một số theo vua Håkon lưu vong sang Anh kháng chiến. Cái đói hiện lên khuôn mặt hốc hác của mọi người. May mắn mẹ Néron vẫn được giữ làm cô giáo, được phát phiếu để mua những khẩu phần lúc đầu cũng khá nhưng sau dần chẳng còn gì đáng kể lắm. Mùa hè đỡ khổ hơn mùa đông, lạnh đến tất cả đông thành đá, vòi nước trong nhà không chảy được mà mấy ai có tiền mua củi, ngoài ra nhà nào có mảnh vườn nhỏ thì trồng những luống khoai tuy cũng chẳng cho được bao nhiêu củ. Néron theo lũ bạn đi câu cá, mò những con sò xanh, blåskell, bơi thuyền ra những hòn đảo trọc lợm trũng chim hải âu, những con mأكه, đẻ nhiều vô kể. Thêm thịt có khi bọn chúng bẫy cả hải âu, thịt tanh nhưng biết làm thì cũng ăn được.

Rồi do đâu mẹ Néron quen với Gunter thì Néron không biết, cậu chỉ biết người sĩ quan Đức ấy dần dần lui tới nhà Néron thường hơn. Néron không ưa cũng không ghét Gunter, chỉ thấy bữa ăn mỗi ngày một khá hơn và khi Gunter cúi vào tay cậu mấy thỏi sô-cô-la thì cậu không từ chối. Khi có người nửa mĩa mai nửa tức tối hỏi: “Mẹ mày là tình nhân của thằng Đức khốn kiếp ấy hả?” thì Néron không thấy xấu hổ hay tức giận, có lẽ vì cậu chưa hiểu nghĩa chữ “tình nhân” cũng như chưa thấm thía thân phận của một dân tộc dưới ách xâm lăng.

Thời gian đầu bà Kristine, tên con gái mẹ Néron, còn kín đáo tiếp Gunter ở nhà, nhưng rồi ở cái tỉnh nhỏ ấy chẳng gì giấu được ai, bà công khai đi ra ngoài với Gunter. Mùa hè ở Tromsø những ngày đẹp trời mặt trời không lặn, nửa đêm cái vòng tròn đỏ rực vừa xuống đến chân trời thì lại vươn lên, tỏa sáng. Những đêm như thế Gunter thường rủ mẹ con Néron đi chơi dã ngoại, đem theo đồ ăn ra bờ sông có cá hồi, cá laks tiếng Na Uy, vừa câu vừa ăn uống. Thức ăn

ngon mà hiếm khi Néron được ăn, có cả rượu vang trắng miền Alsac. Gunter lội xa bờ câu cá, còn Néron ngồi trên bờ nghe tiếng cá lội ngược dòng hay chạy xuống dòng vọt phụ Gunter kéo lên con cá hồi vây bạc óng ánh.

Néron cảm thấy mẹ cậu thành thật yêu Gunter. Gunter không có cái nghiêm nghị khắc khổ của người Đức mà dường như còn hơi ẻo lả và tuy ông không nói ra, Gunter cho thấy bằng một cách nào đó việc ông cầm súng là bất đắc dĩ. Ông không bao giờ nói về chiến tranh với bà Kristine, chỉ ngồi hàng giờ say sưa bàn về Henrik Ibsen, về Bjørnson... Có hôm ông mang đến chiếc máy hát, trịnh trọng lấy ra chiếc đĩa 70 vòng, quay giây cót, căn phòng vang lên tiếng nhạc Morgen Stemning của Edvard Grieg.

Bà Kristine là người đàn bà cao lớn, khỏe mạnh, tóc vàng mắt xanh như đa số đàn bà Bắc Âu khác, má hồng phơn phớt những sợi lông màu bạc và tuy đã ngoài ba mươi, nét mặt bà vẫn lộ vẻ thơ ngây. Đó là nét mặt Néron thừa hưởng của mẹ. Bà yêu Gunter, yêu cái tâm hồn nhạy cảm gần như đáng thương ấy. Bà chỉ biết Gunter là Gunter, bà biết Gunter là người Đức nhưng dưới mắt bà chưa bao giờ Gunter là nước Đức Quốc Xã.

Khi Néron có đưa em cùng mẹ khác cha thì cũng là lúc Gunter bị tuyên chuyển sang mặt trận Miền Đông nơi quân Đức đang sa lầy nghiêm trọng. Cuộc sống trở lại khó khăn đã đành, người Na Uy quanh mẹ con Néron tỏ thái độ hằn thù thấy rõ. Rồi khi chiến tranh chán dứt thì bà Kristine chỉ còn một con đường không phải cho bà mà cho Néron. Bà sửa soạn cho Néron vài bộ quần áo, cúi vào tay Néron một nắm tiền, nói:

- Con đi đi, đi bất cứ đâu, đường trở về nữa.

Bà hôn lên mái tóc vàng của Néron, không khóc, đẩy cậu đi. Néron chưa bao giờ thấy mẹ cương nghị như thế. Bà không ân hận.

Néron đi nhờ xe xuôi về Nam. Bây giờ chàng đã là một thanh niên 18 tuổi, học hành dở dang, tứ cố vô thân, chàng không tính ở Na Uy nữa. Trong lịch sử Na Uy số người Na Uy tha phương cầu thực bằng cả dân số Na Uy và hình như không thiếu người có sự nghiệp. Thế là Néron vượt biển qua Đan Mạch, vừa đi vừa kiếm việc làm độ nhật, qua Đức, Hoà Lan, Bỉ rồi đến Pháp. Ở Pháp chàng gặp Otto, người đồng hương hơn chàng hai tuổi cùng làm hầu bàn trong một tiệm ăn. Một hôm đánh vỡ một chồng đĩa, vừa bị trừ lương vừa bị mắng nhiếc, Otto chửi đồng:

- Mẹ kiếp, thân tao với mày như thế này mà đi hầu bàn mãi à! Đi, đi với tao, đăng lính lê dương
Néron trở thành người lính dù lê dương trung đoàn 13 danh tiếng như thế.

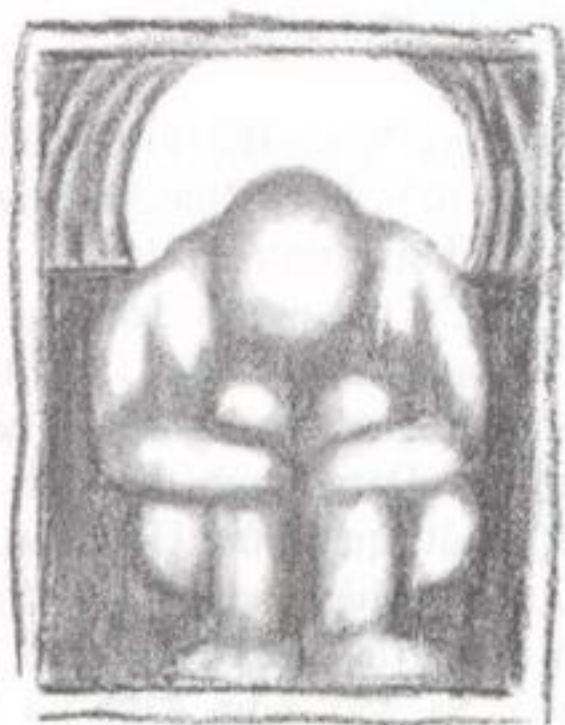
Lúc 18 giờ 30 ngày 13 tháng 3 ở tổng đài phân khu trung tâm sau khi gọi liên tục cho Béatrice không thấy trả lời, đột nhiên người ta nghe một giọng nói hồn hèn:

- Béatrice đây! Toàn thể ban chỉ huy cứ điem đã tử trận...Một quả đạn lọt trúng hàm...Tất cả...chết hết...chết hết...

Đó là giọng trung sĩ Néron giờ đây trở thành người chỉ huy duy nhất cuộc kháng cự chung quanh chỉ huy sở, Béatrice không còn sự chỉ huy chung, các đại đội tự lực chiến đấu mà hầu hết không còn sĩ quan chỉ huy nữa, chỉ còn hạ sĩ quan như Néron. Mà thật ra cũng chẳng cần chỉ huy, mạnh ai lấy lo nhắm bắn từng đợt xung phong của quân Việt, hết đợt này đến đợt khác trong khói lửa mù mịt. Họ như không bao giờ hết quân, mọc ra ở đâu không biết từ rất gần, hò hét xông lên. Sau 12 giờ đêm thì Néron, không có lý do để chết, cùng một nhóm người còn lại quyết định liều mình chạy xuống sườn đồi phía bắc của Béatrice 1, nơi còn có bụi cây rậm rạp chưa kịp khai quang. Họ gặp may, quân Việt không bố trí ở hướng đó hoặc đã xông hết vào cứ điem rồi. Họ nằm phục trong bóng đêm nghe tiếng đạn nổ rền cho đến gần 2 giờ sáng mới thừa dần rồi dứt hẳn. Tờ mờ sáng, khi nhóm của Néron và mấy nhóm nhỏ khác chạy về tới phòng tuyến Pháp thì họ còn 95 người, đó là tất cả những gì còn lại của tiểu đoàn lê dương 3/13 quân số 500. Lá cờ Bir Hakeim để lại trên đỉnh đồi Him Lam.

Dương Kiên

(Trích truyện dài “ Cuối Đường Chưa Đến”)



Thơ nguyên ngọc thuận



Sea dead

Với em nổi bông bênh
Biển mặn trời mông mênh
Âm thanh từ biển chết
Xô lệch đá gập ghềnh

Môi sinh nằm bất động
Mặt trời hòa diệm sơn
Hương nồng mùi thuốc súng
lao xao đá sỏi mòn

Thả hồn vào quá khứ
Hồn mặc khái chông chênh
Người đeo mang thập tự
Chưa đủ cứu oan khiên

Ngỡ trăm ngàn oan nghiệp
Sẽ quên hận xoá thù
Đủ nhớ lời tâm huyết
Đủ làm một chân tu

Vẫy chào đoàn du mục
Khi bình minh hơi sương
Giã từ lòng biển chết
Về với giấc miên cương.

Chút đông dị mộng

Khi thời tiết ngã vào đông
Cây tang thạch nhũ , gió gươm vằn trời
Đàn cừu thờ khói thành thời
Tượng đồng cổ tích ngậm phôi đoạn trường
Đường băng thạch trận từ chương
Mây trầm núi sắc dựng sườn nguyên sơ
Chiều chen leo lắt nắng mờ
Trăng treo hồn khói bếp tro lửa tàn
Trầm tư khúc hát da vàng
Trôi theo cánh hạc thênh thang bầu trời
Hồn xưa xuôi ngược đã đời
Xác mang hạc tuổi lỡ thời làm chim
Quốc kêu trầm mặc hành trình
Đèo cao dốc thâm núi im trắng đầy
Hàng cây trơ những cánh gầy
Kiếm trong bao khóc giờ tay hàng tề
Mượn thân du mục chân quê
Chút xưa dị mộng đáng tê còn thêm.

Hành trình độc đạo

Mẹ nín yêu thương với tháng ngày
Con sông ngẫu đục cõi phiên vây
Lặn bèo lặn cỏ trôi vô định
Âm i trong tâm với tuổi dài

Tháng tận ngày qua mẹ vẫn cười
Lặn theo nhang khói biển dâu đời
Mẹ như cánh hạc chiều đơn lẻ
Trái đắng theo hầu suốt tứ thời

Vẫn trả nợ đời cho trái héo
Ôm từng kỷ niệm chết mang theo
Trăm nghìn giọt lệ giờ tay hứng
Thả cả hồng nhan nhận kiếp nghèo

Thơ nguyên ngọc thuận



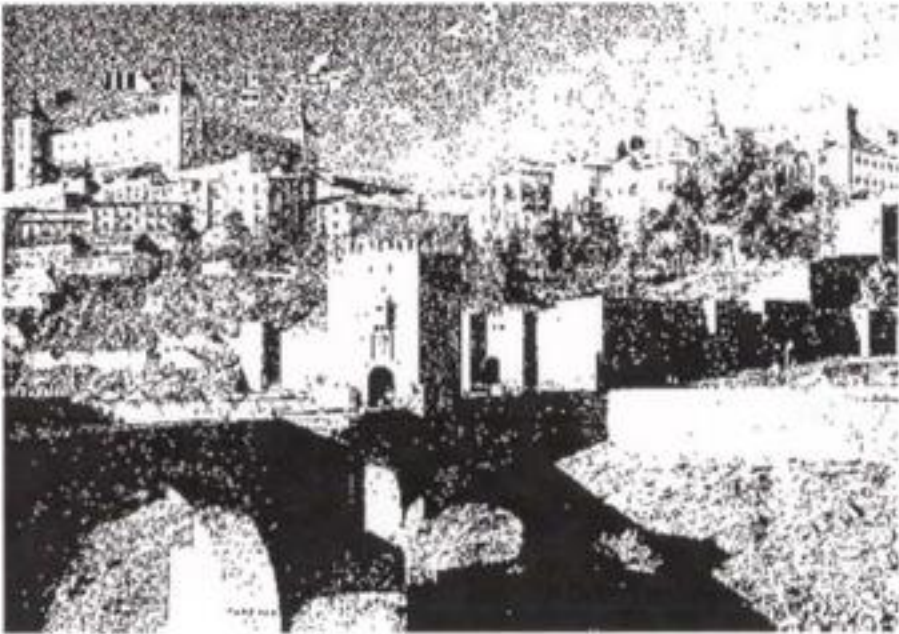
Mẹ bỏ quê treo đời tị nạn
Nằm im bó gối một mình khan
Tháng đời khánh tận tóc trắng rồi
Chẳng thể ngỏ lời không trách than

Non sông bưng tình một màu tươi
Chỉ chốc lát mà thấy ngọt bùi
Chỉ chốc lát rồi còn nghĩ lại
Chuyện gì mình sợ nhất trong đời?

Mẹ sáng ngời với bấy trẻ dại
Thức bao đêm nhớ chuyện đường dài
Cổ rắng cuộc đời khi nín thở
Mặc thầy bầm dập vóc hao gầy.

Mê Lộ

Nguyễn Văn Thà



Nếu, ở Tây Ban Nha hoặc nói rộng ra cả thế giới, tôi buộc phải chọn một thành phố mà thôi, tôi hẳn chọn Toledo. Ngay từ giây phút đầu có cái gì đó nơi thành phố này làm tôi say đắm, cái gì đó chạm tơ hồn tôi – biết đâu chừng từ kiếp trước.

Toledo cách thủ đô Marid khoảng một giờ lái xe, và nhiều du khách từ Marid đến đó dạo chơi trong ngày. Toledo là một thành phố được đan dệt bằng lịch sử, có những nét quyến rũ độc nhất vô nhị, và vẻ cổ kính khơi nguồn mọi trí tưởng. Bạn có thể đi ngược lại thời gian và đắm mình trong bầu không khí Trung cổ, lắng nghe lời sông Tajo cùng tiếng đồng vọng của những xa xưa, hít đầy buồng phổi không khí khô ấm đã từng gợi hứng cho họa sĩ El Greco, và đi trên những viên đá lát đường văn hào Cervantes đã bước lên.

Toledo được người Hi Lạp đặt nền móng, người La mã xây dựng và các vua người Tây Goths dùng làm thủ đô, bị người Ả rập chinh phục, rồi người Kitô giáo chiếm đóng, thành phố này với hàng ngàn năm lịch sử ấy nằm trên một ngọn đồi rộng có giòng sông Tajo bao quanh. Rồi những phế tích La mã, dinh thự Ả rập, các nhà nguyện Hồi giáo và hội đường Do thái, những ngôi nhà Trung cổ, giáo đường và tu viện. Thật khó mà nói đã có bao nhiêu đời thay từ thời mà người Tây ban nha, người Ả rập, Do thái và người Kitô giáo sống chung an bình, thân ái với nhau. Chúng ta có thể cảm cảm những bóng dáng vô hình của họ và nghe họ thì thầm đâu đây. Những con đường nhỏ, khuất lánh. Các cửa hàng bày bán đầy những đồ kỷ niệm, gì cũng có, từ những thanh kiếm Toledo,

đồ trang sức, cho đến những mẫu tượng Don Quijote và những bức tranh nhái El Greco. Viện bảo tàng, tiệm ăn, người người tấp nập. Tuy nhiên, dù bầu không khí có mang tính thương mại như thế, thành phố vẫn giữ được vẻ quyến rũ, nét độc đáo. Những con đường nhỏ, những ngõ hẻm khuất lánh. Ban đêm, khi đường phố vắng người, là thời gian tốt nhất để đi khám phá những bí mật của thành phố. Lúc mặt trời đã khuất, ánh sáng biến mất, người ta liền cảm thấy như mình đang trở lại thời Trung cổ, thời mà Đức Mẹ Maria có thể xuống với trái đất này, thời mà những phép lạ vẫn xảy ra nhưng không. Nếu nhìn vào bản đồ Toledo, người ta sẽ thấy ngay cấu trúc của thành phố thật rối rắm. Tình trạng này bắt đầu từ thời người Ả rập thống trị. Đường hẹp và thường là đường ngõ cụt là một cách để bảo vệ thành phố, buộc những kẻ xâm nhập phải sa vào một hệ thống mê lộ không cùng. Thật lạ là sau cả sau nhiều trăm năm, bây giờ, khách du vẫn cảm thấy như bị rơi lọt vào cái thành phố tự phòng thủ như thế, cảm thấy rờn rợn giữ khuya, khi người người biến mất khỏi đường phố, lúc không còn một bóng dáng nào, ngoại trừ những con mèo hoang moi đồ ăn nơi những thùng rác. Khách đi, đi thật lâu mà không biết mình đang ở đâu và mình đang đi theo hướng nào. Trong tình cảnh vô vọng như thế, khách lại được một cơ hội tuyệt vời sống với cái cá tính nguyên tuyền của thành phố. Nếu bạn giữ được lòng yên, thành phố sẽ giãi trải ra những bí mật dịu dàng cho bạn, và chỉ riêng bạn mà thôi.

(Trích đoạn từ một bài du ký về thành phố Toledo)

Và Văn đã đến Toledo, và đi loanh quanh loanh quanh, buồn buồn, ngây ngây. Quá khứ xa, gần, khí hậu Bắc, Nam Âu trộn lẫn trong từng mạch máu, trên từng phân da thịt của chàng trai xa xứ. Bỗng Văn nhắc thấy một mẫu tượng Đức Mẹ Maria gắn trong một lỗ khoét trên một bức tường nâu nâu bên đường, ánh nền lung linh trên màu áo xanh xanh của bức tượng cao bằng gang tay. Ngọc, người yêu của Văn, cũng có bức tượng Đức Mẹ áo xanh giống thế. Anh nhìn kỹ bức tượng, thấy khuôn mặt tượng là khuôn mặt người nữ hiền lành, cam chịu, và bàn tay nứa, bàn tay vẫn ươm mộng đời nay, những ngón tay ngà nuột nà gieo hương vương vương tận ngàn sau. Tượng lộng kiếng phía trước và trên mặt kiếng có những lỗ li ti mà những kẻ yêu nhau nào đó, theo tập tục, đã đâm những chiếc kim vào, những chiếc kim nhọn mà họ đã đâm vào da thịt, thậm chí vào ngực mình, và qui lạy Mẹ trên trời *sao cho con lấy được người con thương*.

Văn và Ngọc đã sống những ngày hạnh phúc không cầu vãn được, được một cách tình cờ như bao nhiêu điều vĩ đại trên trái đất này.

Văn gặp được Ngọc trong một đám cưới của đứa con trai cậu Văn ở Trondheim. Chính vì gia đình cậu Văn ở xa, nên anh chị em không ai muốn đi. Văn thấy không ổn, cho nên, tuy kẹt, cũng rán đi cho phải phép. Hôm ấy, khi vừa vào đến hành lang nhà hàng, Văn thấy một người đàn bà trẻ đang ngồi một mình ở đó và đang chăm chú đọc báo. Nàng mặc một chiếc áo đầm vải *mousseline* hồng thắp thoáng làn vải lót trắng, và một mảng hoa nhiều màu sắc tươi trên vùng ngực khoẻ. Văn lúc đó không thấy rõ mặt nàng, nhưng thấy ngay cặp đùi thon muốt, nõn nà ngọc trắng, khem khẹp dưới lớp váy hồng tươi. Nàng ngồi đó như một vũ nữ balê đang chờ múa khúc xuân xanh. Trong thế giới kiêu cách, lịch sự của y phục xám, đen, cả nơi những người nữ trong tiệc cưới, nàng, người đàn bà ấy, hiện ra như một niềm vui. Đã vậy, nắng vàng vốn hiếm hoi trời Trondheim hôm ấy lại độ lượng quanh nàng. Văn loay hoay loay hoay mãi. Một lúc sau mới mở miệng được:

- Chào cô.

Nàng ngược mặt lên, nhìn Văn

- Chào anh.

- Cô đọc báo gì đó?

Nàng chìa tờ báo và chỉ:

- Phụ bản thể thao của tờ Dagbladet.

- Cô thích thể thao lắm?

- Chút chút, nhưng chồng em thích.

- Ồ!

- Thiệt ra anh hay mua báo này hằng ngày để xem cá độ các đội banh. Ngày nào cũng mua, sẵn, em cũng xem, mà chỉ thích nhìn hình các vận động viên, nhìn hoài đâm nghiện.

- Ồ! – Và Văn khảo sát địa hình hành quân – Mà chồng cô đâu rồi?

- Anh tới đây lúc này, rồi thấy chờ lâu, sốt ruột, anh có chút công chuyện phải đi. Mà anh có thích thể thao không?

- Không thích, nhưng lại thích mua báo thể thao xem hình các nữ vận động viên.

Mai cười, nghiêng:

- Mà có nhìn cô Marie Larsen không vậy?

- Á, à, con nhỏ Na Uy đoạt huy chương vàng trượt tuyết 10 ngàn mét đó hả?

- Báo chí nói đến thành tích đó thì ít, mà nói đến bức ảnh chụp cô ta trong tờ Nhìn và Nghe thì nhiều.

- À, tôi nhớ rồi. Con nhỏ có thân hình tuyệt đẹp, vừa đẹp vừa mạnh khoẻ.

- Em cũng thích nữa.

Văn dứt điểm trận đánh một cách liêu lĩnh:

- Cô cũng đâu có thua gì.

Nàng liếc sắc mím cười:

- Anh này!... Mà có vẻ anh cũng là dân thể thao.

Văn cũng cười:

- Vâng, một phần nào. Thực ra tôi thích đạp xe đạp. Đạp xe bốn mùa. Đi, về 20 mươi cây số.

- Ở cái xứ Na Uy toàn núi đồi, mà mùa đông thì dài mà anh lại đạp xe như vậy...

- Đạp riết rồi quen, rồi thấy người khỏe hẳn lên, đầu óc sáng khoái. Đam nghiện nữa là khác.

- Anh nói đam nghiện là đúng đó. Em đọc báo thể thao, họ nói là khi tập thể dục hay vận động, óc tiết ra chất *endorphine*, một loại nội tiết tố hạnh phúc, thậm chí có kẻ còn gọi đó là một loại ma túy tốt.

- Cô cho tôi biết nhiều chuyện hay.

Người đàn bà cười cười:

- Chết cha, chưa quen biết chi mà đã chuyện trò linh tinh... Nói đùa vậy thôi, chứ em cũng biết khá nhiều về anh, em rất thân với gia đình cậu anh. Anh là anh Văn phải không?

- Vâng.

- Em là Ngọc.

Có anh tiếp tân từ trong phòng tiệc đi ra tươi cười, lễ phép:

- Thưa chị...

- Vâng...

- Chồng chị gọi điện thoại đến báo là anh ấy không đến được - Ngọc cúi đầu, mím môi. Anh tiếp tân cười nụ - Anh có lẽ bận công chuyện ở nhà ông Kỳ đó chị... Thôi, em cũng mời anh chị đây vào để chúng ta bắt đầu, quan khách cũng đến tương đối đầy đủ rồi.

- Vâng - Văn đáp

Ngọc giọng run run:

- Vâng... Chết cha, mà phong bì anh ấy mang theo! Anh Văn vào trước đi, em vào sau.

Người tiếp tân khép cửa vào trong. Văn cũng theo vào nhưng rồi chần chừ chân trong chân ngoài, tay giữ cánh cửa, đứng nhìn Ngọc. Nàng đang cúi đầu, mũi giày dí xuống nền dí dí xóa xóa.

- Cô Ngọc!

Ngọc vẫn cúi đầu dí dí xóa xóa. Văn chờ. Văn chờ. Rồi buông câu sinh từ:

- Tôi yêu Ngọc.

Ngọc ngược mặt lên nhìn Văn, sững sờ:

- Anh nói gì!?

- Tôi yêu Ngọc. Tôi muốn chia sẻ cuộc đời của tôi với Ngọc. Ngọc hãy nói tôi phải làm gì? Sau đám cưới, tôi phải lên tàu ngay - Văn khẩn thiết, dập dồn, nhưng chắc nịch như một quyết định đã đóng dấu thi hành từ lâu.

Ngọc cúi đầu không nói, vẫn cúi đầu không nói, mũi giày lại dí xuống nền dí dí dí dí.

Rồi Văn đi vào phòng tiệc, lúc ấy Ngọc mới theo sau, rồi chạy theo sau, nhẹ nịu ồng tay áo Văn thì thảo:

- Em theo anh, em theo anh ngay đêm nay.
Hai người kẻ trước người sau theo nhau vào phòng tiệc cưới. Khách khứa ồn ào. Đôi kẻ nhìn hai người. Có anh sửa sửa: “Thằng cha Tiến, mê cờ bạc hơn mê vợ.” “Có con vợ ngon lành như rứa, mà cứ đồ đen, bỏ bê, coi chừng mất.” Có chị xì xầm: “Bà Ngọc, bà chịu đựng giỏi, cả năm, sáu năm nay, gặp con nhỏ khác, nó bỏ từ lâu rồi.” “Tội nghiệp con nhỏ hồng nhan, đa truân.”

Và đêm ấy trong chuyến tàu trở về nơi Văn ở, toa tàu đêm dập dềnh chần gối, chơi với biển hoa, thên thang thần trí, khiến sau đó Ngọc phải khúc khích:

“Đám cưới của con trai cậu anh với con nhỏ Loan hóa ra lại là đám cưới của tội mình.”

Những ngày sau đó trong căn phòng của Văn là đêm động phòng kỳ diệu ấy nổi dài. Ân ái hai thân thể khoẻ, đẹp; rạo chơi rừng thơm hạ hoa; và ôm Ngọc nói chuyện văn chương, triết lý, chuyện Đất Nước của hai người.

Nàng thích thú lắng nghe, khao khát.

Nào là Chong Đèn: *Nhà anh đầu suối/ Nhà em cuối dòng/ Suối có một lòng/ Sao tình đôi ngả// Kể từ mùa hạ/ Tê tái ve sầu/ Đêm thấp đèn dầu/ Chúng mình ngồi học// Giờ anh đi đâu/ Chong đèn, em khóc.*

Rồi Đồi Cù: *Thả gót giầy lãng đãng bên hồ/ Trên đồi Cù thông rụng lá khô/ Con sương trắng lùa ta mãi miết/ Xuống ven bờ phi hữu phi vô.*

Rồi Ngực Trầm Hương Âu Thơ: *Năm năm rồi, thoáng chốc/ Thương người môi thanh tân/ Tóc nồng hương tré đại/ Ngực trầm hương âu thơ/ Theo ta đời lỡ dở/ Ngậm tằm trong mộ sâu.*

Rồi Anh Điền: *Anh nằm ngoài sự thực/ Em ngồi trong chiêm bao/ Cách nhau xa biết mấy/ Nhớ thương quá thì sao?// Anh nuốt phứt hàng chữ/ Anh cắn vỡ lời thơ/ Anh cắn cắn cắn cắn/ Hơi thơ đứt làm tư!...* của Phạm Thiên Thư, của Du Tử Lê, của Hàn Mặc Tử, và của biết bao ngòi bút tài hoa của một nền văn chương hào hoa, hào sảng miền Nam ngày ấy.

Rồi về những cay cực của Đất Nước, về chiến thắng bị bỏ lỡ.

Thế rồi những giọng kinh Vệ đà: *Hỡi thần nữ Visvedevas, kẻ chở che, ban thưởng, và làm vui lòng đàn ông, hãy đưa kẻ môi kẻ thờ phụng nàng đây chén rượu cúng.// Hỡi nữ thần Sarasvati, giọng lũ lụt uy nghi.// Oĩ nữ thần Xinh Đẹp Vayu, xin đến uống những giọt sấm Soma chầm rãi cho nàng.* Những câu thi kinh đầy thành kính mà mát mẻ hoa vụ, hăm hấp phallus-yoni.

Và những giọng Áo nghĩa thư vời vợi: *Chỉ có Vô Hạn là hạnh phúc. Trong hữu hạn, không hề có hạnh phúc.*

Nàng mỉm cười lắng nghe, đợi cho Văn nói hết,

mới véo vào bẹn Văn:

- Vậy thì em là hữu hạn, hay cái Vô Hạn đây?

- Em là cả hai, nhưng cũng qui về Một Mỗi viết hoa. *Ekam evadvitiyam: Chỉ là Một, không cách một sát na: Only the One, without a second.*

Cả hai cùng cười, cười sảng khoái,

- Nếu không gặp được nhau nơi đám cưới ấy, và anh không có quyết định nhanh và táo bạo đúng lúc, em sẽ bất hạnh biết bao, phải không anh?

- Anh cũng bất hạnh nữa. Trong chiến tranh, cũng như trong tình yêu, cần biết người, biết ta, mà phải biết nhanh.

- Và ra tay nhanh. Anh thật bạo.

- Ủ, đúng quá chớ còn gì nữa! Mà em cũng đâu có thua gì anh.

Những ngày trăng mật tưởng như bất tận, nhưng cũng đến lúc phải chia tay. Cả hai đều nghĩ như vậy, để Ngọc trở lại với con. “Rồi chúng mình từ từ thu xếp.”

Và Ngọc đã thu xếp không đến nỗi khó khăn lắm, về phần ông chồng.

Nhưng một thời gian khá lâu, vẫn chưa thấy họ về ở chung hẳn với nhau. Những nhớ thương dần dần chen lẫn trách móc, rồi đôi khi trách móc nhiều hơn thương nhớ. Vẫn thăm nhau thảng một đôi lần, nhưng Văn cứ nhùng nhằng không quyết, không nhanh chóng, táo bạo như quyết định hôm ấy.

Thế rồi nàng bỗng xoay qua mở quán cà phê.

- Em tính mở quán cà phê, bán thêm ít món chay mà người Na Uy đang chuộng. Anh suy nghĩ xem anh có nên bỏ việc trên đó về phụ quán với em? Có gì ăn nấy, trời sinh voi sinh cỏ, miễn được gần anh là em mừng, ngoài ra anh có thể học thêm những môn anh thích, vì quán em tính mở gần khu đại học.

- Anh có đọc một công trình nghiên cứu là dân Na Uy ít kẻ thích ngồi quán, ăn quán, vì họ là dân keo kiệt. Họ mới giàu đây thôi, trước họ là dân nghèo, cái thâm căn cố đế keo kiệt ấy chưa gột rửa được. Nhất là cái dân nơi tỉnh em ở, mới thế kỷ trước, có nơi phải trộn bột vỏ cây vào bột mì mà làm bánh mà ăn.

- Anh sao mà cái gì cũng biết!!

- Và anh không muốn bỏ công việc chắc chắn của anh. Để từ từ anh tính. Và lại, anh sắp xin cái học bổng Erasmus, xin tạm nghỉ sở, đi nghiên cứu tiếng Tây Ban Nha, chương trình hậu đại học, ít nhất hai năm. Và em ơi, em có biết không – Văn nói như reo - ở thư viện đại học nơi anh học hồi trước đó, thư viện mới được ông Shoeyen tặng bộ kinh Phật, ông ta mua được từ Afghanistan đã lâu, bộ kinh tôi cổ này chưa ai có, nói chi dịch, kể cả Đường tạng Huyền Trang, anh có đọc bản chụp, có lẽ anh phải dành ít thời giờ để ôn lại tiếng Pali, để đọc cho đã, và kiểm giờ dịch lại cho dân mình đọc,

chẳng có nhiều thì giờ mà nhiều chuyện cần làm quá!

- Thôi! Anh làm gì tùy anh.

Sau đó Văn lại về thăm Ngọc, thấy quán cũng khá thanh lịch, khách khá đông, đa số là sinh viên, nhân viên đại học và các giáo sư. Ngọc có vẻ vui và hân diện. Không đề cập gì đến chuyện Văn bỏ việc về phụ quán.

Tháng sau nữa, Văn lại về thăm. Lần này, nàng thuê người coi quán và dành hẳn cuối tuần ấy cho Văn. Lúc ngồi ăn với nhau, nàng bảo lần này nàng thích Văn giảng thật hệ thống cho nàng những khái niệm cơ bản về triết học Ấn Độ mà anh đã có dịp nói qua những lần về thăm trước. “Để làm hành trang những ngày sống xa anh.”

Như những lần trước, có khi trên nằm trên giường, có khi nơi bàn ăn, hay những lần đi dạo công viên, anh trình bày cho nàng những hiểu biết, những cảm nhận của anh về món anh có nghiên cứu tường tận đó, trình bày với một niềm say mê như những ngày làm thầy giáo dạy môn Việt văn, chưa vào lính. Lần này Văn tóm lược những ý niệm chính của triết học Ấn độ qua cuốn Meditasjonens Filosofi (Triết lý chiêm niệm) được trình bày một cách thơ mộng mà dễ hiểu, của Kjell Madsen.

Và hôm sau suốt một buổi chiều chủ nhật, trước khi lên đường, nàng lại đòi dịch và bình cho nàng tập 100 bài thơ hài cú của nhà thơ Oeystein Hauge, mà nàng nói tình cờ mua được ở tiệm sách bán đại hạ giá. Văn lại sung sướng bình giảng vì thơ hay, và nhất là vì thấy sự say mê văn chương của nàng:

Những bài mệnh mang thiên vị: *chiếc áo linh mục cũ, và tiếng chửi thề rôm rã, thanh mới; chân trần, tảng đá này tảng đá khác, con châu chấu trong tay; con chó già, tìm không ra thêm cửa, hoa hoa hoa; cuốn kinh thánh cũ, gói, trong giấy gói đồ ăn; ngày xưa, thung lũng này, đầy màu xanh; bạn có thấy, chiếc bóng, cuối.*

Và những bài như những bức tranh hiện đại: *Hạt hạt lúa vàng, trong đêm trắng, và chao ơi gió; giữa vạt hoa, một chuỗi ong, gió mặt trời; trong mưa thu, đôi tình nhân già, con chó ghê; đêm trong rừng, tuần lộc xanh, phô-mát vàng; buông tàu lửa, đầy nắng thu, và những cô gái tóc đỏ; đêm thu, cánh cửa đập, sau tiếng hát nàng; gió vô thanh, trên những luống, hoa xanh; sau những ngày mưa, gió trở về, trên dậu trắng.*

Văn còn chỉ ra lối dùng ánh sáng, màu sắc, hình tượng, nghệ thuật xếp chữ, và thậm chí những cộng âm gợi ý, để gợi lên những rậm rạp, những nôn nao tình dục trong một số bài khác: *phía dưới nước vô, đá dội đá; tất cả đều màu đỏ,*

tách trà nóng, vú của nàng; cô gái trẻ thấp đèn, trong đêm xuân, vì có gì; thiu thiu giữa, gió ẩm, và những đụn cát; đêm trắng, tuần lộc nhăm hoa súng trắng, một hoa một hoa lại một hoa; vú ẩm nắng, buổi tối còn lại, gió trắng; sấm động xa xa, bầy ong vùn vùn, trong vùng sáng u u; gió nồm lầu lỉnh, nâng váy mùa hạ, vỗ vào đùi; cỏ hạ cao, chẳng có nơi nào tốt hơn để cời truồng; như trong mộng, hai người đàn bà trần truồng, tiếng-cười-ánh-trắng; trần truồng, tuổi mười chín, cô gái đẹp, cho én chao trên đầu.*

“Cuộc thể đẹp biết bao, mà thời gian đáng sống lại qua mau, đã thể thân thể lại mỏng giòn và thiên nhiên còn khắc nghiệt, và trên cùng mọi khắc nghiệt là Thời gian” – Văn thì thảo lời phù thủy. Nàng lắng nghe rưng rưng tin nữ, và thân ngọc nóng dần, nàng rướn người, bầu vào ngực, vào vai Văn, như bầu vào Thời gian.

Rồi họ ân ái với nhau vội vã mà tràn đầy thác đổ.

Văn hui hui sung sướng quay lại với công việc. Nàng vẫy tay chào, tàu đi.

Về đến nhà, Văn gọi điện thoại ngay, và đảng đầu giây bị bận, chờ cả tiếng sau, máy vẫn bận.

“Chắc Ngọc lại gác máy trạch!”

Gọi hoài, gọi hoài, vẫn vậy. Mấy ngày như thế. Một đêm giữa khuya, thật khuya, anh nghe có tiếng điện thoại gọi.

- Anh đó hả?

Văn cần nhần:

- Máy em gác làm sao mà anh gọi hoài không được.

- Không, máy không bị gì. Em bận nói chuyện.

- Trời đất, chắc là nói chuyện với mấy nhỏ bạn?

Gớm, đúng là đàn bà lắm chuyện, ông bà nói không sai.

- Không, em nói chuyện với người yêu em.

- Nữa!

- Anh đừng về đây nữa. Em đã có người yêu rồi.

Văn cười hề hề:

- Vậy hả! Mà khi nào đám cưới vậy?

- Tháng sau, đâu có như anh cứ rề rà, này nọ,

Văn chừng lại:

- Giỡn hoài. Đang nhớ em muốn chết đây.

Nàng lạnh lùng:

- Em đã quyết định, tuy không nhanh như quyết định ngày đó, nhưng em cũng đã quyết định.

- Giỡn dai hoài! Hôn anh đi. Ăn gì, mà nói chuyện với bạn gái em dai vậy?

- Em nói thật đó. Chúng ta có những con đường khác nhau cần phải đi, dù có yêu nhau.

- Giỡn dai hoài.

Anh không tin. Mãi mãi không tin.

Văn đang chăm chú nhìn bức tượng, có bà già

nhà sát đó mở cửa. Bà già như thể không thể già hơn được nữa, nhưng là già tởm, già cội nguồn sự sống mạnh mẽ gởi trùng trùng thế hệ ngàn sau, lão như những cây trắc bá đồi Libanon, cây thiên tuế xứ Chaldée, cội dầu rái, gốc sến đại thụ rừng Nam xứ Việt. Bà có dáng cao ráo, tóc nâu nhạt, còn dày, uốn xoắn xoắn tóc nữ Trung đông, buông lơis xoi, loà xòa bờm sư tử quanh khuôn mặt đẹp, hiền từ, quý phái, nhưng nâu dòn gió nắng nhiệt đới.

- Chào chàng trai Việt Nam.

- Chào bà, sao bà biết tôi là người Việt Nam hay vậy?

- Tôi là mẹ của mọi dân tộc.

Văn cười khinh:

- Tôi thật may mắn được đến thăm xứ mẹ của lễ hội giả trang để được hầu chuyện với bà.

Bà già vẫn cười tươi như không, rồi giọng trùng xuống:

- Là mẹ, tôi thương những dân tộc khốn khổ vì nội chiến, gà cùng một mẹ mà hoài đá nhau. Tây Ban Nha, Việt Nam... Mà tôi thương đặc biệt người Việt Nam, một giống người mà khi tạo dựng có lẽ Đức Chúa Trời đã chăm sóc, tô điểm đặc biệt.

Văn nhập giọng giả trang:

- Và có lẽ lúc ấy Thượng Đế hơi ngà ngà nên có hơi quá tay.

- Đúng rồi, y như dân Tây Ban Nha, hùng hù hỏ hỏ mà cũng ăm ắp tình, nghĩa. Mà anh biết không?

- Vâng...

- Năm ngoái cũng có một người đàn bà trẻ Việt Nam đi qua đi lại ngơ ngơ con đường trước nhà tôi, chắc là lạc đường vì cái hệ thống mê lộ của thành phố Toledo này có từ thời người Ả rập đến đây. Tôi thương, tôi kêu vào nhà. Chúng tôi chuyện trò, và dần dần trở nên thân mật như hai bà cháu.

Cô ấy kể là cô ấy có người chồng là một giáo sư trẻ, trẻ hơn cô mấy tuổi, đẹp trai, và giàu, nhưng tính tình thực tế như những người đàn ông nơi xứ cô ta định cư, như những người giàu phải thế, điều này về sau mới biết, nhưng lúc mới gặp nhau, ông ta vẫn có một chút lãng mạn dễ thích, rồi yêu mê cô ta, một người đàn bà có văn hóa cao khác hẳn với những người nữ ông ta giao du trước, và dĩ nhiên cũng vì thân thể khỏe, đẹp, và nhan sắc huyền bí nào lòng phương Đông của cô. Tôi đã nói Đức Chúa Trời đã chăm sóc tô điểm kỹ cho dân Việt Nam mà!

Và cô ta biết tiếng Tây Ban Nha rất khá. Cô ấy bảo chỉ có thơ Tây Ban Nha là đáng đọc, vì thơ đầy đam mê, hay nói như người yêu cũ của cô, đầy ớt đỏ, môi son, và mặt trời đỏ. Cô ấy tiếc quay quắt đã đánh mất những trái ớt đỏ làm nồng môi cô, những mặt trời đỏ chỉ dành để đốt

cháy cô. Cô ấy có ghi cho tôi bài thơ khi thơ thần trong những con hẻm đêm Toledo, bằng tiếng Tây Ban Nha, một ngôn ngữ mà cô ta cho là không khó học lắm và rất gần gũi với tiếng Việt.

- Vâng, tôi cũng nghĩ như vậy, và cái âm thanh du dương, sang sảng, dữ dội, nóng bỏng nằm mai phục trong hai ngôn ngữ đó.

- Mà này, anh Văn, tôi thấy cô ta là một người đàn bà không có hạnh phúc, hay đúng ra không còn hạnh phúc, và có chiều tuyệt vọng, cái tuyệt vọng của người đàn bà nguyên thủy. Tôi nhớ có một nữ thi sĩ kiêm nhà văn và là một nữ chiến sĩ thuộc phong trào kháng chiến Sandinismo mà tôi rất thương, con nhỏ nói rằng: "Tôi đã lao mình vào bom đạn, vào cái chết; tôi đã tải lậu vũ khí, đọc diễn văn, nhận những giải thưởng, và sinh con - biết bao nhiêu chuyện, nhưng một cuộc đời không có đàn ông, không có tình yêu, cuộc đời ấy xa lạ đối với tôi, tôi cảm thấy rằng tôi không cần phải hiện hữu, trừ khi có giọng một người đàn ông kêu tên tôi và tình yêu của người đàn ông làm cho đời tôi đáng sống." Dĩ nhiên, người đàn ông ở đây là người đàn ông biết yêu thương thực sự.

Bà già vói tay lấy ly nước, chiêu một ngụm, rồi tiếp:

- Và anh biết không, khi cô ấy hỏi về những chiếc kim cắm nơi cửa kiếng Đức Mẹ ngoài kia, và khi tôi cho biết lai lịch như thế nào, cô ấy ứa nước mắt, và lôi trong hộp bằng bạc ra một cái kim may thô tháp, đã rỉ sét mà cô nói là người yêu cô những ngày tù cải tạo đã dày công mài, giũa, để có ngày về tặng vợ anh ta, nhưng khi ra khỏi tù, về nhà, thì được biết vợ mình đã theo người đàn ông khác vượt biên đến xứ người, mà ở đó người ta chẳng còn cần kim chỉ. Và khi anh gặp cô, anh thương cô, anh tặng cô chiếc kim ấy, và cô đã đón nhận như đón nhận cuộc đời rách nát của anh. Cô áp chiếc kim vào ngực, và hôn thật lâu, rồi cắm vào cửa kiếng Đức Mẹ của cô, rồi ra đi. Tôi những mong cho cô ta thoát được khỏi mê lộ...

- Vâng!

- Bây giờ anh ra với tôi xem chiếc kim có còn đó không.

Hai người ra xem, và không thấy cái kim mà bà già nói, bà lặng lẽ:

- Như vậy Đức Mẹ của cô ấy đã nhậm lời. Cô ấy đã gặp được người yêu cũ.

Văn, vốn không tin những chuyện thánh mẫu, bà chúa như thế, đây đưa đáp lời:

- Vâng... Và thưa bà...

- Gì đó anh?

- Bây giờ, xin bà cho tôi được xem bài thơ mà bà nói lúc nãy.

- Anh vào đây, tôi đưa cho.

Người đàn bà đưa bài thơ viết vội trên chiếc khăn ăn màu ngà, viết bằng bút ni đen, những con chữ sắc nét trong những giòng chữ chập chùng, nhấp nhô, bập bùng gây vỡ địa chấn.

- Tôi để anh đọc một mình. Tôi đi ra ngoài một chút. Đọc xong, nếu anh muốn đi, mà tôi chưa về kịp, anh chỉ việc khép cửa lại.

Và bà già ra đi, gót nhẹ tênh, như sợ khuấy động tờ thư.

Yo, la que te quiere

*Yo soy tu indómita gacela,
el trueno que rompe la luz sobre tu pecho.
Yo soy el viento desatado en la montaña
y el fulgor concentrado del fuego del ocote.
Yo caliento tus noches
encendiendo volcanes en mis manos,
mojándote los ojos con el humo de mis cráteres.
Yo he llegado hasta vos vestida de lluvia y de recuerdo,
riendo la risa inmutable de los años.
Yo soy el inexplorado camino,
la claridad que rompe la tiniebla.
Yo pongo estrellas entre tu piel y la mía
y te recorro entero,
sendero tras sendero,
descalzando mi amor,
desnudando mi miedo.
Yo soy un nombre que canta y te enamora
desde el otro lado de la luna,
soy la prolongación de tu sonrisa y tu cuerpo.
Yo soy algo que crece,
algo que ríe y llora.
Yo,
la que te quiere.*

(Em, người yêu anh)

*Em là con linh dương bất trị,
sét đập vỡ ánh sáng trên ngực anh.
Em là ngọn gió bùng ra trên núi ngàn
Là luồng sáng xoáy của ngọn đuốc dầu rái.
Em là hơi ấm những đêm của anh
là những ngọn núi lửa cháy rực trong bàn tay em,
làm ướt anh những con mắt cùng làn khói của những
vùng trũng em.
Em đã đến với anh chiếc áo của mưa và của nỗi nhớ,
cười tiêng cười không đổi thay qua những năm tháng.
Em là con đường chưa ai đặt chân tới,
là ánh sáng đập vỡ bóng tối.
Em đặt những vì sao trên làn da anh và em
và phủ hết anh,
ngõ ngách này tới ngõ ngách khác,
cởi tình em,
lột hết nỗi sợ của em.
Em là một danh xưng¹ hát ca và chiêm trợn anh
từ mặt bên kia của vầng trăng,
là nụ cười anh nói dài và thân thể anh.
Em là một cái gì đó đang mọc lên,*

một cái gì đó đang cười và đang khóc.

*Em,
người yêu anh.²)*

Đọc xong bài thơ đã lâu mà vẫn không thấy bà lão về, Văn khép cửa ra đi. Khi đi qua trước nơi đặt tượng Đức Mẹ, anh thì thầm: “Quả thật Đức Mẹ đã nhậm lời nàng. Hai người yêu nhau đã gặp được nhau.”

Nhưng, anh không thấy tượng Đức Mẹ còn đứng đó nữa, dù cánh cửa còn đóng kín y nguyên.

(Một trích đoạn khác từ một bài du ký về thành phố Toledo)

Cầu Alcantara – *Alcantara* gốc từ tiếng Ả rập và có nghĩa không gì khác hơn là cầu. Đã có nhiều huyền thoại về những cuộc tình tuyệt vọng giữa trai gái Hồi giáo, Do thái giáo, Kitô giáo, và những sắc dân thiểu số khác nữa, gắn liền với chiếc cầu; cầu đã là chứng nhân cho nhiều phần số bi thảm, những giấc mộng vỡ tan và những đời người bị đánh mất.

Oslo 02/06/07

Chú thích:

Đối với người Tây phương *danh xưng* cũng là hiện thể. Trong Kinh Thánh Cựu Ước, khi ông Môi Sen, hỏi tên Đức Chúa Trời Yavê, ĐCT trả lời: “Ta có sao, ta có vậy.” Có đây cũng là *hiện hữu*. Xem chú thích của linh mục dịch giả Nguyễn Thế Thuấn trong Kinh Thánh, sách Xuất Hành, trang 124, bản xuất bản bởi Vietnamese Redemptorist Fathers, 1980. Và xin xem lại cả câu bà già trích dẫn trong truyện.

Thơ của Gioconda Belli. Bà sinh năm 1948, ở Managua, Nicaragua, là thi sĩ, nhà văn, và chiến sĩ chiến đấu trong phong trào Sandinismo. Bà phát biểu: “Chúng tôi, những người sandinista, muốn thay đổi tận gốc Đất Nước Nicaragua, nhưng chúng tôi không phải là cộng sản. Chúng tôi không chấp nhận những hạn chế tự do cá nhân mà các nước khối xã hội chủ nghĩa, nước nào cũng áp đặt. Chúng tôi muốn có tự do báo chí, tự do di chuyển và tôn giáo. Và chúng tôi đã thể hiện được những tự do đó. Chúng tôi đã có những cuộc bầu cử và trao quyền lại cho lực lượng đối lập năm 1990, với bà Violeta Chomoro trở thành tổng thống của chính phủ ấy. Đây là lần đầu tiên trong lịch sử Nicaragua mà một đảng trao quyền lại cho một đảng khác một cách ôn hòa.” Xin xem thêm ở <http://en.wikipedia.org/wiki/Sandinismo>. Bà cùng với linh mục dòng Tên, sau là bộ trưởng thông tin Ernesto Cardenal và Claribel Alegria khởi đầu cho một cái nhìn mới về nghệ thuật gây cảm cho thi ca và về làm mới cho văn chương của nước bà. Bà lại đẹp. Fidel Castro có lúc tán bà. Thơ bà viết dễ hiểu mà hào hoa, dùng nhiều hình ảnh lạ, ý tứ táo bạo. Trong các nhà thơ nói tiếng Tây Ban Nha. Thà thích thơ bà nhất. Thà có dùng một phát biểu của bà trong mẫu đối thoại dài gần cuối truyện. Ai muốn xem thơ bà thêm, xin vào trang web của bà www.giocondabelli.com

Thơ Khánh Hà

Còn tiếng đàn

*Ngôi nhà vắng tiếng Tây ban cầm
Đưa ta về vùng trời xa xăm
Căn gác trọ bụi ngùi mưa nắng
Mới hôm qua hay đã nhiều năm*

*Ngoài vườn xanh nắng thơm đông đưa
Là quê người hay quê ta xưa
Ngoảnh nhìn lại nửa vòng trái đất
Nỗi buồn nào buồn đã quên chưa*

*Tiếng đàn đi theo ta nhiều năm
Đưa ta qua bao mùa giá băng
Điệu classique rộn ràng ầm áp
Für Elise tha thiết nồng nàn*

*Người gảy đàn nay tóc bạc phơ
Bàn tay run tìm cung đàn xưa
Thời gian hằn dấu chân nghiệt ngã
Còn tiếng đàn vẫn chưa già nua*

*Mai còn ai đàn cho em nghe
Tiếng lá rơi khe khẽ bên hè
Tiếng cành khô chạm vào cửa kính
Mơ hồ như bước chân ai về*

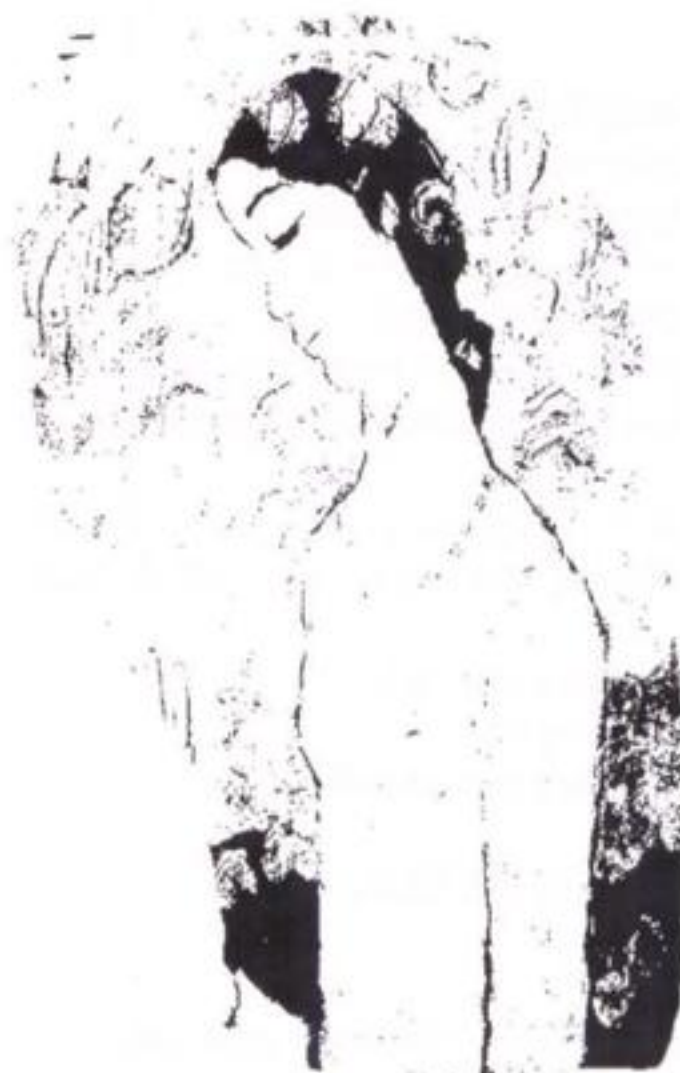
Bèo mây

Kiếp sau anh làm bèo
Bềnh bồng trên sông nước
Theo sông hồ dạo bước
Ngắm trời đất thênh thang

Kiếp sau em làm mây
Bay khắp nẻo đông tây
Xa nhau mà không cách
Vẫn thấy nhau ngày ngày

Một hôm nào nước cạn
Bèo phơi trên bãi hoang
Mây làm mưa rớt xuống
Xanh lại trái tim chàng

Trăm năm lời hẹn ước
Hai ta kiếp bèo mây
Có nhau hay không có
Tình xưa vẫn còn đây



Lá Thư Na Uy



Lê Nguyên

Bạn mến, năm 2007 được đánh giá là một năm xảy ra nhiều biến động, gây bao đau thương, mất mát nhiều cá nhân lớn cho nhân loại trên toàn cầu. Trong lúc người viết đang chuẩn bị tắt bật sắp xếp lại những sự kiện đáng ghi nhớ cho lá thư Na Uy, thì một tin bàng hoàng xúc động được chạy tít hàng đầu trên các bản tin báo chí: cựu Thủ tướng Pakistan lưu vong, nhà lãnh đạo đối lập bà Benazir Bhutto vừa mới bị ám sát hôm thứ năm 27-12-2007. Cảnh sát và một số nhân chứng cho hay, kẻ ám sát đã bắn vào bà Bhutto trong lúc bà đang vận động cuộc tranh cử tại quê nhà. Chỉ sau vài giây tên sát nhân đã tự sát nổ bom làm ít nhất 16 người khác cùng thiệt mạng.

Đôi dòng về "triều đại" Bhutto

Benazir Bhutto chào đời ngày 21.06.1953 tại thành phố Karachi trong một gia đình quyền thế. Tương tự như gia đình Nehru-Gandhi ở Ấn Độ, hay dòng họ Kennedy ở Mỹ, gia đình Bhutto ở Pakistan là một trong những gia tộc giàu có quyền thế, sản sinh ra những người làm chính trị nổi tiếng trên thế giới. Điển hình là ông Shahnawaz Bhutto: ông cố của bà Benazir Bhutto là một nhà lãnh đạo cao cấp của đảng Liên minh Hồi giáo Pakistan. Đảng này đã giúp Pakistan tách khỏi Ấn Độ giành độc lập năm 1947.

Cha của bà, ông Zulfikar Ali Bhutto là người sáng lập đảng Nhân Dân Pakistan People's Party (PPP) với phương châm: "Nhà ở, lương thực, no cơm ấm áo cho mọi người". Ông trở thành thủ tướng năm 1971 và bị hành quyết năm 1979 bởi chính quyền quân sự do Mohammed Zia-ul Haq lãnh đạo. Ông bị án treo cổ vì bị cáo buộc đã sắp xếp vụ ám sát một chính trị gia đối lập. Nusrat Bhutto, mẹ của Benazir Bhutto cũng là một chính khách. Sau khi chồng mất, bà lên nắm quyền lãnh đạo đảng nhân dân PPP. Người em trai của bà là Shahnawaz Bhutto bị ám sát tại tư gia ở Pháp năm 1985. Anh trai cả Murtaza Bhutto bị sát hại chung với sáu người khác

trong một cuộc chạm súng với cảnh sát tại Karachi vào năm 1996.

Benazir Bhutto năm nay 53 tuổi, trở về Pakistan sau hơn 10 năm sống lưu vong. Bà đã qua hai lần làm thủ tướng từ năm 1988-1990 và 1993-1996. Bà được ca ngợi là biểu tượng của sự hiện đại và dân chủ. Với ngoại hình quý phái, trẻ, đẹp, học thức cao, bà Bhutto đến như một luồng gió mới trong thế giới Hồi giáo phần lớn do đàn ông chi phối. Vậy mà khi bị cách chức lần thứ nhì vào năm 1996, bà và chồng phải đối diện với vô số cáo giác tham nhũng. Năm 1998 bà tự mình ra nước ngoài sống lưu vong.

Benazir Bhutto được bầu giữ chức thủ tướng Pakistan khi mới 35 tuổi và cũng là nữ thủ tướng đầu tiên của một quốc gia Hồi giáo. Tuy nhiên, bà bị cách chức 20 tháng sau đó. Năm 1993, bà trúng cử lần hai nhưng nhiệm kỳ lần này cũng chỉ kéo dài ba năm. Hơn một thập niên sau, tháng 10 năm 2007 bà quay lại Pakistan sau khi được miễn truy tố tội tham nhũng và hy vọng tranh được chức thủ tướng lần thứ ba. Lần trở về này không may bà đã bị ám sát hụt trong một vụ nổ bom khiến cho hơn 150 người khác thiệt mạng. Chỉ ít lâu sau, hôm 27.12.2007 bà đã bị sát hại trong khi đang vận động tranh cử để có thể trở thành thủ tướng Pakistan lần thứ ba. Giới phương Tây hy vọng bà Bhutto có thể chia quyền với tổng thống, tướng Musharraf, nhưng sau khi ông ban lệnh khải cấp, bà nói không muốn đứng chung với nhà lãnh đạo quân nhân này nữa. Bà Bhutto có một ký ức không mấy tốt đẹp về quân đội. Bà bị cầm tù và sau đó phải ra nước ngoài cho đến khi tướng Zia chết một cách bí ẩn vào năm 1988 bà mới thực sự trở về.

Tin Benazir Bhutto bị sát hại, đã đem lại cho dân tộc Pakistan một nỗi mất mát lớn cho công cuộc đấu tranh cho một nền dân chủ thực sự mà nhiều nước trên thế giới đang mong đợi. Nỗi

đau ập đến cho những con người đang trông chờ một luồng gió mới đến với Pakistan dường như vụt tắt. Sự dữ luôn thắng thế, bà Benazir Bhutto ra đi trong khi tình hình chính trị tại quê hương của bà vẫn còn rối ren, đen tối.

Bilawal Zardari người con trai út của Benazir Bhutto năm nay mới 19 tuổi. Cậu là người sẽ kế tục sự nghiệp của người mẹ nổi tiếng. Ước mơ một đất nước thanh bình, dân chủ thật sự của bà như là một thông điệp báo trước gởi đến kiều dân Pakistan nhân chuyến công du Na Uy của bà vào tháng 5 năm 2007. Ông Mirza Zulfikar nguyên là tổng thư ký đảng nhân dân PPP tại Na Uy cho biết, qua cuộc gặp gỡ với Brutto tại Oslo, bà luôn khuyến khích người Pakistan về việc học vấn thành đạt, tuân thủ theo luật pháp bản xứ và đồng thời luôn hướng về quê hương của mình.

Giải Nobel Hòa Bình 2007

Hàng năm vào khoảng trung tuần tháng 10 là thời điểm mọi người trên toàn thế giới đều trông đợi xem ai sẽ là người xứng đáng nhận giải Nobel Hòa Bình năm nay. Nhiều nhân vật đấu tranh dân chủ trên toàn thế giới được đề cử, trong đó sự đề cử hai nhà đấu tranh dân chủ nổi tiếng tại Việt Nam hiện nay là hòa thượng Thích Quảng Độ và linh mục Nguyễn Văn Lý cũng được giới báo chí đánh giá cao. Ngày 12.10.2007, Ủy Ban Nobel Hòa Bình Na Uy công bố: Giải thưởng năm nay sẽ trao về tay ông Al Gore 59 tuổi cựu phó tổng thống Mỹ và hội đồng về thay đổi khí hậu của Liên Hiệp Quốc (IPCC) do ông Rajendra Pachauris đại diện.

Sự công bố này khiến cho nhiều người trông đợi phải thất vọng, lẽ rất tự nhiên từ trước đến nay Ủy Ban Nobel Hòa Bình luôn trao giải cho những người có công đóng góp cho nền hòa bình qua sự đấu tranh dân chủ, chống chiến tranh, đàn áp, nghèo đói, bất công v.v. Tự dưng năm nay lại trao cho người đấu tranh bảo vệ môi trường? Lạ nhỉ, có người nghĩ bảo vệ môi trường sống đồng nghĩa với bảo vệ hòa bình sao? Vâng, thưa bạn! Ủy Ban Nobel Hòa Bình đã có lý khi đưa đến quyết định tối hậu này. Trái đất chúng ta đang đứng trước mối đe dọa lớn nhất trong trong lịch sử nhân loại đó là mặt địa cầu ngày càng trở nên nóng hơn.... Thiên tai, sóng thần, lụt lội, hạn hán. Phải chăng đó là kết quả con người gây ra bởi sự sa thải khí CO₂ (karbondioksit) triền miên, nạn khai thác tài nguyên bừa bãi, phá rừng đã tạo nên sự mất quân bình sinh thái trong những thập niên gần đây. Vâng, chính vì những lý do trên Ủy Ban Nobel Hòa Bình 2007 ghi nhận thành quả đóng

góp người thắng giải như sau:

- “Al Gore và IPCC đã có những nỗ lực tốt trong việc tạo dựng và truyền bá kiến thức về tình trạng thay đổi khí hậu hiện nay”.
- “Chính họ đã đặt nền móng cho các biện pháp cần thiết đối phó mối đe dọa sự hâm nóng quả đất”

Bạn sẽ thực sự lo sợ cho tương lai của thế hệ mai sau nếu như đã xem qua đoạn phim tài liệu về thay đổi khí hậu mang tên “An Inconvenient Truth” của Al Gore.

Từ cuộc họp Bali đến cuộc chiến bảo vệ địa cầu
Nhắc đến giải Nobel Hòa Bình 2007 mà không nêu ra diễn tiến cuộc họp thượng đỉnh về môi trường nhóm họp tại đảo Bali Indonesia kéo dài trong 2 tuần lễ, từ 03-14.2007 thì quả là một điều thiếu sót.

Ủy ban đặc nhiệm nghiên cứu môi sinh (FN klimapanel) đã lên tiếng: “Đã đến lúc nhân loại trên toàn cầu hơn bao giờ hết cần ý thức trách nhiệm chung bảo vệ trái đất”. Đây là lần thứ 13 ủy ban tái họp mặt kể từ ngày thành lập 1988. Mục tiêu chính của hội nghị là tìm một giải pháp chung cho các cường quốc công nghiệp từ thỏa ước “Kyoto” tại

Mới

Tuyết ủ cây suốt đông
Bừng mầm ngày xuân tới
Hoa rộ cảnh phơi phới
Đất trở mình sinh sôi.

Tôi nghe xuân cất lời
Từ khi chim kết tiếng
Tôi nhìn xuân mở lối
Lúc em vừa hiển hiện.

Cổ Ngur



Japan mà khối liên minh này đã ký kết với nhau. Theo đó mỗi nước có trách nhiệm cắt giảm khí thải 5 phần trăm từ năm 1979 cho đến hết 2012. Úc và Mỹ không đồng ý thỏa ước.

Trên 190 thành viên đại diện từ các nước cùng với trên 2500 phóng viên nhà báo đã có mặt trong tại Bali. Tên Bali theo tiếng Indonesia có nghĩa là "Con mắt của thượng đế", giới chuyên môn đã chọn Bali là nơi nhóm họp cũng rất dễ hiểu, bởi đảo Bali là một thắng cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp, một viên ngọc xanh của nước Indonesia. Bất kỳ ai đặt chân đến hòn đảo này sẽ bị choáng ngợp bởi nét đẹp thiên nhiên có một không hai của nó.

Tại hội nghị Bali, cuộc tranh cãi có lẽ không bao giờ chấm dứt giữa các cường quốc phát triển và các nước chậm tiến về vấn đề sa thải khí CO₂ (karbondioksit). Mỹ và Trung Quốc bị chỉ trích khá nhiều. Giới chuyên môn khẳng định tổng thống Mỹ Bush là chìa khóa trong việc tái lập dung hòa khí hậu trên thế giới. Nhưng chính quyền Bush đã không đồng ý ký vào thỏa ước môi sinh mới ban hành. Các nước chậm tiến, họ vẫn khẳng khái chờ đợi, đòi hỏi các cường quốc có công nghệ phát triển phải làm gương và tuân thủ theo bản kế ước trước khi họ đi đến thỏa hiệp. Trung Quốc, Ấn Độ, Brazil, và Nga đóng một vai trò chính trong các nước chậm tiến. Trung Quốc đã thải lượng CO₂ cao gấp 4 lần cho phép. Nền kỹ nghệ công nghiệp Trung Quốc hiện nay hầu hết đều nhờ vào năng lượng khí đốt than đá để phát triển. Chính vì vậy nạn ô nhiễm tại Trung Quốc hiện nhiên là mối đe dọa lớn cho toàn cầu.

Quốc gia Na Uy là một trong các nước phát triển có mức thải khí tương đối khá cao, nhiều giàn khoan dầu ngoài khơi thải khí CO₂ liên tục ngày đêm, cộng thêm những sự cố tai nạn về dầu thô bị rò rỉ trên mặt biển hàng năm đã khiến Na Uy khó ănnói trước bản hội nghị. Trả lời trong nhật báo Vårtland số ra ngày 01.12.07 bà Kristin Aunan Cicero, nghiên cứu gia tại viện nghiên cứu môi trường thuộc đại học Oslo nhận xét: "Là một quốc gia có lợi thế về dầu hỏa, Na Uy đã đầu tư, chi tiền để mua những **klimakvoter** về quyền bảo vệ rừng và phế thải khí từ các nước chậm tiến. Điều này vẫn chưa giải quyết được nhíp cầu bảo vệ môi sinh".

Klimakvoter, một trong những từ ngữ mới về

môi trường mà bạn thường thấy trên mặt báo chí. Mua một klimavote có nghĩa bạn đồng ý chi tiền (cho một đồ vật, một nhóm hoặc một quốc gia) để đổi lấy sự gây thiệt hại về môi trường của nó. Từ ngữ này hiện nay rất thịnh hành, được chính quyền các quốc gia áp dụng nó như là một phương pháp gây sự ý thức nơi người tiêu dùng. Đi du lịch về Việt Nam nhiều lần có nghĩa rằng bạn một cách nào đó gián tiếp gây ô nhiễm không khí đấy nhá! Tại sao lạ vậy? Vâng, theo sự ước tính của các chuyên gia từ website Mittklima.no thực hiện như sau:

Một chuyến bay từ Oslo-Bangkok thải 3260 kg khí CO₂ (bạn phải trả 626 kr trong tiền vé)
Oslo - London 679 kg CO₂ (bạn trả 130 kr)
Một chiếc xe trung bình một năm thải 2900 kg CO₂ (giá trả klimakvoter 557 kr)
Đây bạn thấy chưa, bớt đi du lịch đi bạn nhé!
Có mua xe thì nên mua xe mới mới một chút....

Trong Hội nghị Bali 2007, hội đồng về thay đổi khí hậu của Liên Hiệp Quốc đã đưa ra bản tường trình cảnh báo về tình trạng sức nóng của địa cầu, kết luận đưa đến như sau:

Trong thời gian tới, thế giới sẽ chứng kiến sự thay đổi lớn về khí hậu. Địa cầu sẽ bị hâm nóng hơn. Băng tuyết trên đỉnh Bắc cực sẽ tan nhiều, mực nước biển dâng cao, hạn hán sẽ tạo thêm những sa mạc nóng bỏng. Sinh vật dần dần biến mất và thời tiết sẽ khó tiên đoán hơn. Thiên nhiên, động vật và con người sẽ phải chịu nhiều sự thay đổi thời tiết đột ngột. Nông nghiệp gặp khó khăn cách trồng trọt bởi hạn hán và nạn thiếu lương thực.

Các nghiên cứu gia cũng khuyến cáo; Cộng đồng thế giới phải tức tốc hạn chế mức độ tăng trưởng sa thải khí CO₂ hiện nay cho đến năm 2015 để tạo nên sự quân bình cho khí hậu. Trên bình diện quốc tế các nước có nền công nghiệp mạnh cần dừng mức thải khí độc hại cho môi trường ở con số 0 trong vòng 100 năm tới. Chúng ta chỉ có mỗi một trái đất, nếu trái đất này bị ô nhiễm tàn phá trong các thập niên tới thì không biết tai họa thiên nhiên sẽ giáng xuống nhân loại như thế nào đây nữa. Càng nghĩ người viết càng cảm thông với lời phát biểu của thủ tướng Srilanka, khi ông chứng kiến cảnh tàn phá do lụt lội gây ra. Ông nói: "Nếu trong tương lai mực nước biển tăng 1-5 cm thì biển sẽ lấn vào đất liền, nông dân sẽ mất dần đất đai trồng trọt. Con người không có khả năng phòng chống tai họa và tôi chỉ trông chờ vào ơn trên của Thượng đế mà thôi".

Bạn biết không, vấn đề bảo vệ môi trường hiện

nay quá thịnh hành ở hầu hết các cuộc bàn thảo trên toàn thế giới. Đến nỗi giới đầu tư cổ phần tại Na Uy trong năm 2007 đã khuyến khích dân chúng hãy mua cổ phần về "miljøfond" để kiếm lời trong tương lai. Nếu bạn muốn thử thời vận thì hãy thử xem sao bạn nhé.

Tội ác của ngựa chứng trong sân trường

Nếu bạn cho rằng trường học là nơi đào tạo ra những công dân tốt cho xã hội. Điều này người viết công nhận hoàn toàn đúng, nhưng hãy khoan để chúng ta nhận diện 2 con ngựa chứng có hành động tàn ác nhất trong năm 2007 bạn nhé. Thứ nhất là vụ tàn sát sinh viên, tại trường Kỹ Thuật Virginia Tech Hoa Kỳ trong tháng 04.07. Kế đến là vụ tàn sát thứ hai cũng xảy ra tại học đường tháng 11.07 tại Phần Lan.

"Tao muốn chết như Chúa Giê-su" đây là lời tuyên bố điên rồ của Cho Seng-Hui, kẻ sát nhân 23 tuổi, gốc Nam hàn, thủ phạm trong vụ tàn sát thảm khốc nhất tại giảng đường Norris Hall thuộc trường đại học kỹ thuật Virginia Tech Hoa kỳ vào ngày 16.04.07. Cho Seng-Hui đã hạ gục 2 sinh viên trong cư xá sau đó hắn ta lao vào lớp học, giảng đường, và bắn hơn 170 phát đạn vào các sinh viên và thầy giáo vô tội, khiến cho 32 người bị thiệt mạng cùng nhiều người khác bị thương. Sau đó hắn đã tự sát. Vụ giết người mù quáng tại Virginia Tech được xem là

vụ án mạng lớn nhất trong lịch sử gây án tại học đường Hoa Kỳ. Hai ngày trước khi Cho Seng-Hui quyết định hành động man rợ này, hắn đã tự thâu đoạn băng, trong đó hung thủ cho biết ý định của thảm sát, sau đó hắn gởi cuộn băng này đến hãng truyền thông NBC NEWS của Mỹ. Qua cuộn băng Cho Seng-Hui tâm sự hắn không thích những người giàu có vì chính họ đã phá hoại cuộc đời của hắn.

Qua tìm hiểu nguyên nhân, bạn bè của Cho Seng-Hui cho biết hắn thường bị các sinh viên khác trêu chọc, đùa cợt, họ cho rằng hắn là một con người lạ lùng, ít nói. Một bạn sinh viên khác cho biết thêm Cho Seng-Hui không hề đáp trả một lời cho dù hắn có bị chọc ghẹo. Sinh viên tên David tiết lộ; trong giờ học Anh ngữ hắn tỏ ra rất trầm lặng, chỉ lúc nào thầy giáo bắt hắn ta đọc to lên cho cả lớp nghe thì hắn mới chịu. Khi Cho Seng-Hui đọc tiếng Anh, giọng anh ta rất là lạ, làm như có cục gì vướng nơi cổ hắn vậy. Chính vì vậy mỗi lần hắn phát âm tiếng Anh là dường như cả lớp có dịp cười hả hê. Có bạn còn nhạo hắn rằng:"Thôi về lại Tàu đi mày ơi !...". Cổ nhân ta có câu:"Tức nước vỡ bờ", phải chăng Cho Seng-Hui đã mượn tạm câu nói này để giết hại 32 con người vô tội.

Báo tử trên mạng chia sẻ video youtube.com

Cảm Tạ

Nhóm Thực Hiện chân thành cảm tạ các thân hữu đã đóng góp tài chánh cho số Viết&Đọc 2006 và 2007:

Phạm Ninh, Trần Văn Nho, Nguyễn Thanh Hiệp,

Hoàng Văn Nghi, Nguyễn Tấn Vinh,

Hoàng Thị Thu Hồng, Trần Văn Tập



Trong lúc nỗi đau chưa lắng dịu đối với những cha mẹ hoặc con cái đã mất đi người thân sau vụ thảm sát tại Virginia Tech Hoa kỳ. Thì bảy tháng sau đó tại Phần Lan, vào ngày 07.11.07 cậu sinh viên Pekka-Eric Auvinen 18 tuổi đang theo học tại trường Jokela (miền nam Phần Lan) đã mang súng vào trường bắn loạn xạ gây tử vong cho 1 học sinh và thương tích cho 4 người khác.

Được biết trước hai tuần trước đó, hung thủ đã đưa lên mạng youtube.com đoạn video của y để báo trước hành động này. Trong đó hắn tỏ ra khen ngợi hành vi giết người của tên sát nhân Cho Seng-Hui tại Virginia Tech và vụ tàn sát tại trường Columbine tại Hoa Kỳ xảy ra vào ngày 20.04.1999 do hai tên sinh viên Eric Harris và Dylan Klebold thực hiện. Vụ này đã làm cho 12 sinh viên, một thầy giáo bị thiệt mạng và 24 người khác bị trọng thương. Sau đó hai hung thủ đã tự vẫn tại chỗ.

Bạn thấy đấy hai tên sát nhân ở hai phương trời, nhưng lại có cùng một hành động điên rồ đi ngược lại với lương tâm con người. Cả hai dùng học đường là nơi để họ gây tội ác với những con người vô tội. Phải chăng vì chán đời hay thất vọng hoặc những cơn ngứa chứng trong sân trường này không tìm cho mình được niềm vui để sống. Thôi ta hãy quên đi chuyện đau buồn này đi bạn nhé!

Cô bé Madeleine McCann - Vụ mất tích bí ẩn nhất trong năm

Có lẽ thế giới sẽ không bao giờ lắng dịu tin giật gân. Thật vậy vào ngày 03.05.07 vụ mất tích cô bé người Anh Madeleine 4 tuổi tại Bồ Đào Nha đã khiến cả thế giới phải rúng động. Đầu đuôi sự việc như sau: Khi cặp vợ chồng bác sĩ người Anh Kate và Gerry McCann đi ăn tối trở về lại khách sạn Praia da Luz (Bồ Đào Nha) chỉ cách đó khoảng 100 mét, họ phát hiện ra đứa con gái 4 tuổi biến mất. Sự kiện này từ đó đã tạo nên một cuộc tranh luận trên toàn thế giới. Ai bắt cóc bé Madeleine, bắt làm gì, tổng tiền chăng, hay bé bị tai nạn, ai giấu xác bé...

Trong suốt mấy tháng liền, hình ảnh của cô bé có mái tóc vàng tràn ngập trên các mặt báo. Cảnh sát Bồ Đào Nha đã thẩm vấn một người tình nghi, là một người đàn ông quốc tịch Anh, sống ở gần khách sạn. Nhưng sau đó người này đã được thả do không đủ bằng chứng buộc tội. Buồn cười thay, ngày 06.9.07 cảnh sát Bồ Đào Nha tức tốc thẩm vấn bà Kate 39 tuổi mẹ cô bé, trong 11 giờ liền vì họ cho rằng có những dấu tích chứng cứ khả nghi vợ chồng Kate và Gerry

đã thủ tiêu đứa con gái thân yêu của mình. Thế là sự việc được nổi đình đám lên, báo chí bán chạy như tôm tươi. Trên xe điện, nơi công cộng, trong sở làm, ai ai cũng tìm cách để theo dõi sự việc.

Về phía gia đình Kate và Gerry, một trang website đã được ra đời (www.findmadeleine.com) nhằm kêu gọi sự giúp đỡ và thu thập thông tin về Madeleine. Bạn biết không, trong vòng 10 ngày đầu tiên, đã có hơn 55 triệu lượt người đã truy cập vào website này. Vợ chồng McCann cũng đã đích thân bay qua Roma viếng Đức Giáo hoàng Benedict XVI để nhờ Ngài cầu nguyện cho bé Madeleine. Ngoài ra, nhiều nhân vật nổi tiếng, trong đó có nữ văn sĩ J.K.Rowling và ngôi sao bóng đá David Beckham, đã kêu gọi quyên góp 2 triệu mỹ kim để phục vụ cho việc tìm kiếm Madeleine. Chưa hết đâu nhé, J.K. Rowling, tác giả của tác phẩm Harry Potter, và doanh nhân giàu có Richard Branson thậm chí còn hứa treo phần thưởng lên đến khoảng 5 triệu mỹ kim cho những ai tìm được bé Madeleine.

Giới thường dân "thấp cổ bé miệng" tỏ ra bất bình trước sự thổi phồng rùm beng của đôi vợ chồng Kate và Gerry, viện dẫn có những cha mẹ tại các nước nghèo họ mất con còn đau lòng hơn hoàn cảnh của bé Madeleine nữa. Nhưng họ không nhận được sự hỗ trợ đình đám như vợ chồng Kate và Gerry. Thế mới biết thế giới chúng ta đang sống bất công quá phải không bạn? Cho đến bây giờ đám mây bí ẩn vẫn bao trùm quanh số phận cô bé Madeleine McCann.

Putin với bóng ma chiến tranh lạnh

Tưởng đâu cái thời gian chiến tranh lạnh giữa các cường quốc Nga - Mỹ cùng với khối đồng minh Châu Âu đã lùi vào dĩ vãng rồi chớ ai đề đầu. Vào tháng tư 26.04.2007, khối NATO liên phòng Bắc đại tây dương nhóm họp bán chính thức tại thủ đô Oslo với sự hiện diện của ngoại trưởng Mỹ, bà Condoleezza Rice. Giới chuyên môn xem cuộc gặp gỡ giữa hai ngoại trưởng Rice và Jonas Gahr Støre của Na Uy là một biến cố lớn trong năm, nhằm nói lên chính quyền Mỹ "vẫn xóa bỏ làm lạnh" thân thiện với quốc gia Na Uy qua vấn đề Na Uy công nhận Palestina là một quốc gia tự trị lập quan hệ bình thường hoá với lãnh thổ này, trong khi nhiều nước khác trong đó có Mỹ không công nhận. Bà Rice nhân cơ hội này đã yêu cầu khối NATO gây áp lực với Palestina trước khi lãnh thổ này được thế giới nhìn nhận qua việc họ phải tỏ ra thiện chí công nhận các nguyên tắc, nền tảng đưa đến hoà bình. Có nghĩa Palestina công nhận Israel và từ

bỏ hành vi bạo động muôn thuở của họ.

Sự có mặt của bà Rice trong cuộc họp với khối NATO lần này còn có thêm mục đích tìm kiếm đồng minh cho việc Mỹ dự định thiết lập mạng lưới phòng chống phi đạn tại một vài nước Châu Âu. Từ Nga, tổng thống Putin lên tiếng phản đối Mỹ về dự án này. Chỉ sau vài giờ họp của khối NATO, tại quốc hội Dumaen Moskva, Putin đã

tỏ thái độ bất bình, chỉ trích Mỹ và khối NATO lợi dụng tình thế hiện nay để gia tăng phòng thủ quanh nước Nga từ các nước Tiệp khắc và Ba Lan. Putin còn hăm dọa nếu thương lượng không xong thì Nga sẽ rút chân khỏi hiệp ước CFE về việc giải trừ quân bị.

Tháng tư đen mà nghe lời hù dọa của tổng thống Putin ai cũng ớn lạnh xương sống, vậy là

Nụ cười thời tin học



Chát

Nữ thư ký của một công ty máy tính nói với giám đốc: "Vợ ông gửi e-mail đến cho ông".
"Thế bà ta nói gì vậy?"
"Bà ấy nói muốn chát với ông và hôn ông qua webcam".
"Cô cứ trả lời là tôi đang bận, không thể chát với bà ấy được. Nhưng nếu bà ấy muốn hôn tôi qua webcam thì cô cứ nhận giùm đi, sau đó gửi lại cho tôi".

Thơ tình

Một anh thuộc loại nghiện chát, một hôm nhớ người yêu làm bài thơ tình như sau:
Có nhiều lúc gục đầu trên *Keyboard*
Anh vô tình nhấn *Shift* viết tên em
Anh yêu em mà em chẳng *Open*
Mở cửa trái tim và *Save* anh vào đó
Cửa nhà em mẹ đã gài *Password*
Suýt nữa anh rách quần vì cố vượt *Firewall*

Computer trả lời

Một khách hàng loay hoay chưa dùng được phần mềm quản lý tài chính lên máy tính vì quy trình cài đặt quá rắc rối với nhiều lớp mặt khâu khác nhau. Bực mình, ông ta gõ bừa:
"Con C. tao nè.." Ngay lập tức, màn hình báo lỗi: "Từ chối. Chưa đủ dài. Phải ít nhất 18 ký tự".

Cần nhau

Thấy người vợ lúc nào về nhà cũng ngồi ngay vào chiếc máy tính và ít quan tâm đến mình, ông chồng nổi cáu: "Rốt cuộc, em cần anh hay cần nó?"
Vợ : "Em cần anh nhiều lắm chứ".
Chồng quát: "Cần lúc nào? Có thấy đói hoài gì đâu?"
Vợ: "Những lúc nó hồng, em cần anh... sửa nó"
Chồng : ???

Giá như cuộc sống là cái Computer

Nếu thấy cuộc sống quá rối ren, ta có thể ấn *Ctrl - Alt - Del* để làm lại mọi thứ từ đầu.
Đề tập thể dục hàng ngày, chỉ cần nhấn vào nút *Run* cho chạy.
Nếu muốn nghỉ ngơi một lát, chỉ cần nhấn *Suspend* tạm ngừng.
Đề thêm hay bớt ai đó trong đời, chỉ cần vào *Control Panel* hay *Add Remove Programs*.
Muốn nhan sắc đẹp hơn, ta có thể vào *Display Settings* để chỉnh sửa.
Nếu thấy cuộc đời quá ồn ào, tắt loa đi là lặng yên trở lại.
Khi đánh mất chìa khóa xe, nhấn *Find* là thấy.
Muốn được tư vấn, giúp đỡ, chỉ cần một cái nhấn chuột vào *Help*.
Và khi muốn gửi tình yêu đến ai đó, chỉ cần bấm *Send now*.

Lê Nguyên (sưu tầm)

bóng ma chiến tranh lạnh vẫn còn hiện hữu ở thế kỷ 21 này bạn ạ. Các nước họ vẫn còn trang bị, dè dặt, chờ xem động tĩnh để đối phó với nhau bằng vũ khí hiện đại.

Iran với luật ném đá cổ đại

Trong kinh thánh Công giáo có đoạn ghi chép rằng: Khi Chúa Giê-su chứng kiến cảnh dân chúng bao quanh ném đá người phụ nữ bị tố cáo ngoại tình. Ngài thấy thương tâm và phán bảo với mọi người rằng ;”Ai trong các người sạch tội... thì hãy ném đá người này đi“. Chỉ trong thoáng chốc họ đã dừng tay quay lại nhìn nhau và bỏ đi hết.

Tương đầu ở thế kỷ 21 này, thế giới không còn phải chứng kiến cảnh tử hình man rợ này nữa chứ. Dè dặt tại Iran luật này vẫn còn áp dụng công khai đó bạn! Tháng 6.2007 được tin từ Amnesty cho biết chính quyền Iran sẽ tử hình bà Mokarrameh Ebrahimi 43 tuổi, tội ngoại tình với anh Jafar Keyiani (cả hai cùng bị kết án). Cộng đồng thế giới trong đó có Na Uy cực lực phản đối bản án này. Thượng tuần tháng 06.2007 ông Olav Akselsen trưởng ban đối ngoại Na Uy đã đến Iran để trao gởi 4 trang giấy cho chính quyền Iran, trong đó có trên 20.000 ngàn dân Na Uy đồng ký tên hỗ trợ yêu cầu hủy bỏ án cho Mokarrameh Ebrahimi. Trước sức ép của cộng đồng thế giới Iran đã tạm thời đình hoãn bản án. Nhưng đến chỉ 2 tuần sau đó anh Jafar Keyiani đã bị đem ra ném đá cho tới chết. Dân Na Uy vẫn còn ngậy thơ quá, đòi hỏi quyền làm người ở một nước không có hiến pháp nhân quyền DÂN CHỦ như Iran, Việt Nam, Trung Quốc là một việc làm vô ích.

Bà chặn bắt nạt nhân viên - Hậu quả từ chức

Nội vụ “xi đăng can” mang tai tiếng nhất trong năm 2007 tại Na Uy, có lẽ là vụ tranh chấp cá nhân giữa Gerd-Liv Valla (58 tuổi), người được mệnh danh là “thủ tướng trưởng” và có nhiều quyền lực nhất ở Na Uy với nhân viên dưới quyền là bà Ingunn Yssen (48 tuổi) tại tổng hành dinh nghiệp đoàn lao động (LO).

Đầu đuôi sự việc như sau, ngày 10.01.07 Ingunn Yssen, nhân viên thư ký riêng của bà Gerd-Liv Valla nguyên là chủ tịch Tổng Nghiệp Đoàn Lao Động đã đệ đơn xin xin thôi việc với lý do bà đã quá sức chịu đựng sau 3 năm làm việc dưới quyền của bà ‘mẹ chặn’ Gerd-Liv Valla. Ingunn Yssen khôn ngoan lợi dụng sức mạnh của giới truyền thông để kể lể kết tội bà Valla đủ điều trong suốt thời gian bà phục vụ tại văn phòng của Valla. Ôi thôi đúng là chuyện đàn bà xích mích với nhau, nào là “bà ta không thích

tui có bầu, gây chậm trễ công việc. Bà chỉ khoái ai phục tùng bà ...Nhiều lần tui bị bà chửi như tát nước giữa chốn công cộng, nơi phi trường một cách trắng trợn, khiến tui chỉ muốn độn thổ”. Đồi ngược lại, Valla đã công kích Ingunn Yssen cho rằng thị ta ăn nói quá hồ đồ, không đúng sự thật làm tổn thương đến thanh danh của thị.

Bạn biết mà, giới báo chí rất khoái khơi chuyện tranh chấp này. Thế là cuộc nội chiến xảy ra kéo thêm nhiều người có thể lực vẫy cánh bên vực cho mỗi bên. Mãi cho đến ngày 09.03 sau khi chịu đựng hết nỗi áp lực từ nhiều phía, Valla đã đồng ý từ chức một công việc béo bở được đánh giá có thể lực bậc nhất tại Na Uy. Bạn thấy đấy, thế giới tự do nó có giá của nó, không phải người có quyền hành muốn làm gì thì làm đâu nhé. Bất nạt nhân viên trong công sở là một hành động cấm kỵ. Qua sự việc tranh chấp này một số người cho rằng sở dĩ bà Valla phải chào thua Yssen là vì sức mạnh của giới truyền thông Na Uy đã đào sâu và khoác lên mình bà Valla một hình ảnh của một mẹ chặn độc quyền, dữ dằn, tạo cho dư luận một hình ảnh xấu để rồi Valla trở thành một nạn nhân của giới truyền thông.

Per Ditlev-Simonsen về vườn vì trương mục kín

Có tiền của ăn của cất phải cẩn thận nghe bạn, đừng làm như thị trưởng Oslo Per Ditlev-Simonsen thì chỉ có nước về vườn nuôi gà. Số là ngài thị trưởng Simonsen sau khi vợ chết, ông được thừa hưởng tài sản với số tiền 1,5 triệu kroner cùng năm đó (1995) số tiền này được tăng lên thành 2 triệu trong một trương mục “kín” của ông tại Thụy Sĩ. Sau đó, ông đã xóa trương mục tại đây. Simonsen đã “quên” không khai thuế số tiền kín mà ông được thừa hưởng gia sản. Nhưng vụ việc đã bị khui ra sau một vụ tranh chấp tài sản giữa con gái ông với người chồng đã ly dị. Thế là “buồn ơi ta xin chào mi”, ngài thị trưởng Oslo bị các cấp có thẩm quyền, sở thuế vụ, giới báo chí phanh phui chuyện đánh cho tơi bời hoa lá đến nỗi ông buộc phải từ chức về vườn hưởng nốt tuổi già. Vậy là danh tiếng cả cuộc đời chính trị của ông đã bị đem đổ sông đổ biển.

Lê Nguyên

(Tài liệu tham khảo. Nhật báo dagbladet, VG, Aftenposten, Finansavisen, BBC,

Hãy cho nhau nụ cười

♩ = 94

Nhạc & lời : Trần Thụy Minh

Kêu gọi - tha thiết

Bạn ơi! Hãy cho nhau nụ cười. Nụ cười hôm nay xóa đi bao nỗi đắng cay.

Bạn ơi! hãy mang đến niềm vui. Niềm vui cho nhau xóa đi bao sầu đau.

Đừng làm buồn nhau! Đừng ghen ghét nhau và đừng gian dối nhau, bạn ơi!

Bạn ơi! hãy cho nhau nụ cười. Nụ cười hôm nay là hạnh phúc cho ngày mai.

Bạn ơi! Hãy mang đến niềm vui. Niềm vui trong tim xóa đi bao ưu phiền.

Đừng giận hờn nhau! Đừng ghen ghét nhau và đừng gian dối nhau, bạn ơi!

Ồi đời là vô thường, bể khổ vô biên.

Ồi đời là vô thường, bể khổ vô biên.

nên hãy cho nhau tình thương. Đời là giấc mộng, cuộc sống phù

Copyright (C) - Trần Thụy Minh 05.02.2007

sinh, nên hãy yêu thương chân tình. Xin hãy cùng nhau
quên đi hận thù. Kết vòng tay thân yêu, hòa chung nhịp tim và
muôn ngàn tiếng ca, vang lời yêu thương thiết tha. Bạn
tha. Để hết... Lá la la là là la lá la là la... Hết
Lá la la là xin cho nhau nụ cười vui...



Cùng chúc tân xuân

Viết & Đọc thân chúc toàn thể các thân
hữu góp mặt trong đặc san 2008 và
bạn đọc khắp nơi một năm mới an
khang thịnh vượng.

